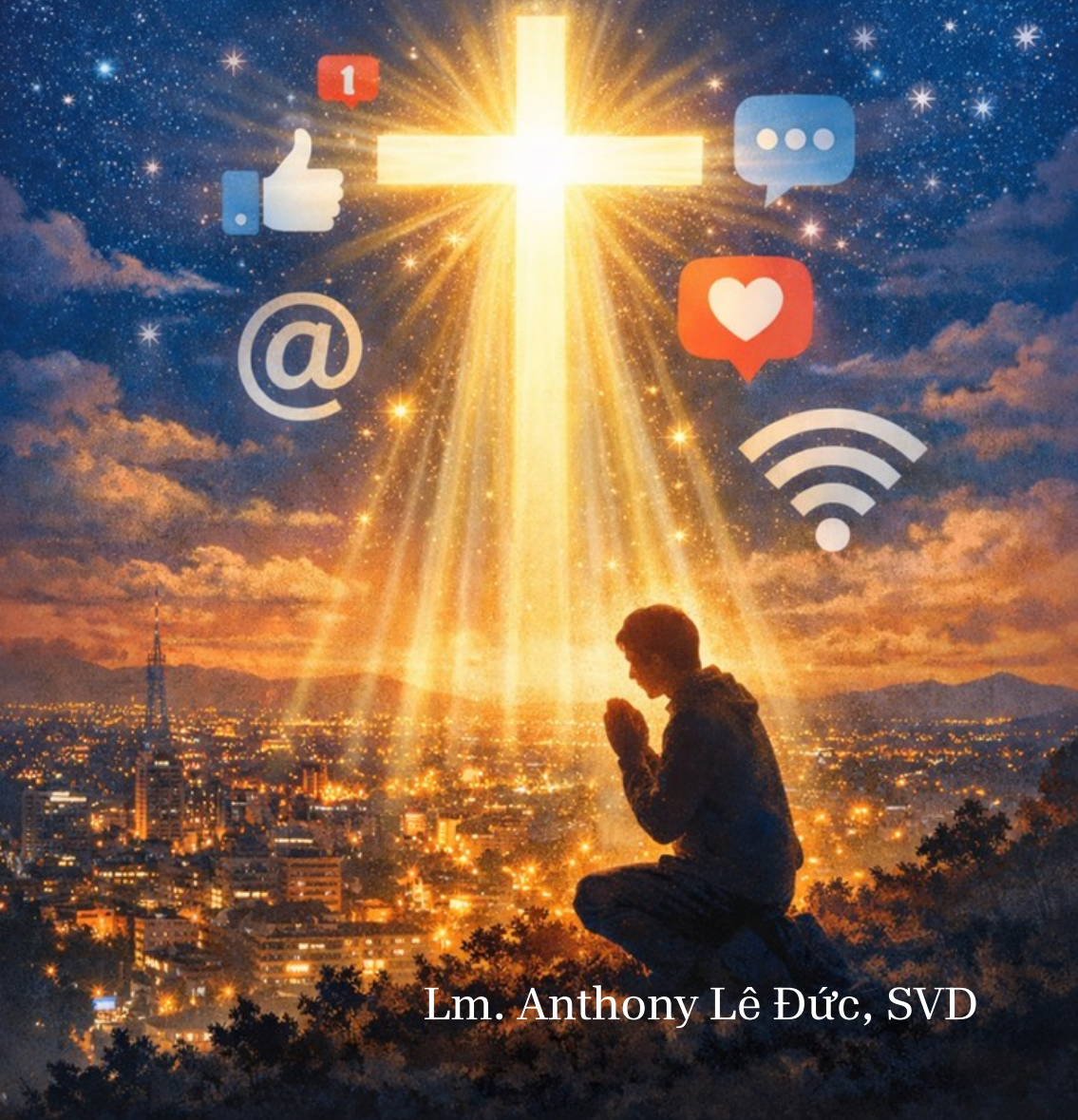


TÁM MỖI PHÚC

TRÊN MẠNG XÃ HỘI

Đời sống Kitô hữu trong không gian số



Lm. Anthony Lê Đức, SVD

TÁM MỐI PHÚC TRÊN MẠNG XÃ HỘI

Đời sống Kitô hữu trong không gian số

Lm. Anthony Lê Đức, SVD

Asian Research Center for Religion and Social Communication
St John's University
Bangkok, Thailand
2026

Tám Mối Phúc Trên Mạng Xã Hội: Đời Sống Kitô Hữu Trong Không Gian Số

Copyright © 2026 Trung tâm Nghiên cứu Á Châu về Tôn giáo và Truyền thông Xã hội (Asian Research Center for Religion and Social Communication, St. John's University, Bangkok, Thailand)
Email: admin@asianresearchcenter.org

All rights reserved.

Manufactured in Bangkok, Thailand

MỤC LỤC

Lời nói đầu

5

Chương 1

*Phúc thay người có hiểu biết,
vì họ bước đi trong ánh sáng*

8

Chương 2

*Phúc thay người sống căn tính môn đệ Đức Kitô,
vì họ ở lại trong Người*

30

Chương 3

*Phúc thay người hiện diện chân tình,
vì họ tạo không gian cho sự gặp gỡ*

53

Chương 4

*Phúc thay người biết sống nhân văn,
vì họ bảo vệ phẩm giá con người*

76

Chương 5

*Phúc thay người có tinh thần đối thoại,
vì họ xây dựng tình hiệp thông*

107

Chương 6

*Phúc thay người nói lời ngôn sứ,
vì họ nói sự thật trong yêu thương*

126

Chương 7

*Phúc thay người tạo ảnh hưởng lành mạnh,
vì họ dẫn người khác đến sự sống*

146

Chương 8

*Phúc thay người tiến bước trên con đường hiệp hành,
vì họ thuộc về Dân Thiên Chúa*

166

Lời kết

187

Lời Nói Đầu

Chúng ta đang sống trong một thời đại mà rất nhiều cuộc gặp gỡ không còn diễn ra trực diện, mà qua màn hình. Ở đó, con người trò chuyện, tranh luận, chia sẻ, bày tỏ niềm tin, và cả làm tổn thương nhau—nhanh hơn, nhiều hơn, và đôi khi sâu hơn ta tưởng.

Mạng xã hội không còn là một công cụ trung tính. Nó đã trở thành một không gian sống, nơi con người hình thành cách nhìn về thế giới, về người khác, và về chính mình. Chính trong không gian ấy, người Kitô hữu hôm nay cũng đang sống đức tin của mình—hoặc đang để đức tin ấy bị bào mòn—qua từng lời nói, từng chia sẻ, từng thái độ hiện diện.

Tập sách nhỏ này được viết ra từ một xác tín rất đơn sơ: *đời sống đức tin không dừng lại trước màn hình.*

Nếu Tin Mừng có điều gì để nói với thế giới hôm nay, thì Tin Mừng cũng có điều để nói với cách chúng ta tương tác, tranh luận, đồng hành và làm chứng cho sự thật trong môi trường số.

Tám Mối Phúc Trên Mạng Xã Hội không phải là một cẩm nang kỹ thuật, cũng không phải là danh sách những điều nên làm hay không nên làm khi sử dụng mạng xã hội. Cuốn sách này chọn một con đường khác: con đường của linh đạo.

Lấy cảm hứng từ các Mối Phúc trong Tin Mừng—không như những khẩu hiệu đạo đức, mà như một lộ trình hoán cải và lớn lên—tám chương của sách mời gọi người đọc nhìn lại cách mình hiện diện trong không gian số như một người môn đệ, chứ không chỉ như một người sử dụng công nghệ. Mỗi chương không nhằm đưa ra những câu trả lời sẵn có, mà mở ra những

câu hỏi cần được mang vào cầu nguyện, vào phân định, và vào đời sống hằng ngày.

Cuốn sách không giả định rằng người đọc luôn làm đúng. Trái lại, nó khởi đi từ thực tế rất người: *chúng ta dễ bị cuốn vào nhịp nhanh, dễ phản ứng hơn là lắng nghe, dễ nói thay vì hiểu, và dễ quên rằng phía bên kia màn hình là một con người thật, với phẩm giá không thể bị rút gọn thành một ý kiến hay một hình ảnh.*

Chính vì thế, mỗi chương trong tập sách này được trình bày theo hai nhịp đọc.

Phần thứ nhất là phiên bản đầy đủ, được viết với mạch suy tư rộng, nhiều lớp, như một hành trình suy niệm chậm rãi. Phần này phù hợp cho những ai muốn ở lại lâu hơn với một chủ đề, đọc trong cầu nguyện, tĩnh tâm, hoặc suy nghĩ sâu về những chuyển động nội tâm mà đời sống số đang tạo ra.

Ngay sau đó là phiên bản rút gọn của cùng chương ấy. Đây không phải là bản tóm tắt kỹ thuật, cũng không nhằm thay thế phần đầy đủ. Phiên bản rút gọn giữ cùng mạch văn và các tiêu đề chính, nhưng lược bỏ những triển khai không thiết yếu, để người đọc có thể nắm trọn ý tưởng cốt lõi trong một nhịp đọc ngắn hơn. Nó giống như một lần đọc lại—lắng hơn, gọn hơn—để điều vừa đọc có thể lắng xuống và ở lại.

Hai phiên bản ấy không đặt trong tương quan cạnh tranh, mà trong tương quan bổ túc. Người đọc có thể bắt đầu bằng bản đầy đủ rồi dừng lại ở bản rút gọn như một cách hồi tâm. Cũng có thể đọc bản rút gọn trước, rồi quay lại bản đầy đủ khi có thời gian và không gian nội tâm phù hợp hơn. Cuốn sách không áp đặt một cách đọc duy nhất, nhưng mở ra nhiều lối tiếp cận, tùy theo nhịp sống và khả năng của mỗi người.

Bởi vì đời sống thiêng liêng không diễn ra theo một nhịp đều đặn. Có những ngày ta có thể đọc chậm và sâu. Có những ngày ta chỉ đủ sức dừng lại với vài trang ngắn. Cấu trúc hai

nhịp này được hình thành từ chính sự tôn trọng những giới hạn rất người ấy.

Tập sách này được biên soạn cho những ai đang thao thức trước những câu hỏi rất cụ thể:

Làm thế nào để sống đức tin cách trung thực trong thế giới số?

Làm thế nào để duy trì sự tử tế và không đánh mất nhân tính khi tương tác trực tuyến?

Và làm thế nào để mạng xã hội có thể trở thành nơi gieo hy vọng, thay vì chỉ khuếch đại chia rẽ?

Cuốn sách dành cho người trẻ đang lớn lên cùng công nghệ, cho những người làm mục vụ, cho các gia đình, cho các cộng đoàn, và cho bất cứ ai mong muốn sống Tin Mừng trọn vẹn hơn—không phải như người đứng ngoài quan sát, mà như người đang ở chính trong dòng chảy của thế giới số hôm nay.

Ước mong rằng khi gấp lại những trang sách này, người đọc không chỉ mang theo một vài ý tưởng mới, mà mang theo một cách nhìn khác: nhìn mạng xã hội không chỉ như nơi để nói, mà như nơi để gặp gỡ; không chỉ như nơi để thể hiện, mà như nơi để đồng hành; và không chỉ như nơi để khẳng định mình, mà như nơi để cùng nhau bước đi trong sự thật và tình yêu.

Nếu tập sách này giúp người đọc dừng lại một chút trước khi lên tiếng, lắng nghe sâu hơn trước khi phản ứng, và hiện diện nhân bản hơn trong từng tương tác nhỏ, thì hành trình của nó đã bắt đầu sinh hoa trái.

Bởi vì nơi mỗi người đang đứng—kể cả trước một màn hình—vẫn có thể trở thành mảnh đất cho Tin Mừng nảy mầm.

Chương 1

Phúc thay người có hiểu biết, vì họ bước đi trong ánh sáng

Từ ngày Đức Giáo hoàng Lêô XIV được bầu chọn, mạng xã hội gần như bùng nổ. Video về ngài xuất hiện khắp nơi: các bài giảng, phát biểu, trả lời phỏng vấn được chia sẻ liên tục. Người Công giáo theo dõi, người ngoài Công giáo cũng tò mò xem. Phần lớn những nội dung ấy là thật, được đăng lại từ các nguồn chính thống và đáng tin cậy.

Nhưng rồi, giữa những điều thật đó, một thực tại rất đáng sợ bắt đầu xen vào. Trên YouTube xuất hiện hàng loạt kênh lạ, đăng những video rất dài, có khi hơn nửa tiếng đồng hồ, trong đó “Đức Giáo hoàng” nói về đức tin, luân lý, và những vấn đề nhạy cảm của Giáo Hội cũng như xã hội. Màn hình chỉ hiện lên một tấm hình tĩnh của ngài, không có cảnh quay, không có chuyển động. Chỉ có một giọng nói—và điều đáng nói là giọng đó giống thật đến rợn người. Không phải ai cũng nhận ra đây là sản phẩm giả mạo.

Những video ấy thu hút hàng chục ngàn lượt xem. Dưới phần bình luận, người ta cầu nguyện, tán thán, và viết “Amen” với tất cả lòng đạo đức chân thành. Họ không hề biết rằng mình đang lắng nghe một sản phẩm của trí tuệ nhân tạo, chứ không phải lời của vị Giáo hoàng thật.

Cho đến hôm nay, nhiều kênh như thế vẫn còn tồn tại trên mạng. Nếu không bị báo cáo và gỡ bỏ, chúng tiếp tục lan

truyền, gieo rắc sự nhầm lẫn và âm thầm đánh lừa những người có thiện chí. Điều nguy hiểm là Đức Giáo hoàng không chỉ là một nhân vật tôn giáo, mà còn là một lãnh đạo có ảnh hưởng toàn cầu. Khi lời nói của ngài bị làm giả, hậu quả có thể vượt xa phạm vi Giáo Hội.

Câu chuyện này phơi bày một thực tế rất rõ của thời đại chúng ta: *sự thật và giả mạo đang đứng sát nhau hơn bao giờ hết*. Ngày nay, chỉ cần một giọng nói được làm giả hay một hình ảnh do máy tính tạo ra cũng đủ khiến hàng ngàn người tin vào điều không có thật—và điều đáng lo nhất là họ tin một cách rất ngay lành, rất vô thức.

Khi đời sống của chúng ta, từ trò chuyện, kết nối cho đến cách hiểu thế giới, ngày càng diễn ra qua màn hình, người Kitô hữu không thể sống như thể mình không liên quan. Sống đức tin trên mạng không chỉ là đăng bài đạo đức, bấm “thích” hay chia sẻ những câu hay. Trước hết, đó là chuyện hiểu mình đang bước đi trong một không gian như thế nào.

“Hiểu biết” trong thời đại số không có nghĩa là đọc hết tin tức hay theo kịp mọi xu hướng—điều đó là không thể. Mỗi ngày, thế giới tạo ra một lượng thông tin khổng lồ vượt quá khả năng tiếp nhận của bất cứ ai. Hiểu biết, đúng hơn, là tỉnh táo: biết mạng xã hội vận hành ra sao, nhận ra những cạm bẫy ẩn sau những thứ tưởng như vô hại, và biết sử dụng mạng với sự khôn ngoan, liêm chính và lòng yêu thương.

Hiểu biết cũng không chỉ là một kỹ năng.

Nó là một thái độ sống,

thậm chí là một thực hành thiêng liêng.

Nhờ đó, chúng ta bảo vệ sự thật, gìn giữ sự hiệp thông, và để cho cách mình hiện diện trên mạng phản chiếu được Đức Kitô—*Đáng là Ánh Sáng của thế gian*.

Chính vì đời sống Kitô hữu trên mạng chạm đến đời sống nội tâm, các mối quan hệ, xã hội và cả Giáo Hội, nên cuốn sách này bắt đầu bằng một lời mời gọi rất căn bản: trước hết, hãy là người có hiểu biết.

Lời mời gọi của người Kitô hữu—Sống tỉnh thức giữa biển thông tin

Có lần Đức Giêsu nói một câu rất quen thuộc: *“Sự thật sẽ giải phóng anh em.”*

Nghe thì đơn giản, nhưng trong thế giới hôm nay, câu nói ấy không còn dễ hiểu như trước. Bởi lẽ, sự thật không chỉ nằm ở nội dung của một thông tin, mà còn nằm ở cách thông tin đó được đưa tới chúng ta, được chọn lọc, sắp xếp và nhấn mạnh như thế nào.

Ngày xưa, biết sự thật thường được hiểu là phân biệt đúng hay sai, thật hay giả. Còn hôm nay, giữa một biển thông tin dày đặc, biết sự thật đòi hỏi nhiều hơn thế.

Ta cần tự hỏi:

ai đang nói,

nói với mục đích gì,

và bằng cách nào những gì ta thấy trên màn hình đang âm thầm ảnh hưởng đến suy nghĩ, cảm xúc và các lựa chọn của mình.

Nhiều người vẫn cho rằng Giáo Hội chậm chạp hoặc e dè trước khoa học và công nghệ. Nhưng nhìn lại lịch sử, điều đó không phản ánh đầy đủ thực tế. Không ít khám phá lớn của nhân loại đã nảy sinh trong bối cảnh Kitô giáo: từ máy in giúp phổ biến Kinh Thánh, cho đến những đóng góp quan trọng trong khoa học, nghệ thuật và triết học. Giáo Hội chưa bao giờ

chống lại sự tiến bộ, miễn là sự tiến bộ ấy phục vụ con người và phẩm giá của họ.

Cho đến hôm nay, Giáo Hội vẫn tích cực hiện diện trong các cuộc đối thoại về khoa học, kỹ thuật và truyền thông. Các phương tiện truyền thông hiện đại không bị coi là điều xấu; trái lại, chúng được nhìn nhận như những thành tựu đáng kinh ngạc, có khả năng mở mang trí tuệ, chạm đến trái tim và giúp Tin Mừng được loan báo xa hơn bao giờ hết.

Tuy nhiên, đi kèm với tiềm năng ấy luôn là một lời cảnh báo. Bất cứ công cụ nào cũng có hai mặt. Điều có thể xây dựng cũng có thể phá hủy. Truyền thông hiện đại, nếu không được sử dụng cách tinh tế, có thể dẫn con người đi xa khỏi sự thật, làm tổn thương các mối quan hệ và bóp méo cách ta nhìn thế giới.

Chính vì thế, Giáo Hội không chỉ mời gọi chúng ta sử dụng truyền thông,

mà còn mời gọi chúng ta học cách sử dụng cho đúng.

Sống có hiểu biết trên mạng không phải là một lựa chọn phụ, càng không phải là chuyện của riêng người trẻ hay người làm truyền thông. Đó là một đòi hỏi thiết yếu của đời sống Kitô hữu hôm nay.

Chúng ta được mời gọi biết phân định điều mình thấy, điều mình nghe và điều mình chia sẻ. Không phải mọi thứ xuất hiện trên màn hình đều đáng tin. Không phải điều gì được lặp đi lặp lại nhiều lần cũng là sự thật. Sống có hiểu biết nghĩa là không để mình bị cuốn đi một cách vô thức, nhưng dừng lại đủ lâu để tự hỏi: điều này đến từ đâu, có đáng tin không, và đang dẫn mình đến đâu.

Trong thế giới mạng, nơi mọi thứ trôi qua rất nhanh, người Kitô hữu được mời gọi sống ngược dòng một chút: chậm hơn, sâu hơn và có trách nhiệm hơn. Không phải để tách mình khỏi

thế giới, mà để hiện diện trong thế giới ấy với ánh sáng của Tin Mừng.

Sống như thế không chỉ giúp ta tự bảo vệ mình trước những lừa dối tinh vi, mà còn giúp ta trở thành người xây dựng:

xây dựng sự thật,

xây dựng niềm tin

và xây dựng những không gian đối thoại lành mạnh—

ngay cả trên mạng.

Nói cách khác, sống đức tin hôm nay không thể tách rời đời sống truyền thông. Và sống truyền thông cách Kitô hữu thì không thể thiếu một điều rất căn bản: biết mình đang ở đâu, và biết mình đang để điều gì định hình trái tim mình.

“Ngữ pháp” của mạng xã hội: Khi phương tiện âm thầm uốn nắn con người

Khi học một ngôn ngữ mới, người ta thường nghĩ chỉ cần học thật nhiều từ vựng là đủ. Nhưng bất cứ ai từng học ngoại ngữ đều biết rằng nếu không hiểu ngữ pháp, ta có thể biết rất nhiều từ mà vẫn không nói được điều mình muốn nói, hoặc không hiểu trọn vẹn điều người khác đang diễn đạt. Ngữ pháp là những quy luật âm thầm đứng phía sau ngôn ngữ. Nó quyết định cách các từ nối với nhau, cách ý nghĩa được hình thành và cách người nghe tiếp nhận điều được nói ra.

Truyền thông cũng vậy. Mỗi phương tiện truyền thông—từ sách, phim ảnh, email, tin nhắn cho đến mạng xã hội—đều có một “ngữ pháp” riêng. Đó không phải là thứ được viết ra trong sách hướng dẫn, mà là những thói quen, nhịp điệu và luật chơi ngầm định. Chính những điều ấy không chỉ ảnh hưởng đến cách ta nói, mà còn ảnh hưởng đến cách ta nghĩ, cảm và phản ứng.

Nếu không ý thức điều này, chúng ta rất dễ tưởng rằng mình đang tự do suy nghĩ, trong khi thực ra đang bị môi trường truyền thông dẫn dắt một cách vô hình. Mạng xã hội cũng có ngữ pháp của nó. Và nếu không học cách nhận ra ngữ pháp ấy, ta sẽ phản ứng, chia sẻ và phán đoán mà không hề nhận ra rằng chính nền tảng mình đang sử dụng đã định hướng cảm xúc và suy nghĩ của mình từ trước.

Nhưng khi hiểu được “ngữ pháp” đó, ta có thể bước vào thế giới số với sự tỉnh táo, thay vì bị cuốn đi một cách vô thức.

Một trong những đặc điểm rõ rệt nhất của ngữ pháp mạng xã hội là tốc độ và sự ngắn gọn.

Mọi thứ đều phải nhanh,

phải gọn,

phải lập tức.

Bài viết càng ngắn càng dễ được đọc. Phản hồi càng nhanh càng dễ được chú ý. Chậm một chút thôi là đã bị trôi mất giữa dòng cuộn bất tận.

Không khó để nhận ra điều này qua những nội dung rất phổ biến như các video “phản ứng”. Người ta quay lại khoảnh khắc mình phản ứng ngay lập tức trước một bài hát, một cảnh phim hay một sự kiện bất ngờ. Người xem thích những phản ứng “nguyên chất”, chưa qua suy nghĩ, chưa qua phân định. Những video như thế có thể rất giải trí, nhưng chúng cũng phản ánh một nét văn hóa sâu xa của thế giới số: mạng xã hội thường cho phản xạ nhanh hơn là suy tư sâu.

Trong khi đó, Tin Mừng mời gọi người Kitô hữu sống với sự khôn ngoan và kiên nhẫn. Thánh Kinh nhắc rằng: “*Người công chính suy nghĩ trước khi trả lời*” (Cn 15,28).

Nhưng nhịp điệu của mạng xã hội lại thường đẩy ta làm điều ngược lại: trả lời trước khi kịp suy nghĩ. Trong bối cảnh

ấy, sống có hiểu biết nhiều khi chỉ bắt đầu bằng một hành động rất nhỏ nhưng rất khó: *chậm lại*.

Đọc kỹ hơn.

Dừng lại trước khi phản ứng,

*để cho lòng bác ái—chứ không phải cảm xúc bộc phát—
hướng dẫn lời nói và hành động của mình.*

Ẩn sâu bên dưới nhịp độ ấy là một yếu tố khác của “ngữ pháp” mạng xã hội: thuật toán và nền kinh tế chú ý. Thuật toán âm thầm quyết định ta sẽ thấy gì, thấy khi nào và thấy bao nhiêu lần. Mục tiêu của nó không phải là sự thật, cũng không phải là điều tốt cho con người, mà là giữ ta ở lại càng lâu càng tốt. Bởi vì càng ở lại lâu, ta càng xem nhiều quảng cáo, và nền tảng càng thu được lợi nhuận.

Chỉ cần một lần ta dừng lại trước một nội dung gây tranh cãi, chẳng bao lâu sau bảng tin sẽ tràn ngập những nội dung tương tự, thường ngày càng gay gắt, cảm xúc và cực đoan hơn. Không phải vì ta cố ý tìm kiếm, mà vì hệ thống đã học được điều gì khiến ta dừng lại. Sự lặp lại ấy dần dần định hình cách ta nhìn vấn đề, và cả cách ta nhìn những người không đồng quan điểm với mình.

Về mặt thiêng liêng, đây là một thách đố lớn. Nếu không tỉnh thức, ta có thể đánh mất tự do nội tâm mà không hề nhận ra. Thuật toán học rất nhanh điều gì khiến ta tức giận, sợ hãi hay tò mò—và liên tục đưa những điều đó đến trước mắt ta, không phải để giúp ta hiểu hơn, mà để giữ ta bị cuốn vào. Sống có hiểu biết, trong bối cảnh này, là giành lại quyền làm chủ sự chú ý của mình.

Đó không chỉ là khôn ngoan, mà còn là một hành vi tự do nội tâm:

quản lý ân huệ trí tuệ và con tim mà Thiên Chúa đã trao ban.

Một hệ quả khác của ngữ pháp mạng xã hội là hiện tượng “buồng vang”. Ngày xưa, buồng vang là một căn phòng có thật, nơi âm thanh dội đi dội lại để làm giọng hát hay nhạc cụ nghe dày và sâu hơn. Nhưng trong thế giới số, buồng vang mang một ý nghĩa rất khác. Đó là những không gian nơi ta hầu như chỉ nghe những tiếng nói giống mình. Ta thích một ý kiến, chia sẻ một quan điểm, và dần dần bảng tin chỉ còn đầy những điều quen thuộc.

Theo thời gian, thế giới của ta thu hẹp lại.

Ta ngày càng chắc chắn rằng mình đúng,

không hẳn vì mình hiểu sâu hơn,

mà vì không còn nghe thấy ai nói khác.

Sự quen thuộc bị nhầm lẫn với sự khôn ngoan. Nhiều nghiên cứu cho thấy việc tiếp xúc liên tục với cùng một loại nội dung có thể làm con người trở nên cực đoan hơn, ngay cả khi những quan điểm ấy không còn gắn chặt với sự thật.

Về mặt thiêng liêng, điều này đặc biệt đáng lo. Đời sống Kitô hữu không thể lớn lên nếu thiếu lắng nghe và đối thoại. Giáo Hội được mời gọi sống tinh thần hiệp hành, nơi mỗi người học cách nghe tiếng nói của người khác với lòng tôn trọng. Khi bị nhốt trong buồng vang, khả năng ấy dần dần suy yếu.

Sống có hiểu biết, vì thế, không chỉ là biết thêm thông tin mới, mà là dám bước ra khỏi vùng quen thuộc, lắng nghe những tiếng nói làm mình khó chịu, và giữ cho trái tim không khép lại trước sự phong phú của kinh nghiệm con người.

Cuối cùng, “ngữ pháp” của mạng xã hội còn thể hiện ở cách danh tính con người bị đo đếm bằng con số.

Lượt thích,

lượt xem,

lượt theo dõi dần dần trở thành thước đo giá trị.

Ta vui khi được nhiều phản hồi, và hụt hẫng khi bị lãng quên. Nhưng phẩm giá con người không đến từ con số. Phẩm giá ấy đến từ Thiên Chúa.

Đức Giêsu đã cảnh báo:

“Anh em hãy coi chừng, đừng phô trương việc đạo đức trước mặt thiên hạ để được họ thấy” (Mt 6,1).

Trong một thế giới luôn thúc đẩy ta trình diễn để được chú ý, sống có hiểu biết là nhận ra cảm dỗ ấy và biết lùi lại. Danh tính của người Kitô hữu không được đo bằng thuật toán, nhưng được neo chặt trong lòng thương xót của Thiên Chúa—nơi mà không một nền tảng nào có thể chạm tới.

Những nguy cơ khi bước vào thế giới số mà không tỉnh thức

Ngay cả khi đã hiểu phần nào cách mạng xã hội vận hành, chúng ta vẫn rất dễ trượt vào những thói quen sử dụng khiến đời sống đức tin bị bào mòn từng chút một. Điều đáng nói là những nguy cơ này không luôn đến từ những điều xấu rõ ràng. Phần lớn chúng xuất phát từ cách ta phản ứng—hoặc không phản ứng—trước những gì xuất hiện trên màn hình mỗi ngày.

Một trong những nguy cơ rõ rệt nhất là tin giả và thông tin sai lệch. Khi lướt mạng quá nhanh, những nội dung mang màu sắc cảm xúc mạnh rất dễ đi thẳng vào lòng ta trước khi lý trí kịp lên tiếng. Không ít người từng chia sẻ một câu chuyện gây sốc, chỉ để rồi sau đó mới phát hiện ra rằng nó đã bị bịa đặt hoặc phóng đại. Có những lần hậu quả không lớn, nhưng cũng có những lúc hậu quả là bị kích.

Tại Ấn Độ, đã từng xảy ra những vụ bạo lực nghiêm trọng chỉ vì các tin đồn lan truyền qua những nhóm WhatsApp. Người ta cảnh báo nhau về những “băng nhóm bắt cóc trẻ em”

hay “đường dây buôn nội tạng”, kèm theo các đoạn video mờ nhòe và những tin nhắn thoại đầy hoảng loạn. Nỗi sợ lan nhanh hơn sự kiểm chứng. Ở một số nơi, dân làng đã tụ tập lại và tấn công những người lạ vô tội chỉ vì nghi ngờ. Có những người bị đánh chết không phải vì họ phạm tội, mà vì họ xuất hiện sai chỗ, sai thời điểm, trong một bầu khí đầy tin giả.

Những biến cố này về sau được gọi là “*cái chết vì WhatsApp*”.

Những câu chuyện ấy cho thấy một sự thật rất đáng sợ: *tin giả không chỉ ở lại trên màn hình, mà có thể bước ra ngoài đời thực.*

Người Kitô hữu được mời gọi sống với lương tâm tỉnh thức. Điều đó có nghĩa là biết chậm lại, kiểm chứng thông tin và khước từ việc chia sẻ chỉ vì cảm xúc bị kích động. Khi ta chia sẻ điều không đúng, dù vô tình, ta cũng có thể góp phần làm tổn thương người khác và làm suy yếu chứng tá Kitô giáo.

Một nguy cơ khác là sự phân cực và chia rẽ. Không gian số có xu hướng đẩy con người vào những nhóm nhỏ nơi mọi người nghĩ giống nhau. Ban đầu, điều này tạo cảm giác dễ chịu: ta được xác nhận, được đồng tình, được thấy mình “đứng về phía đúng”. Nhưng dần dần, ta bắt đầu tránh né những tiếng nói khác biệt, vì chúng gây khó chịu hoặc thách thức điều ta tin.

Về mặt tâm lý, điều này khiến ta cảm thấy chắc chắn hơn, dù sự chắc chắn ấy không nhất thiết dựa trên hiểu biết sâu hơn. Ta dễ nghĩ rằng “ai cũng thấy như mình”, trong khi thực tế chỉ là ta không còn gặp những ý kiến khác nữa. Buồng vang dần dần làm sắc cạnh các ranh giới. Quan điểm không chỉ khác, mà trở thành đối lập. Người bất đồng không chỉ bị xem là sai, mà còn bị coi là nguy hiểm hoặc xấu xa.

Không ít gia đình đã cảm nhận được điều này, khi những cuộc tranh luận vốn có thể giải quyết quanh bàn ăn lại trở nên căng thẳng vì các cuộc cãi vã trên mạng. Các cộng đoàn, thậm chí các giáo xứ, cũng có thể bị ảnh hưởng khi con người rút

vào các “phe”, không còn thật sự lắng nghe nhau. Thánh Phaolô đã nhắc rằng Hội Thánh là một thân thể duy nhất, dù có nhiều chi thể (x. 1 Cr 12,12–27). Khi để cho phân cực chi phối, ta không chỉ đánh mất sự hiệp thông xã hội, mà còn làm tổn thương chính căn tính Hội Thánh.

Bên cạnh đó là nguy cơ xao nhãng và đời sống bị phân mảnh. Một tiếng chuông điện thoại vang lên giữa Thánh lễ, một cái liếc nhanh vào màn hình trong giờ cầu nguyện hay trong bữa ăn gia đình—những điều tưởng như rất nhỏ ấy lại có sức làm tâm trí ta rời khỏi hiện tại rất nhanh. Ánh sáng của một màn hình nhỏ đủ để kéo trái tim ta đi nơi khác, ngay cả trong những khoảnh khắc thiêng liêng nhất.

Thói quen này không chỉ xuất hiện trong nhà thờ. Nó theo ta vào các cuộc gặp gỡ, lớp học và những cuộc trò chuyện thân tình. Mạng xã hội, với các thông báo không ngừng, trở thành một vị khách không mời mà luôn chen vào. Dần dần, khả năng hiện diện trọn vẹn của ta suy yếu. Ta ở đó, nhưng tâm trí thì không. Ta nghe, nhưng không thật sự lắng nghe.

Trong khi đó, đời sống thiêng liêng lại lớn lên trong thinh lặng và sự hiện diện. Cầu nguyện đòi hỏi tập trung. Các mối quan hệ cần sự chú tâm. Khi không đặt ra những giới hạn lành mạnh, ta dễ trở nên bồn chồn, phân tán và mệt mỏi từ bên trong. Sống có hiểu biết, trong trường hợp này, đôi khi chỉ là dám tắt thông báo, dám đặt điện thoại xuống, để trả lại không gian cho Thiên Chúa và cho người đang ở trước mặt mình.

Một nguy cơ tinh vi khác là *sống như đang “diễn”*.

Mạng xã hội khuyến khích chúng ta đưa lên những gì đẹp nhất, sáng nhất, vui nhất. Một khoảnh khắc bình thường được chọn góc thật kỹ, chỉnh sửa thật lâu, rồi mới xuất hiện trên màn hình. Thoạt nhìn, điều đó không có gì sai. Ai cũng muốn mình trông ổn trong mắt người khác. Nhưng vấn đề bắt đầu khi ta

chỉ còn dám chia sẻ những gì hoàn hảo, còn đời sống thật thì bị giấu đi.

Dần dần, mạng xã hội trở thành một sân khấu. Ở đó, ai cũng trình diễn phiên bản đẹp nhất của mình. Còn những ngày mệt mỏi, thất bại hay chán nản thì biến mất.

Khi nhìn vào sân khấu ấy, ta dễ so sánh đời mình với “đoạn cao trào” của người khác,

rồi tự hỏi vì sao cuộc sống của mình lại tẻ nhạt đến thế.

Thánh Kinh mời gọi một con đường khác.

Đức Giêsu nói: “*Có thì nói có, không thì nói không*” (Mt 5,37).

Thánh Phaolô nhắc rằng tình yêu phải chân thật (x. Rm 12,9). Những lời ấy nhắc ta rằng ta không cần phải trình diễn để được yêu thương. Khi căn tính của ta được đặt nơi Đức Kitô, ta được tự do sống thật—cả trên mạng lẫn ngoài đời—không cần hoàn hảo, không cần gây ấn tượng, chỉ cần chân thành.

Sau cùng, một nguy cơ rất âm thầm là việc đánh mất quyền làm chủ thời gian. Có một thói quen rất phổ biến: vừa mở mắt buổi sáng là với tay lấy điện thoại. Không phải vì có việc gấp, mà vì thói quen đã hình thành. Mỗi cú lướt, mỗi lần dừng lại trước một video đều là một phần thời gian được trao đi—thường là cho thuật toán, chứ không phải cho điều ta thật sự chọn.

Thánh Phaolô nhắc nhở: “*Anh em hãy sống cho khôn ngoan... vì thời gian thì ngắn ngủi*” (Êp 5,15–16).

Thời gian là quà tặng. Khi để thuật toán quyết định cách mình dùng quà tặng ấy, ta dần đánh mất nhịp sống mình mong muốn. Sống có hiểu biết là giành lại nhịp sống cho chính mình, là quyết định khi nào online và khi nào offline, để màn hình không trở thành tiếng nói đầu tiên ta nghe mỗi sáng hay tiếng nói cuối cùng trước khi đi ngủ.

Lời đáp trả của người Kitô hữu—Sống có hiểu biết như một kỷ luật thiêng liêng

Hiểu được những nguy cơ của thế giới số không có nghĩa là chạy trốn khỏi nó. Với nhiều người hôm nay, đặc biệt là người trẻ, mạng xã hội đã trở thành một phần tự nhiên của đời sống. Việc “thoát mạng” hoàn toàn không thực tế, và cũng không phải là điều đức tin Kitô giáo mời gọi. Điều quan trọng không phải là có dùng hay không, mà là dùng với tinh thần nào.

Người Kitô hữu được mời gọi bước vào không gian số với sự tỉnh táo, phân định và mục đích rõ ràng. Không để mình bị kéo đi một cách vô thức, nhưng cũng không đứng ngoài. Không để thuật toán dẫn đường, nhưng để Tin Mừng soi sáng. Hiểu mạng xã hội vận hành ra sao mới chỉ là bước đầu. Điều quan trọng hơn là ta chọn sống thế nào trong không gian ấy.

Một trong những đáp trả căn bản nhất là kiểm chứng trước khi chia sẻ. Thánh Giacôbê khuyên: *“Hãy mau nghe, chậm nói, chậm giận”* (Gc 1,19).

Sách Châm ngôn còn nói mạnh hơn: *“Người biết kiểm lời thì có hiểu biết”* (Cn 17,27),

và thậm chí *“kẻ ngu mà biết nín lặng cũng được coi là khôn”* (Cn 17,28).

Trong thế giới mạng, những lời khuyên này trở nên đặc biệt thiết thực. Chỉ một cú chia sẻ vội vàng cũng có thể làm lan truyền điều sai, gây hoang mang hoặc làm tổn thương người khác.

Ngày nay, với sự phát triển của trí tuệ nhân tạo, hình ảnh và giọng nói giả có thể giống thật đến mức đánh lừa cả những người cẩn trọng. Đã có những video giả mạo Đức Giáo hoàng lan truyền nhanh chóng, khiến nhiều người tin rằng ngài đã phát biểu về những biến cố mà thực ra ngài chưa từng nói tới.

Tòa Thánh đã phải nhiều lần lên tiếng cảnh báo rằng những nội dung ấy là sản phẩm của AI. Trong bối cảnh đó, sống có hiểu biết đôi khi chỉ là những việc rất giản dị:

*đọc kỹ trước khi chia sẻ,
xem nguồn từ đâu,
và tự hỏi liệu điều này có thật,
có công bằng và có xây dựng hay không.*

Không phải lúc nào ta cũng cần lên tiếng. Có khi, không chia sẻ chính là một hành động yêu thương đầy trách nhiệm.

Một đáp trả khác là học cách hiểu “ngữ pháp” của phương tiện truyền thông. Mỗi nền tảng đều có cách vận hành riêng: thuật toán, tốc độ, cảm xúc và sự chú ý. Khi hiểu điều này, ta bớt bị dẫn dắt một cách mù mờ. Ta bắt đầu nhận ra vì sao những nội dung gây phẫn nộ thường nổi lên, vì sao sự giận dữ lan nhanh hơn sự bình tĩnh, và vì sao ta cảm thấy áp lực phải thể hiện bản thân.

Không cần kiến thức công nghệ cao siêu; chỉ cần chú ý đến cảm xúc của mình khi lướt mạng.

*Mình đang bình an hơn, hay căng thẳng hơn?
Mình đang hiểu rõ hơn, hay chỉ tức giận hơn?*

Nhận ra điều đang điều khiển mình là bước đầu để giành lại tự do nội tâm.

Sống có hiểu biết cũng đòi hỏi nuôi dưỡng một nhịp sống chậm. Mạng xã hội luôn thúc giục phải nhanh: nhanh phản ứng, nhanh bình luận, nhanh chia sẻ. Nhưng đời sống thiêng liêng thì lớn lên trong chậm rãi.

Sách Châm ngôn nhắc rằng: “Lòng người công chính suy nghĩ trước khi trả lời” (Cn 15,28).

Chậm lại không làm ta tụt hậu; trái lại, nó giúp ta nói những lời đáng nói hơn. Ngay cả trong việc chia sẻ hình ảnh hay

khoảnh khắc đời sống, không phải mọi điều đẹp đều cần được đăng ngay lập tức. Khi không vội trình diễn, ta có thể thật sự sống trọn vẹn khoảnh khắc ấy.

Một lựa chọn quan trọng khác là tìm kiếm những nguồn thông tin đa dạng và có gốc rễ.

Buông vang làm thế giới nhỏ lại;

Tin Mừng thì làm thế giới rộng ra.

Không gian số, nghịch lý thay, có khả năng giúp ta gặp gỡ những con người rất khác mình—khác văn hóa, khác hoàn cảnh, khác cách nhìn—nhưng chỉ khi ta chủ động bước ra khỏi vùng quen thuộc. Với người Công giáo, điều này có nghĩa là biết neo mình vào truyền thống đức tin của Giáo Hội, trong khi vẫn lắng nghe thế giới với sự khiêm tốn. Lắng nghe không đồng nghĩa với đồng ý mọi điều, nhưng giúp trái tim không khép lại.

Sau cùng, sống có hiểu biết là luôn nhớ căn tính của mình trong Đức Kitô. Ai cũng cảm thấy vui khi bài đăng được nhiều người thích; điều đó rất tự nhiên. Nhưng những con số ấy không nói lên giá trị thật của con người.

Chính Đức Giêsu đã đảo ngược thước đo của thế gian:

“Ai làm lớn giữa anh em thì phải làm người phục vụ” (Mt 23,11).

Giáo lý Hội Thánh nhắc rằng phẩm giá con người là điều vốn có, không do thành tích hay sự chú ý mà có (GLHTCG, số 1700–1701). Khi nhớ điều đó, ta được tự do:

tự do đăng hay không đăng,

nói hay im lặng,

sống thật thay vì sống để được nhìn thấy.

Sống có hiểu biết, vì thế, không chỉ là một kỹ năng truyền thông. Đó là một kỷ luật thiêng liêng, được hình thành qua những chọn lựa nhỏ nhưng lặp đi lặp lại mỗi ngày. Chính

những chọn lựa ấy âm thầm uốn nắn con người ta, để cách ta hiện diện trên mạng không tách rời khỏi cách ta sống trước mặt Thiên Chúa.

Phúc thay người có hiểu biết

Sống có hiểu biết trong thời đại số không phải là một kỹ năng phụ, cũng không chỉ là một khả năng truyền thông cần thiết cho một số người chuyên môn. Đối với người Kitô hữu hôm nay, đó là một kỷ luật thiêng liêng, bởi vì truyền thông không chỉ truyền tải thông tin mà còn âm thầm định hình con người.

Cách ta lắng nghe,
cách ta phản ứng,
và cách ta hiện diện trên mạng
đều góp phần uốn nắn trái tim, lương tâm và các mối quan hệ của ta.

Đức tin Kitô giáo ngay từ đầu đã gắn liền với việc truyền đạt, gặp gỡ và hiện diện.

“Ngôi Lời đã làm người” (Ga 1,14).

Thiên Chúa không cứu độ con người bằng những ý tưởng trừu tượng, mà bằng sự hiện diện cụ thể. Khi nhiều cuộc gặp gỡ hôm nay diễn ra qua màn hình, thì cách ta hiện diện trong không gian số cũng trở thành một phần của ơn gọi làm chứng cho sự thật trong yêu thương (x. Êp 4,15).

Hiểu “ngữ pháp” của mạng xã hội giúp ta không bị cuốn đi bởi tốc độ, cảm xúc và thuật toán. Nó giúp ta nhận ra rằng không phải mọi điều xuất hiện nhiều là điều đúng,

không phải mọi phản ứng mạnh là điều cần thiết,
và không phải mọi sự im lặng đều là thờ ơ.

Chính những thói quen nhỏ—dừng lại, kiểm chứng, lắng nghe, cầu nguyện—trở thành những hành vi thánh hóa rất cụ thể trong đời sống thường ngày.

Giữa một thế giới ồn ào, sống có hiểu biết là chọn tỉnh thức.

Giữa một dòng tin hỗn loạn, sống có hiểu biết là chọn sự thật.

Và giữa một không gian đầy trình diễn, sống có hiểu biết là nhớ rằng căn tính của mình không được đo bằng ánh nhìn của thuật toán, mà bằng ánh nhìn của Thiên Chúa. Đáng biết ta, gọi tên ta và yêu thương ta trước khi ta làm được bất cứ điều gì.

Người Kitô hữu sống có hiểu biết không phải là người luôn nói đúng, luôn phản ứng chuẩn, hay luôn hiện diện một cách hoàn hảo trên mạng. Họ là người biết mình đang ở đâu, đang đề điều gì định hình trái tim mình, và đang chọn bước đi theo ánh sáng nào. Họ biết rằng mỗi lời nói, mỗi cú chia sẻ, và cả mỗi lần chọn im lặng đều có thể trở thành một hành vi hiệp thông hoặc một vết nứt trong thân thể chung.

Vì thế, sống có hiểu biết là chọn sống chậm hơn một chút trong một thế giới luôn hối thúc phải nhanh. Là chọn suy nghĩ trước khi phản ứng, phân định trước khi chia sẻ, và yêu thương trước khi phán xét. Đó không phải là con đường dễ dàng, nhưng là con đường dẫn đến tự do nội tâm và sự hiệp thông đích thực.

Phúc thay người có hiểu biết—không phải vì họ nắm nhiều thông tin hơn người khác, nhưng vì họ biết phân định điều gì dẫn đến sự sống.

Phúc thay người có hiểu biết—vì giữa một thế giới đầy ảo ảnh và thao túng, họ chọn ở lại với sự thật.

Và phúc thay người có hiểu biết—vì qua sự tỉnh thức âm thầm của họ, ánh sáng của Đức Kitô vẫn tiếp tục được phản chiếu, ngay cả trong những không gian ồn ào nhất của thời đại số.

Bản Rút Gọn

Phúc thay người có hiểu biết, vì họ bước đi trong ánh sáng

Từ ngày Đức Giáo hoàng Lêô XIV được bầu chọn, mạng xã hội tràn ngập những hình ảnh, bài giảng và phát biểu liên quan đến ngài. Phần lớn các nội dung ấy đến từ những nguồn chính thống và đáng tin cậy. Nhưng xen lẫn vào đó là một thực tại rất đáng lo: những video giả mạo, trong đó hình ảnh tĩnh của Đức Giáo hoàng được ghép với giọng nói do trí tuệ nhân tạo tạo ra, khiến nhiều người tin rằng họ đang lắng nghe lời của vị chủ chăn thật.

Những nội dung này không chỉ đánh lừa người xem, mà còn đánh vào lòng đạo đức ngay lành của họ. Người ta cầu nguyện, tán thán và tin tưởng một cách vô thức. Điều nguy hiểm nằm ở chỗ: sự giả mạo ấy không thô thiển, mà tinh vi; không đến từ ác ý lộ liễu, mà ẩn mình giữa những điều có vẻ rất đạo đức.

Thực tại này cho thấy một đặc điểm rất rõ của thời đại số: sự thật và giả mạo đang đứng sát nhau hơn bao giờ hết. Khi đời sống, từ giao tiếp đến cách hiểu thế giới, ngày càng diễn ra qua màn hình, người Kitô hữu không thể sống như thể mình không liên quan. Sống đức tin trên mạng không chỉ là đăng nội dung đạo đức, mà trước hết là ý thức mình đang bước đi trong một không gian như thế nào.

“Hiểu biết” trong thời đại số không phải là biết thật nhiều thông tin, mà là tỉnh táo: nhận ra cách mạng xã hội vận hành, thấy được những cam bẫy ẩn sau những gì tưởng như vô hại, và sử dụng truyền thông với sự khôn ngoan, liêm chính và lòng

yêu thương. Hiểu biết, vì thế, không chỉ là một kỹ năng, mà là một thái độ sống, thậm chí là một thực hành thiêng liêng, giúp người tín hữu bảo vệ sự thật và phản chiếu ánh sáng của Đức Kitô trong cách mình hiện diện.

Lời mời gọi của người Kitô hữu—Sống tỉnh thức giữa biển thông tin

Đức Giêsu nói: “*Sự thật sẽ giải phóng anh em.*” Trong thế giới hôm nay, lời ấy đòi hỏi một cách hiểu sâu hơn. Sự thật không chỉ nằm ở nội dung của một thông tin, mà còn ở cách thông tin ấy được chọn lọc, sắp xếp và đưa đến với chúng ta.

Biết sự thật hôm nay không còn chỉ là phân biệt đúng—sai, mà là biết tự hỏi: ai đang nói, nói với mục đích gì, và điều mình thấy trên màn hình đang âm thầm ảnh hưởng đến suy nghĩ và cảm xúc ra sao. Trước những lo ngại cho rằng Giáo Hội e dè trước khoa học và công nghệ, lịch sử cho thấy điều ngược lại: Giáo Hội luôn trân trọng sự tiến bộ, miễn là nó phục vụ con người và phẩm giá của họ.

Tuy nhiên, cùng với tiềm năng lớn lao của truyền thông hiện đại luôn là những nguy cơ nghiêm trọng. Bất cứ công cụ nào cũng có hai mặt. Truyền thông, nếu không được sử dụng cách tỉnh táo, có thể làm bóp méo sự thật và làm tổn thương các mối quan hệ. Vì thế, Giáo Hội không chỉ mời gọi sử dụng truyền thông, mà còn mời gọi học cách sử dụng cho đúng.

Sống có hiểu biết trên mạng là một đòi hỏi thiết yếu của đời sống Kitô hữu hôm nay. Điều đó đòi hỏi biết phân định điều mình thấy, điều mình nghe và điều mình chia sẻ; dám chậm lại trong một thế giới luôn hối thúc phải nhanh; và hiện diện trong không gian số với ánh sáng của Tin Mừng. Sống như thế không chỉ để tự bảo vệ mình, mà còn để xây dựng sự thật, niềm tin và những không gian đối thoại lành mạnh, ngay cả trên mạng.

“Ngữ pháp” của mạng xã hội: Khi phương tiện âm thầm uốn nắn con người

Cũng như mỗi ngôn ngữ đều có ngữ pháp riêng, mỗi phương tiện truyền thông đều mang một “ngữ pháp” âm thầm định hình cách con người nói, nghĩ và phản ứng. Mạng xã hội cũng vậy. Nếu không ý thức điều này, ta rất dễ tưởng rằng mình đang tự do suy nghĩ, trong khi thực ra đang bị môi trường truyền thông dẫn dắt một cách vô hình.

Một đặc điểm rõ rệt của ngữ pháp mạng xã hội là tốc độ. Mọi thứ đều phải nhanh, ngắn và lập tức. Phản xạ nhanh được khuyến khích, còn suy tư chậm rãi thì dễ bị bỏ lại. Trong khi đó, Tin Mừng mời gọi người Kitô hữu sống với sự khôn ngoan và kiên nhẫn: *“Người công chính suy nghĩ trước khi trả lời.”* Sống có hiểu biết, trong bối cảnh này, bắt đầu từ việc chậm lại để cho lòng bác ái hướng dẫn lời nói và hành động.

Ẩn dưới nhịp độ ấy là thuật toán và nền kinh tế chú ý. Thuật toán không tìm kiếm sự thật, mà tìm cách giữ con người ở lại càng lâu càng tốt. Nó học rất nhanh điều gì khiến ta giận dữ, sợ hãi hay tò mò, rồi liên tục đưa những điều đó đến trước mắt ta. Nếu không tỉnh thức, ta có thể đánh mất tự do nội tâm mà không hề nhận ra. Sống có hiểu biết, vì thế, là giành lại quyền làm chủ sự chú ý, như một hành vi quản lý ân huệ trí tuệ và con tim Thiên Chúa trao ban.

Một hệ quả khác của ngữ pháp mạng xã hội là hiện tượng “buồng vang”, nơi con người dần chỉ nghe những tiếng nói giống mình. Thế giới vì thế thu hẹp lại, sự quen thuộc bị nhầm lẫn với sự khôn ngoan, và khả năng lắng nghe suy yếu. Đời sống Kitô hữu, vốn được nuôi dưỡng bằng đối thoại và hiệp thông, không thể lớn lên trong những không gian khép kín như thế.

Cuối cùng, mạng xã hội còn đo lường con người bằng con số: lượt thích, lượt xem, lượt theo dõi. Nhưng phẩm giá con người không đến từ thuật toán. Phẩm giá ấy đến từ Thiên Chúa. Trong một thế giới luôn thúc đẩy trình diễn, sống có hiệu biết là biết lùi lại, để căn tính của mình được neo chặt trong lòng thương xót của Người.

Những nguy cơ khi bước vào thế giới số mà không tỉnh thức

Ngay cả khi đã hiểu phần nào cách mạng xã hội vận hành, người ta vẫn rất dễ trượt vào những thói quen làm bào mòn đời sống đức tin. Tin giả có thể gây ra những hậu quả thật ngoài đời sống. Sự phân cực có thể phá vỡ gia đình và cộng đoàn. Xao nhãng làm đời sống bị phân mảnh, khiến con người hiện diện mà không thật sự ở đó.

Một nguy cơ tinh vi khác là biến đời sống thành sân khấu. Khi chỉ chia sẻ những gì hoàn hảo, con người dễ so sánh đời mình với “phiên bản đẹp” của người khác và đánh mất tự do sống thật. Sau cùng, việc đánh mất quyền làm chủ thời gian khiến con người để thuật toán quyết định nhịp sống của mình, thay vì đón nhận thời gian như một quà tặng.

Sống có hiệu biết là nhận ra những nguy cơ ấy và đặt ra những giới hạn lành mạnh, để trả lại không gian cho Thiên Chúa và cho những mối quan hệ thật.

Lời đáp trả của người Kitô hữu—Sống có hiệu biết như một kỷ luật thiêng liêng

Hiểu các nguy cơ của thế giới số không có nghĩa là chạy trốn khỏi nó. Người Kitô hữu được mời gọi bước vào không gian số

với sự tỉnh táo và phân định. Một đáp trả căn bản là kiểm chứng trước khi chia sẻ, biết chậm nói và dám im lặng khi cần thiết.

Một đáp trả khác là học cách nhận ra điều gì đang điều khiển cảm xúc và sự chú ý của mình. Khi chú ý đến cảm xúc của mình lúc lướt mạng, ta bắt đầu giành lại tự do nội tâm. Đồng thời, sống có hiểu biết đòi hỏi nuôi dưỡng một nhịp sống chậm, tìm kiếm những nguồn thông tin đa dạng nhưng có gốc rễ trong đức tin, và luôn nhớ rằng căn tính của mình không được đo bằng sự chú ý của người khác.

Sống có hiểu biết, vì thế, không chỉ là một kỹ năng truyền thông, mà là một kỷ luật thiêng liêng, được hình thành qua những chọn lựa nhỏ nhưng trung thành mỗi ngày.

Phúc thay người có hiểu biết

Sống có hiểu biết trong thời đại số là chọn tỉnh thức giữa một thế giới ồn ào, chọn sự thật giữa một dòng tin hỗn loạn, và chọn ánh nhìn của Thiên Chúa thay vì ánh nhìn của thuật toán. Người Kitô hữu sống có hiểu biết không phải là người luôn nói đúng hay phản ứng hoàn hảo, mà là người biết mình đang để điều gì định hình trái tim mình.

Phúc thay người có hiểu biết—vì họ biết phân định điều gì dẫn đến sự sống.

Phúc thay người có hiểu biết—vì họ chọn ở lại với sự thật.

Và phúc thay người có hiểu biết—vì qua sự tỉnh thức âm thầm của họ, ánh sáng của Đức Kitô vẫn tiếp tục được phản chiếu trong thế giới số hôm nay.

Chương 2

Phúc thay người sống căn tính môn đệ Đức Kitô, vì họ ở lại trong Người

Ngày nay, việc một người có nhiều hơn một tài khoản mạng xã hội đã trở nên rất bình thường. Có tài khoản dành cho công việc, nơi mọi thứ chỉnh chu và lịch sự; có tài khoản cho gia đình và bạn bè thân quen; và đôi khi còn có một tài khoản khác—ít người biết đến, thậm chí hoàn toàn ẩn danh.

Chính trong những không gian ẩn ấy, nhiều điều bất đầu xảy ra. Người ta nói những điều ngoài đời họ không bao giờ dám nói, cười cợt trên nỗi đau của người khác, buông lời cay nghiệt, mỉa mai, xúc phạm, hứa theo những cuộc công kích tập thể nhắm vào người xa lạ, hoặc chia sẻ những nội dung độc hại mà chính họ cũng hiểu là không ngay thẳng.

Phần lớn những người làm điều đó không phải là người xấu. Họ chỉ là những con người bình thường bị cuốn vào một không gian nơi trách nhiệm bị làm mờ đi và hậu quả của lời nói không hiện ra ngay trước mắt.

Cách âm thầm, nhiều người—kể cả những người có đức tin—bắt đầu sống với hai căn tính số: một con người “đàng hoàng”, có thể đứng trước ánh sáng, và một con người khác ẩn sau màn hình, không tên tuổi, không cần chịu trách nhiệm. Sự phân đôi ấy ban đầu có vẻ vô hại, nhưng càng về sau càng trở nên nguy hiểm, bởi vì nó tạo ra một cảm giác rất sai lầm: rằng

những gì ta làm trên mạng không thật sự liên quan đến con người thật của ta.

Không gian mạng đôi khi được gọi là “*lục địa thứ sáu*”.

Cách gọi này nhắc ta rằng thế giới số không phải là nơi phụ, cũng không phải là một “thế giới ảo” không hệ quả. Đó là một không gian sống thật, nơi con người gặp gỡ nhau, ảnh hưởng nhau, xây dựng hoặc làm tổn thương nhau, và cũng là nơi Giáo Hội đang hiện diện và thi hành sứ mạng của mình.

Thế nhưng, lục địa này lại có những đặc điểm rất khác:

người ta có thể ẩn mình sau biệt danh, dựng nên một hình ảnh hoàn toàn khác,

nói lời gây tổn thương mà không phải nhìn vào ánh mắt của người bị tổn thương,

hoặc tấn công mà không nghe thấy giọng run rẩy hay thấy nước mắt của người đối diện.

Khoảng cách ấy làm cho lương tâm dễ bị ru ngủ. Những điều mà ta sẽ không bao giờ dám làm ngoài đời lại trở nên “có thể chấp nhận được” khi chỉ còn là chữ viết trên màn hình. Dần dần, con người bắt đầu tự thuyết phục mình rằng: “*Đó chỉ là tôi trên mạng thôi. Ngoài đời tôi không phải như vậy. Hai chuyện đó không liên quan.*”

Với người Kitô hữu, đây là một ảo tưởng rất nguy hiểm.

Đức tin Kitô giáo không cho phép ta chia cắt con người mình thành từng mảnh rời rạc.

Không có “tôi trên mạng” và “tôi ngoài đời”, không có “tôi công khai” và “tôi bí mật”.

Chỉ có một con người duy nhất,

với một trái tim,

một lương tâm và một linh hồn,

đang sống trước mặt Thiên Chúa.

Điều ta gõ trên bàn phím không tách rời khỏi con người ta quỳ gối cầu nguyện; cách ta nói chuyện trong phần bình luận không tách rời khỏi cách ta sống trong gia đình và cộng đoàn; và những gì ta làm khi nghĩ rằng “không ai thấy” vẫn nằm trong ánh nhìn của Thiên Chúa, đồng thời âm thầm định hình chính con người ta.

Chính vì thế, ta không chỉ được mời gọi hiểu mạng xã hội vận hành ra sao và nhận diện những cơ chế có thể thao túng mình, mà còn được mời gọi đi sâu hơn một bước: sống đúng căn tính của mình. Sống “đúng khuôn” không phải là giữ vẻ ngoài đạo đức hay xây dựng một hình ảnh Kitô hữu đẹp đẽ trên mạng, mà là để cho đời sống của Đức Kitô uốn nắn con người mình từ bên trong, trong mọi không gian ta bước vào, kể cả không gian số.

Đức Giêsu nói rất thẳng thắn:

“Thầy là cây nho, anh em là cành... không có Thầy, anh em chẳng làm gì được” (Ga 15,5).

Căn tính của người môn đệ không bắt đầu từ nền tảng ta dùng, từ hình ảnh ta đăng hay từ sự công nhận ta nhận được, mà bắt đầu từ việc gắn chặt vào Đức Kitô. Nếu sự gắn kết ấy bị đứt đoạn, thì dù ta có hiện diện ở khắp nơi, con người ta vẫn trở nên rỗng. Vì thế, câu hỏi trước tiên không phải là: “Bạn dùng mạng xã hội thế nào?”, mà hỏi sâu hơn: “Bạn là ai, và bạn thuộc về ai, khi bạn ở trên mạng?”

Bén rễ trong Đức Kitô giữa một thế giới luôn làm ta phân tán

Có khi nào bạn cảm thấy chiếc điện thoại gần như trở thành một phần của cơ thể mình không? Vừa mở mắt buổi sáng, tay đã với lấy màn hình. Tin nhắn, thông báo và cập nhật nối tiếp

nhau lấp đầy những khoảng lặng hiếm hoi trong ngày. Đến tối, trước khi ngủ, ánh sáng cuối cùng còn đọng lại trong mắt vẫn là ánh sáng từ một thiết bị cầm tay. Ta luôn được kết nối, luôn biết chuyện, luôn “có mặt”. Nhưng đồng thời, ta cũng dễ cảm thấy bồn chồn, lo lắng và phân tán, như thể mình hiện diện ở khắp nơi mà lại không thật sự bén rễ ở đâu.

Nhiều người không chỉ khao khát được kết nối, mà sâu xa hơn, họ khao khát được neo lại, được đứng vững ở một điểm nào đó không bị cuốn đi.

Chính ở đây, lời của Đức Giêsu vang lên với một sức nặng rất khác:

“Hãy ở lại trong Thầy như Thầy ở lại trong anh em... vì không có Thầy, anh em chẳng làm gì được” (Ga 15,4-5).

Trong đời sống Kitô hữu, căn tính môn đệ không khởi đi từ việc làm, mức độ hoạt động hay sự hiện diện bề ngoài; nó khởi đi từ ở lại. Ở lại không phải là thụ động, mà là gắn bó, là đề cho sự sống của Đức Kitô chảy vào chính đời sống mình.

Người môn đệ không sống cho Đức Kitô trước tiên, mà sống từ Đức Kitô; và chính từ mối hiệp thông ấy, họ mới được sai đi. Ngày nay, việc “được sai đi” không chỉ hướng về những con đường, quảng trường hay không gian vật lý quen thuộc, mà còn hướng về những môi trường số không có biên giới rõ ràng, không có giờ đóng cửa và không có khoảng cách an toàn.

Một văn kiện gần đây của Giáo Hội nhận xét rằng nhiều người hôm nay không còn phân biệt đời sống “online” và “offline” như hai thực tại tách biệt, mà là một thực tại hòa trộn—một đời sống “onlife” (x. *Hướng tới sự hiện diện tròn đầy*, số 9). Điều đó có nghĩa là con người ta không bước ra khỏi đời thật khi bước vào mạng, mà mạng toàn bộ con người mình vào đó.

Đức Thánh Cha Phanxicô cũng nhắc rằng việc sử dụng mạng xã hội chỉ thực sự lành mạnh khi nó hỗ trợ và làm sâu

thêm các cuộc gặp gỡ trực tiếp, nơi con người gặp nhau bằng thân xác, ánh mắt, hơi thở và sự hiện diện trọn vẹn. Khi mạng xã hội phục vụ cho những cuộc gặp gỡ thật như thế, nó vẫn có thể trở thành “nguồn lực cho sự hiệp thông” (Sứ điệp Ngày Thế giới Truyền thông Xã hội, 2019). Nhưng khi ta bước vào không gian số mà không có sự bén rễ nội tâm, điều ngược lại rất dễ xảy ra.

Thay vì kết nối, ta bị phân tán;

thay vì hiện diện, ta bị kéo đi;

thay vì định hình môi trường bằng đức tin, ta để môi trường ấy nhào nặn lại mình.

Ta cảm thấy áp lực phải “đu trend”, bị cuốn theo những gì đang “hot”, đang gây phẫn nộ hoặc đang được tung hô. Cảm xúc lên tiếng nhanh hơn sự phân định, ý kiến cá nhân dễ trở thành căn tính, và ta bắt đầu phản ứng nhiều hơn là sống.

Chính vì thế, Đức Giáo hoàng Bênêđictô XVI từng cảnh báo rằng Giáo Hội hôm nay cần những người truyền thông can đảm và chân thật, những chứng nhân của sự thật trung thành với sứ mạng của Đức Kitô, chứ không chỉ là những người khéo thể hiện bản thân (Sứ điệp Ngày Thế giới Truyền thông Xã hội, 2008).

Tính chân thật mà ngài nói đến không phải là phơi bày đời tư hay thể hiện cá tính, mà là tính nhất quán nội tâm:

khi con người ta trên mạng chảy ra từ con người ta trước mặt Thiên Chúa,

khi lời nói không chạy trước sự hoán cải,

và khi sự hiện diện không thay thế cho lòng trung tín.

Để sống như thế, thiện chí thôi là chưa đủ. Người môn đệ cần được nuôi dưỡng mỗi ngày bằng cầu nguyện, bằng Lời Chúa và bằng đời sống bí tích. Đây không phải là những “phụ kiện” dành cho một số người đạo đức đặc biệt, mà là những rễ

cây âm thầm hút lấy sự sống. Nếu không có những rễ này, ta vẫn có thể rất năng động trên mạng, rất “có tiếng nói” và rất được chú ý, nhưng bên trong lại mỏng manh: bận rộn nhưng không vững, hiện diện khắp nơi nhưng không thật sự ở lại đâu cả.

Hiến chế *Gaudium et Spes* nhắc một chân lý căn bản:

“Chỉ trong mẫu nhiệm Ngôi Lời nhập thể, mẫu nhiệm con người mới thực sự được sáng tỏ” (số 22).

Điều đó đúng với mọi chiều kích của đời sống con người, kể cả đời sống số. Căn tính sâu xa nhất của ta—kể cả căn tính ta mang lên mạng—không được tìm thấy nơi hồ sơ cá nhân ta xây dựng, hình ảnh ta chọn lọc hay lượng người theo dõi ta có, mà nơi Đấng gọi tên ta, đón nhận ta trong Bí tích Rửa tội và mời ta ở lại trong tình bạn với Người.

Bén rễ trong Đức Kitô, vì thế, là mang trong mình một điểm tựa mà thế giới số không thể ban cho và cũng không thể lấy đi. Đó là một nơi chốn nội tâm giúp ta đứng vững ngay cả khi dòng chảy thông tin xô đẩy không ngừng. Chỉ người môn đệ nào bén rễ mới có thể tự do; và chỉ người biết ở lại mới có thể sinh hoa trái.

Được uốn nắn theo khuôn mẫu của Đức Kitô: Từ phản ứng sang hiệp thông

Sống bén rễ trong Đức Kitô là điều cần thiết, nhưng chưa đủ. Người môn đệ không chỉ cần một điểm tựa bên trong; họ còn cần được uốn nắn. Thánh Phaolô viết rằng Thiên Chúa kêu gọi chúng ta “*nên đồng hình đồng dạng với Con của Người*” (Rm 8,29).

Câu nói ấy không nói về một khoảnh khắc bừng sáng, mà nói về một tiến trình dài, trong đó trái tim con người dần dần mang lấy hình dạng của trái tim Đức Kitô:

*khiêm nhường hơn,
kiên nhẫn hơn,
biết xót thương hơn
và trung thành với sự thật hơn.*

Tiến trình ấy không dừng lại khi ta bước vào thế giới số.

Chỉ cần dành ít phút đọc phần bình luận dưới một bài viết gây tranh cãi, ta sẽ thấy điều này rất rõ. Những lời châm biếm xuất hiện nhanh, mĩa mai trở thành ngôn ngữ quen thuộc, và sự tàn nhẫn dễ dàng được ngụy trang dưới hình thức hài hước. Con người bị rút gọn thành nhãn dán, thành đối tượng để tấn công, thay vì được nhìn như một người có khuôn mặt, câu chuyện và những mong manh riêng.

*Màn hình tạo ra khoảng cách;
khoảng cách làm mờ cảm giác;
và khi cảm giác mờ đi, sự tôn trọng cũng dễ dàng biến mất.*

Điều đáng sợ là nhiều khi ta không chú ý trở nên cay nghiệt; ta chỉ phản ứng. Ta phản ứng trước một ý kiến trái chiều, trước điều khiến ta khó chịu, trước cảm xúc đang bốc lên. Trong môi trường số, phản ứng nhanh thường được khen thưởng, còn sự chậm rãi thì bị bỏ quên. Nhưng khuôn mẫu của Đức Kitô thì khác. Người không né tránh sự thật, nhưng luôn nói sự thật trong yêu thương; không im lặng trước bất công, nhưng cũng không để mình bị cuốn vào vòng xoáy thù hận. Khi bị xúc phạm, Người không trở thành bản sao của sự xúc phạm; khi bị hiểu lầm, Người không vội vã tự biện hộ bằng mọi giá.

Được uốn nắn theo khuôn mẫu của Đức Kitô là học tư thế của Người:

biết đứng vững trong sự thật mà không đánh mất lòng xót thương,

biết nói điều cần nói mà không để cơn giận điều khiển lời mình.

Điều này đặc biệt khó trong không gian số, nơi mọi thứ diễn ra rất nhanh, nơi lời nói bị tách khỏi ánh mắt và giọng nói, và nơi hậu quả của một câu chữ thường không hiện ra ngay lập tức. Thế nhưng, chính ở đây, đời sống môn đệ được thử thách một cách rất cụ thể.

Tông huấn *Evangelii Gaudium* nhắc rằng làm môn đệ có nghĩa là luôn sẵn sàng mang tình yêu của Đức Giêsu đến cho người khác,

“điều này có thể xảy ra bất ngờ và ở bất cứ đâu” (số 127).

Ngày nay, “bất cứ đâu” ấy bao gồm cả các nhóm chat, phần bình luận, những dòng trạng thái và những cuộc tranh luận trực tuyến. Những nơi ấy không chỉ là nền tảng để bày tỏ ý kiến, mà là những không gian gặp gỡ, nơi mỗi lời nói đều có khả năng xây dựng hoặc làm sứt mẻ một mối liên hệ.

Sống “đứng khuôn” trong thế giới số, vì thế, không phải là lúc nào cũng nói nhiều hơn, mạnh hơn hay sắc bén hơn. Đôi khi, đó là

biết không nói,

hoặc nói ít hơn,

hoặc nói khác đi.

Đó là học cách không để mình bị lôi vào mọi cuộc tranh cãi, và không coi việc “thắng” một cuộc đối thoại là mục tiêu.

Đức Giêsu đã đưa ra một dấu chỉ rất đơn giản để nhận biết môn đệ của Người:

“Căn cứ vào điều này mà mọi người nhận biết anh em là môn đệ Thầy: là anh em yêu thương nhau” (Ga 13,35).

Trong thế giới số, yêu thương không luôn thể hiện bằng những hành động lớn lao; nó thường được thể hiện qua những

lựa chọn rất nhỏ. Đó có thể là chọn dùng ngôn ngữ tôn trọng thay vì mỉa mai, chọn lắng nghe thay vì cắt ngang, chọn bắt đồng cách đảng hoàng thay vì hạ thấp người khác, hoặc chọn im lặng khi lời nói có nguy cơ làm tổn thương hơn là chữa lành. Những lựa chọn ấy hiếm khi gây chú ý và không tạo ra nhiều lượt thích, nhưng chính chúng âm thầm uốn nắn con người ta và làm chứng cho một cách sống khác.

Thay vì chỉ hoạt động như những cá nhân riêng lẻ, liên tục tạo nội dung, tiêu thụ nội dung và phản ứng với nội dung, người môn đệ được mời gọi góp phần kiến tạo và định hình chính không gian số mà mình bước vào. Không gian ấy có thể trở thành nơi đối đầu hoặc nơi đối thoại, nơi phân cực hoặc nơi hiệp thông.

Văn kiện *Hướng tới sự hiện diện tròn đầy* mời gọi các Kitô hữu cùng nhau tạo nên những không gian trực tuyến được xây dựng trên sự tin cậy và tôn trọng lẫn nhau, nơi con người không bị rút gọn thành ý kiến hay nhãn mác, mà được nhìn nhận trong trọn vẹn phẩm giá của họ (số 23). Điều này không có nghĩa là xóa bỏ khác biệt, mà là không để khác biệt phá vỡ nhân tính.

Được uốn nắn theo khuôn mẫu của Đức Kitô, sau cùng, là để cho cách Người hiện diện trở thành cách ta hiện diện: không phải như một kẻ phản ứng liên hồi, mà như một người mang theo sự thật, sự điềm tĩnh và lòng thương xót vào giữa những dòng chảy hỗn độn.

Hiệp thông với Giáo Hội: Khi căn tính không phải là dự án cá nhân

Đời sống Kitô hữu chưa bao giờ là con đường một mình. Ngay từ đầu, đức tin đã được trao ban trong một cộng đoàn, được nuôi dưỡng bởi một dân, và được sống trong mối hiệp thông.

*Không ai tự rửa tội cho mình,
không ai tự ban Thánh Thể cho mình,
và cũng không ai tự phong mình thành môn đệ.*

Đức tin luôn đi kèm với một nơi chốn, một ký ức chung, và một thân thể cụ thể: *Giáo Hội*.

Thế nhưng, môi trường mạng lại âm thầm kéo con người theo hướng ngược lại. Trên mạng xã hội, mỗi người đều có một “kênh” riêng; ai cũng có thể phát biểu, tạo nội dung, và định hình hình ảnh của mình. Ý kiến nhân lên rất nhanh, thường nhanh hơn sự phân định. Trong dòng chảy ấy, người ta dễ rơi vào một kiểu Kitô giáo mang tính cá nhân hóa cao:

*“tôi nghĩ thế này”,
“tôi cảm thấy thế kia”,
“đức tin của tôi là như vậy”.*

Âm thầm, căn tính Kitô hữu có nguy cơ bị thu hẹp lại thành lập trường cá nhân, thay vì được sống như một mối hiệp thông.

Nhưng đức tin không được hình thành trong chân không. Nó được sinh ra, được chăm sóc và được gìn giữ trong Giáo Hội. Giáo Hội không chỉ là một tổ chức hay một tiếng nói giữa nhiều tiếng nói khác;

Giáo Hội là mẹ và là thầy.

Qua Lời Chúa, các bí tích, giáo huấn luân lý và sự khôn ngoan tích lũy của truyền thống, Giáo Hội kiên nhẫn uốn nắn người tín hữu qua nhiều thế hệ. Không gian số không thể thay thế tiến trình này, nhưng nó có thể hoặc vang lại, hoặc làm xói mòn tiến trình ấy.

Khi đời sống trực tuyến tách rời khỏi cầu nguyện, phụng vụ và cộng đoàn cụ thể, tiếng nói của người tín hữu—dù có vẻ mạnh mẽ—dần dần trở nên mỏng. Người ta có thể nói rất nhiều về đức tin, nhưng lại ít để cho đức tin nói vào đời sống mình.

Ngược lại, khi sự hiện diện trên mạng bắt nguồn từ đời sống Hội Thánh, nó mang một chất khác. Không phải vì nó “đúng lập trường” hơn, mà vì nó có chiều sâu, có kỷ ức và có sự khiêm tốn của người biết rằng mình không phải là trung tâm.

Huân thị *Communio et Progressio* nhắc rằng mục đích của truyền thông trong Giáo Hội là “thúc đẩy mọi hình thức tiến bộ nhân bản và gia tăng sự hợp tác giữa con người với nhau, cho đến khi đạt tới một sự hiệp thông đích thực” (số 73).

Truyền thông Kitô giáo không nhằm chiến thắng đối phương,

cũng không nhằm khẳng định cái tôi,

mà nhằm xây dựng hiệp thông.

Nguyên tắc này có những hệ quả rất cụ thể trong đời sống số.

Khi phát biểu trên mạng, người tín hữu không chỉ nói với tư cách cá nhân. Họ nói như một chi thể của một Thân Thể lớn hơn.

Một dòng bình luận ngắn cũng có thể củng cố hoặc làm suy yếu chứng tá chung của Giáo Hội. Một biểu tượng đặt sai chỗ, chẳng hạn một biểu tượng cười trong bối cảnh đau thương, có thể gây tổn thương sâu sắc. Một lời nhận xét vội vàng có thể khiến người khác cảm thấy bị loại trừ khỏi cộng đoàn. Những chi tiết tưởng chừng rất nhỏ ấy cho thấy hiệp thông không phải là điều trừu tượng, mà được xây dựng—hoặc bị phá vỡ—qua từng hành vi cụ thể.

Đức Giêsu không nói rằng người ta sẽ nhận biết các môn đệ của Người nếu họ luôn đúng lý lẽ.

Người nói:

“Người ta sẽ nhận biết anh em là môn đệ Thầy nếu anh em yêu thương nhau” (Ga 13,35).

Trong thế giới số, yêu thương ấy gắn liền với ý thức mình thuộc về ai. Người tín hữu thuộc về Giáo Hội; họ không tự tạo ra đức tin của mình, mà đón nhận, sống và truyền lại đức tin ấy trong hiệp thông.

Điều này không loại trừ bất đồng. Trong Giáo Hội luôn có chỗ cho tranh luận, tìm kiếm và đặt câu hỏi. Nhưng khác biệt, khi được sống trong hiệp thông, không phá hủy; trái lại, nó giúp thanh luyện và đào sâu. Khi người tín hữu nói năng trên mạng như thể mình chỉ đại diện cho chính mình, chúng ta chung bị suy yếu. Nhưng khi họ nói như những người ý thức mình là một phần của Thân Thể, ngay cả những khác biệt cũng có thể được diễn tả trong bác ái và tôn trọng.

Hiệp thông không làm mất tiếng nói cá nhân; hiệp thông cho tiếng nói ấy một nơi chốn. Và chính trong nơi chốn đó, căn tính người môn đệ được bảo vệ khỏi việc trở thành một dự án cá nhân, một thương hiệu, hay một lập trường phải được bảo vệ bằng mọi giá.

Được hình thành, chứ không phải trình diễn: Khi căn tính là một quà tặng

Có một cô thiếu niên từng nói với người dạy giáo lý của mình rằng em đã xóa một bức ảnh tới ba lần. Không phải vì ảnh xấu, mà vì ảnh không nhận được đủ lượt thích. Mỗi lần xóa, em đều cảm thấy đau. “Không phải họ từ chối tấm hình,” em nói, “mà là họ từ chối chính con.” Câu nói ấy chạm đến một điều rất thật trong đời sống số hôm nay.

Mạng xã hội không chỉ là nơi chia sẻ thông tin. Nó rất dễ trở thành nơi con người mang căn tính của mình ra đặt trước ánh nhìn của người khác, rồi âm thầm chờ xem mình có được chấp nhận hay không. Ở đó, căn tính dần dần bị biến thành một màn trình diễn. Người ta chọn lọc những khoảnh khắc đẹp nhất,

chỉnh sửa hình ảnh cho hoàn hảo hơn, cân nhắc kỹ điều gì nên đăng và điều gì nên giấu. Dần dần, chính mình cũng bắt đầu đo lường giá trị bản thân bằng phản hồi của người khác.

Khi đó, câu hỏi không còn là

“điều này có thật với tôi không?”,

mà là

“điều này có được đón nhận không?”.

Trong một không gian như thế, rất dễ nhầm lẫn giữa được nhìn thấy và được biết đến, giữa được tán thưởng và được yêu thương. Người ta có thể được nhiều người theo dõi, nhưng lại không được ai thật sự hiểu; có thể được chú ý, nhưng vẫn cô đơn.

Kitô giáo đề nghị một con đường hoàn toàn khác. Người môn đệ không được mời gọi tạo ra căn tính của mình, mà được mời gọi đón nhận căn tính ấy như một ân huệ. Con người không tự làm nên chính mình; họ được tạo dựng. Họ không phải giành lấy phẩm giá; phẩm giá ấy đã được ban cho họ.

Giáo lý Hội Thánh Công giáo nói rất rõ rằng phẩm giá con người là điều vốn có, không thay đổi, không tùy thuộc vào thành công, sự công nhận hay cái nhìn của người khác. Phẩm giá ấy được ghi khắc nơi mỗi người ngay từ đầu, và được xác nhận cách đặc biệt trong Bí tích Rửa tội.

Nhận ra căn tính là quà tặng giải phóng người môn đệ khỏi một gánh nặng rất lớn. Nếu căn tính của mình đã được ban cho, người ta không cần phải không ngừng chứng minh mình là ai. Nếu giá trị của mình đã được xác nhận trong ánh nhìn của Thiên Chúa, người ta không cần phải sống để được nhìn thấy. Nếu đã được yêu thương trước, người ta không cần phải trình diễn để xứng đáng với tình yêu đó.

Sự hình thành Kitô giáo diễn ra rất khác với trình diễn.

Nó không xảy ra trên sân khấu, mà trong thinh lặng.

Nó không được đo bằng phản hồi tức thì, mà bằng sự trung thành qua thời gian.

Nó không tạo ra một hình ảnh trau chuốt, mà tạo ra một con người vững vàng.

Trình diễn thì ngược lại: luôn đòi hỏi sự chú ý, luôn khiến con người lo lắng về ánh nhìn của người khác, và biến mỗi bài đăng thành một phép thử, mỗi sự im lặng thành một thất bại, mỗi so sánh thành một vết thương.

Không khó để hiểu vì sao đời sống số, khi bị dẫn dắt bởi trình diễn, lại nhanh chóng trở nên mệt mỏi. Con người phải liên tục cập nhật hình ảnh của mình, theo kịp nhịp độ, phản ứng đúng lúc và giữ cho mình “có mặt”. Nhưng người môn đệ được mời gọi sống từ một nhịp khác:

*nhịp của ân sủng,
của lớn lên chậm rãi,
của cầu nguyện,
hoán cải,
vấp ngã
và được nâng dậy.*

Khi căn tính được đặt trong Đức Kitô, sự hiện diện trên mạng không còn là nơi để khẳng định mình, mà trở thành nơi để sống thật.

*Không cần hoàn hảo.
Không cần gây ấn tượng.
Chỉ cần nhất quán.*

Và chính sự nhất quán âm thầm ấy mới có sức giải phóng. Người đã được hình thành không cần phải trình diễn. Người biết mình là ai không cần phải chứng minh điều đó trước thiên hạ.

Không hoàn hảo, nhưng trung thành: Sống nhịp chậm của Thiên Chúa trong một thế giới nhanh

Sống “đúng khuôn” trong thời đại số không có nghĩa là luôn nói đúng, luôn phản ứng chuẩn, hay luôn hiện diện một cách gương mẫu. Người môn đệ không được mời gọi trở thành phiên bản hoàn hảo của chính mình trên mạng, mà là một con người trung thành. Sự trung thành ấy không đo bằng số lần mình nói đúng, mà bằng việc mình còn ở lại hay không, còn để cho Đức Kitô uốn nắn hay không.

Việc hình thành Kitô giáo luôn diễn ra chậm. Nó cần thời gian, cần những tiến trình lặp đi lặp lại của cầu nguyện, vấp ngã, ăn năn, được tha thứ và bắt đầu lại.

*Không có con đường tắt cho đời sống nội tâm,
cũng không có bản cập nhật tức thì cho sự trưởng thành
thiêng liêng.*

Trong khi đó, mạng xã hội lại sống bằng tốc độ, phản ứng và sự hiện diện liên tục. Nó khen thưởng cái mới, cái nhanh, cái gây chú ý, và dễ làm con người tưởng rằng giá trị của mình phụ thuộc vào việc mình có “theo kịp” hay không.

Trong bối cảnh ấy, sống “đúng khuôn” là chấp nhận đi chậm hơn. Không phải vì mình lạc hậu, mà vì mình trung thành với một nhịp sống khác—nhịp sống của Thiên Chúa. Đó là nhịp của sự kiên nhẫn, của âm thầm, của gieo hạt và chờ đợi. Thiên Chúa không vội vàng. Người làm việc từ bên trong, uốn nắn dần dần, và để cho sự sống lớn lên theo mùa của nó.

Khi đề nhịp chậm ấy dẫn dắt đời sống số, người môn đệ không còn bị thôi thúc phải phản ứng với mọi thứ, phải lên tiếng về mọi chuyện, hay phải chứng minh mình là ai. Họ có thể chọn im lặng, chọn chờ đợi, chọn không tham gia vào

những vòng xoáy gây chia rẽ. Không phải vì họ thờ ơ, mà vì họ đã chọn một trung tâm khác.

Tông huấn *Evangelii Gaudium* nhắc rằng các Kitô hữu được mời gọi làm chứng cho một cách sống chung luôn mới, trung thành với Tin Mừng (x. số 92). Lời mời gọi ấy không chỉ vang lên trong gia đình, nơi làm việc hay ngoài xã hội, mà vang lên rất rõ trong quảng trường số—nơi con người hôm nay gặp gỡ, tranh luận và định hình cách nhìn thế giới.

Không gian mạng không nằm ngoài đời sống môn đệ. Trái lại, nó đã trở thành một trong những nơi chính yếu mà đời sống môn đệ được sống, được thử thách và được làm chứng. Ở đó, từng bài đăng, từng bình luận, từng quyết định chia sẻ hay không chia sẻ đều có thể trở thành một hành vi hiệp thông hoặc một hành vi phân rẽ. Không phải lúc nào người ta cũng thấy được hệ quả, nhưng điều đó không làm cho hành vi ấy trở nên nhỏ bé.

Sống “đúng khuôn” không có nghĩa là rút lui khỏi thế giới số.

Nó có nghĩa là bước vào đó với một trái tim đã được uốn nắn,

không để mình bị dẫn dắt bởi phần nộ,

so sánh hay khát khao được chú ý,

nhưng để cho sự thật, lòng xót thương và sự trung thành định hướng từng bước nhỏ.

Khi căn tính được bén rễ trong Đức Kitô, sự hiện diện trên mạng của người môn đệ trở thành hơn cả sự tự biểu đạt. Nó trở thành chứng tá. Không phải chứng tá ồn ào, không phải chứng tá hoàn hảo, mà là chứng tá của một con người đang được uốn nắn: một lời nói được chọn cẩn thận, một sự im lặng đúng lúc, một quyết định không hòa theo sự tàn nhẫn, một cách ở lại với sự thật khi dễ dàng nhất là chạy theo đám đông.

Những điều ấy không được đo bằng lượt thích hay mức độ lan truyền. Nhưng chúng được ghi khắc trong tiến trình hình thành con người. Và chính trong tiến trình chậm chạp nhưng trung thành ấy, đời sống môn đệ trở nên thật.

Phúc cho người sống căn tính môn đệ Đức Kitô—không phải vì họ làm mọi thứ đúng, mà vì họ ở lại:

ở lại trong Đức Kitô,

ở lại trong Giáo Hội,

và ở lại trung thành,

ngay cả khi thế giới chung quanh luôn hồi thúc phải nhanh hơn, lớn tiếng hơn và nổi bật hơn.

Bản rút gọn

Phúc thay người sống căn tính môn đệ Đức Kitô, vì họ ở lại trong Người

Ngày nay, việc một người có nhiều tài khoản mạng xã hội đã trở nên rất quen thuộc. Có những không gian dành cho công việc, cho gia đình, cho bạn bè thân quen, và đôi khi là những không gian ẩn danh. Chính trong những không gian không ai nhìn thấy ấy, nhiều người bắt đầu nói và hành xử theo cách rất khác với con người họ thể hiện ngoài đời.

Phần lớn những người ấy không phải là người xấu. Họ chỉ bị cuốn vào một môi trường nơi trách nhiệm bị làm mờ đi và hậu quả của lời nói không hiện ra ngay trước mắt. Cách âm thầm, nhiều người—kể cả người có đức tin—bắt đầu sống với hai căn tính: một con người có thể đứng trước ánh sáng, và một con người khác ẩn sau màn hình. Sự phân đôi ấy tạo ra một ảo tưởng nguy hiểm: rằng những gì ta làm trên mạng không thật sự liên quan đến con người thật của ta.

Nhưng với người Kitô hữu, đây là một ảo tưởng nghiêm trọng. Đức tin Kitô giáo không cho phép ta chia cắt con người mình. Không có “tôi trên mạng” và “tôi ngoài đời”. Chỉ có một con người duy nhất, đang sống trước mặt Thiên Chúa. Điều ta gõ trên bàn phím không tách rời khỏi đời sống cầu nguyện; cách ta nói trên mạng không tách rời khỏi cách ta sống trong gia đình và cộng đoàn.

Chính vì thế, bên cạnh có hiểu biết về môi trường số, ta còn được mời gọi đi sâu hơn: sống đúng căn tính của mình. Không phải bằng cách xây dựng một hình ảnh Kitô hữu đẹp đẽ, mà bằng cách để cho chính đời sống của Đức Kitô uốn nắn con người ta từ bên trong. Đức Giêsu nói: *“Không có Thầy, anh em chẳng làm gì được”* (Ga 15,5). Câu hỏi căn bản không phải là “tôi dùng mạng thế nào?”, mà là: “tôi là ai, và tôi thuộc về ai, khi tôi ở trên mạng?”

Bén rễ trong Đức Kitô giữa một thế giới luôn làm ta phân tán

Thế giới số khiến con người luôn được kết nối, nhưng cũng dễ bị phân tán. Ta hiện diện ở nhiều nơi, biết nhiều chuyện, nhưng lại khó đứng vững ở một điểm sâu bên trong. Chính trong bối cảnh ấy, lời mời gọi của Đức Giêsu trở nên đặc biệt mạnh mẽ: “Hãy ở lại trong Thầy.”

Căn tính môn đệ không khởi đi từ hoạt động, mức độ hiện diện hay hiệu quả bề ngoài, mà từ ở lại. Ở lại không phải là thụ động, mà là gắn bó, để cho sự sống của Đức Kitô chảy vào đời sống mình. Người môn đệ không sống cho Đức Kitô trước tiên, mà sống từ Đức Kitô; và chỉ từ đó họ mới được sai đi.

Ngày nay, việc được sai đi bao gồm cả không gian số—một không gian nơi đời sống “online” và “offline” hòa trộn vào nhau. Khi bước vào đó mà không bén rễ nội tâm, người ta rất dễ bị cuốn theo nhịp độ, cảm xúc và những gì đang gây chú ý. Thay vì định hình môi trường bằng đức tin, ta để môi trường ấy nhào nặn lại mình.

Giáo Hội nhắc rằng truyền thông chỉ thực sự lành mạnh khi nó hỗ trợ cho các cuộc gặp gỡ thật và được nuôi dưỡng từ đời sống nội tâm. Thiện chí thôi là chưa đủ. Người môn đệ cần được nuôi dưỡng mỗi ngày bằng cầu nguyện, Lời Chúa và các

bí tích. Những điều ấy không phải là phụ kiện đạo đức, mà là những rễ cây âm thầm hút lấy sự sống. Không có rễ, con người có thể rất năng động, rất “có tiếng nói”, nhưng lại mỏng manh và dễ bị cuốn đi.

Căn tính sâu xa nhất của người Kitô hữu không nằm ở hình ảnh họ xây dựng hay sự công nhận họ nhận được, mà nơi Đức Kitô—Đấng gọi tên họ và mời họ ở lại trong tình bạn với Người. Chỉ người bén rễ mới có thể tự do; và chỉ người biết ở lại mới có thể sinh hoa trái.

Được uốn nắn theo khuôn mẫu của Đức Kitô: Từ phản ứng sang hiệp thông

Bén rễ là điều cần thiết, nhưng người môn đệ còn được mời gọi được uốn nắn. Thánh Phaolô nói rằng chúng ta được kêu gọi nên đồng hình đồng dạng với Đức Kitô. Đây không phải là một khoảnh khắc, mà là một tiến trình dài, trong đó trái tim con người dần mang lấy khuôn mẫu của trái tim Người.

Không gian số thường khuyến khích phản ứng nhanh hơn là suy tư sâu. Lời nói dễ trở nên sắc bén, mỉa mai và tàn nhẫn, nhất là khi màn hình tạo ra khoảng cách giữa con người với nhau. Nhiều khi ta không chủ ý trở nên cay nghiệt; ta chỉ phản ứng. Nhưng Đức Kitô mời gọi một tư thế khác: nói sự thật trong yêu thương, đứng vững mà không đánh mất lòng xót thương.

Được uốn nắn theo khuôn mẫu của Đức Kitô là học cách không để cơn giận điều khiển lời nói, không để chiến thắng trong tranh luận trở thành mục tiêu. Trong thế giới số, nơi “bất cứ đâu” đều có thể là nơi gặp gỡ, mỗi lời nói đều có khả năng xây dựng hoặc làm sứt mẻ hiệp thông. Dấu chỉ căn bản để nhận biết người môn đệ vẫn không thay đổi: “*Anh em yêu thương nhau.*” Trong không gian số, tình yêu ấy thường được thể hiện qua những lựa chọn rất nhỏ: chọn ngôn ngữ tôn trọng, chọn lắng nghe,

chọn bất đồng cách đảng hoàng, hoặc chọn im lặng đúng lúc. Những lựa chọn ấy không tạo nhiều chú ý, nhưng âm thầm làm chứng cho một cách sống khác.

Hiệp thông với Giáo Hội: Khi căn tính không phải là dự án cá nhân

Đức tin Kitô giáo luôn được sống trong hiệp thông. Không ai tự tạo ra đức tin của mình; đức tin được trao ban, nuôi dưỡng và gìn giữ trong Giáo Hội. Thế nhưng, môi trường mạng rất dễ đẩy con người vào một kiểu Kitô giáo cá nhân hóa, nơi ý kiến riêng nhanh chóng trở thành thước đo tối hậu.

Giáo Hội không phải là một tiếng nói tùy chọn, mà là nơi đức tin được hình thành. Khi đời sống trực tuyến tách rời khỏi cầu nguyện, phụng vụ và cộng đoàn cụ thể, tiếng nói Kitô hữu—dù có vẻ mạnh—dần trở nên mỏng. Ngược lại, khi sự hiện diện trên mạng bắt nguồn từ đời sống Hội Thánh, nó mang chiều sâu, kỷ ức và sự khiêm tốn của người biết mình không phải là trung tâm.

Truyền thông Kitô giáo không nhằm khẳng định cái tôi hay chiến thắng đối phương, mà nhằm xây dựng hiệp thông. Mỗi lời nói trên mạng đều không chỉ mang tính cá nhân, mà còn chạm đến chứng tá chung của Thân Thể. Hiệp thông không loại trừ khác biệt, nhưng cho khác biệt một nơi chốn để được diễn tả trong bác ái và tôn trọng.

Được hình thành, chứ không phải trình diễn: Khi căn tính là một quà tặng

Mạng xã hội rất dễ biến căn tính thành một màn trình diễn. Con người bắt đầu đo lường giá trị của mình bằng phản hồi của

người khác, và nhầm lẫn giữa được chú ý với được yêu thương. Khi đó, căn tính trở thành một gánh nặng phải liên tục chứng minh.

Kitô giáo đề nghị một con đường khác. Người môn đệ không được mời gọi tạo ra căn tính của mình, mà đón nhận căn tính ấy như một ân huệ. Phẩm giá con người là điều vốn có, không tùy thuộc vào thành công hay sự công nhận. Khi căn tính được đặt trong Đức Kitô, con người được giải phóng khỏi áp lực phải trình diễn.

Sự hình thành Kitô giáo diễn ra trong thinh lặng, qua sự trung thành và thời gian. Nó không tạo ra một hình ảnh hoàn hảo, mà tạo ra một con người vững vàng. Người đã được hình thành không cần phải trình diễn; người biết mình là ai không cần phải chứng minh điều đó trước thiên hạ.

Không hoàn hảo, nhưng trung thành: Sống nhịp chậm của Thiên Chúa trong một thế giới nhanh

Sống “đúng khuôn” trong thời đại số không có nghĩa là luôn nói đúng hay phản ứng hoàn hảo. Người môn đệ được mời gọi sống trung thành, không phải hoàn hảo. Sự hình thành Kitô giáo luôn diễn ra chậm, qua những tiến trình lặp đi lặp lại của cầu nguyện, hoán cải và bắt đầu lại.

Trong khi mạng xã hội khen thưởng tốc độ và sự chú ý, Thiên Chúa làm việc theo nhịp chậm. Người uốn nắn từ bên trong, kiên nhẫn và âm thầm. Khi chấp nhận nhịp sống ấy, người môn đệ được tự do không phản ứng với mọi thứ, không chạy theo mọi vòng xoáy, và không để mình bị định nghĩa bởi sự chú ý.

Không gian số đã trở thành một trong những nơi chính yếu mà đời sống môn đệ được sống và được thử thách. Ở đó, mỗi

quyết định nhỏ đều có thể xây dựng hiệp thông hoặc gây chia rẽ. Sống “đúng khuôn” là bước vào không gian ấy với một trái tim đã được bén rễ và đang được uốn nắn.

Phúc thay người sống căn tính môn đệ Đức Kitô —
không phải vì họ làm mọi sự đúng,
mà vì họ ở lại:
ở lại trong Đức Kitô,
ở lại trong Giáo Hội,
và ở lại trung thành,
giữa một thế giới luôn hối thúc phải nhanh hơn, lớn tiếng
hơn và nổi bật hơn.

Chương 3

Phúc thay người hiện diện chân tình, vì họ tạo không gian cho sự gặp gỡ

Trong đời sống hôm nay, có một nỗi sợ âm thầm đang chi phối rất nhiều người, dù không phải lúc nào cũng được gọi tên. Đó là nỗi sợ bị bỏ lại phía sau, sợ mình không còn hiện diện trong dòng chảy chung của thế giới.

Người ta gọi nỗi sợ ấy là *FOMO (fear of missing out)*—nỗi lo sợ mình sẽ “bỏ lỡ” điều gì đó đang xảy ra. Không chỉ là bỏ lỡ một tin tức hay một xu hướng mới, mà sâu xa hơn, là nỗi sợ mình không còn thuộc về cuộc trò chuyện chung, không còn ở “trong cuộc”.

Chính vì nỗi sợ ấy, nhiều người cảm thấy mình phải luôn cập nhật, luôn theo kịp, luôn bắt “trend”, luôn hiện diện. Điện thoại gần như không rời tay. Thông báo liên tục xuất hiện. Tin tức, hình ảnh, video nối tiếp nhau, cuốn con người vào một dòng chảy không có điểm dừng.

Kết nối trở thành một áp lực.

Và sự hiện diện, thay vì mang lại tự do, lại dần trở thành một gánh nặng phải mang.

Và vì thế, nghịch lý thay, sự hiện diện đích thật lại ngày càng hiếm.

Ta có mặt trong nhiều cuộc trò chuyện cùng lúc, nhưng hiếm khi ở trọn vẹn với một người.

Ta biết rất nhiều chuyện đang xảy ra, nhưng lại không thật sự ở đó cho ai. Ta hiện diện khắp nơi, nhưng lại thường xuyên cảm thấy trống rỗng.

Mạng xã hội giữ ta trong một trạng thái rất lạ: ở mọi nơi và không ở đâu cả. Chính trong bối cảnh đó, người Kitô hữu được mời gọi sống một cách hiện diện rất khác. Không phải là hiện diện ồn ào, không phải là luôn lên tiếng, càng không phải là xuất hiện liên tục.

Đó là một kiểu hiện diện bén rễ trong mầu nhiệm Nhập Thể.

Thánh Gioan viết một câu rất đơn sơ, nhưng không ngừng làm nền cho toàn bộ đức tin Kitô giáo: “*Ngôi Lời đã làm người và cư ngụ giữa chúng ta*” (Ga 1,14).

Thiên Chúa không cứu độ con người bằng cách gửi thông điệp từ xa.

Người đến gần.

Người ở lại.

Người “dựng lều” giữa nhân loại,
chia sẻ thân phận, nhịp sống,
niềm vui và nỗi đau của con người.

Sự hiện diện của Đức Kitô không phải là sự hiện diện trừu tượng. Đó là sự hiện diện cụ thể, có khuôn mặt, có ánh nhìn, có thời gian dành cho từng người. Chính kiểu hiện diện đó đã chữa lành, nâng đỡ và biến đổi. Và đó cũng là kiểu hiện diện mà người môn đệ được mời gọi phản chiếu—kể cả trong thế giới số.

Hiện diện qua trung gian: Thật hay ảo?

Khi nói đến mạng xã hội, nhiều người đặt câu hỏi: *Liệu có thể gọi sự hiện diện qua màn hình là “hiện diện thật” không?*

Ta không ở cùng phòng. Không chạm tay. Không nhìn thấy nhau trực tiếp. Chỉ có chữ viết, hình ảnh, âm thanh. Liệu chừng đó có đủ để gọi là hiện diện? Truyền thống của Giáo Hội trả lời: *Có—nhưng theo một cách khác.*

Con người từ xưa đến nay vẫn luôn dùng các phương tiện để mở rộng sự hiện diện của mình vượt qua khoảng cách. Một lá thư viết tay mang theo không chỉ thông tin, mà cả tấm lòng người gửi. Một cuộc gọi điện thoại, một chương trình phát thanh, một thông điệp được đọc chung trong cộng đoàn—tất cả đều là những hình thức hiện diện qua trung gian.

Thánh Phaolô là một ví dụ rất đẹp. Dù không luôn có mặt thể lý, ngài vẫn hiện diện mạnh mẽ trong đời sống các cộng đoàn tín hữu thời sơ khai qua thư từ. Văn kiện *Hướng tới sự hiện diện tròn đầy* nhắc rằng, đối với thánh Phaolô, không có sự chia cắt giữa hiện diện thể lý và hiện diện qua lời viết, bởi vì cả hai đều phục vụ cho hiệp thông (số 46).

Các thư của ngài không chỉ chuyên tải giáo huấn. Chúng xây dựng cộng đoàn, nối kết các Giáo Hội địa phương với nhau, và giữ cho môi dây hiệp thông không bị đứt đoạn.

Trong đời sống phụng vụ, thực tại này còn được thể hiện sâu xa hơn nữa. Các bí tích là những dấu chỉ hữu hình làm cho ân sủng vô hình trở nên hiện diện. Nước, bánh, rượu, lời nói—tất cả đều là những phương tiện, nhưng qua đó, Thiên Chúa thật sự đến gần con người. Theo cách tương tự, hình ảnh thánh, Kinh Thánh, biểu tượng và nghệ thuật thánh đều giúp Đức Kitô hiện diện với tín hữu, dù qua trung gian của hình ảnh và ngôn từ.

Hiện diện số: Một kinh nghiệm rất thật

Trong thời đại hôm nay, sự hiện diện qua trung gian diễn ra mỗi ngày, dưới những hình thức rất quen thuộc.

Một chuỗi Mân Côi trực tuyến quy tụ người ở nhiều châu lục.

Một nhóm cầu nguyện online nâng đỡ người đang khủng hoảng.

Một dòng tin nhắn mục vụ đúng lúc xoa dịu người đang lo âu.

Văn kiện *Hướng tới sự hiện diện tròn đầy* kể lại một khoảnh khắc rất đặc biệt trong những ngày đầu đại dịch Covid-19: Quảng trường Thánh Phêrô trống rỗng, nhưng lại đầy sự hiện diện. Qua truyền hình và livestream, Đức Giáo hoàng Phanxicô đã dẫn dắt một kinh nghiệm cầu nguyện toàn cầu. Trong lúc hàng triệu người bị cách ly và cô đơn, họ lại cảm thấy được kết nối sâu sắc với nhau và với vị kế nhiệm thánh Phêrô.

Khoảnh khắc ấy cho thấy:

*hiện diện không chỉ là chuyện ở cùng một nơi,
mà là chuyện ở cùng một nhịp,
cùng một mối quan tâm,
cùng một lời cầu nguyện.*

Sự hiện diện số, dù được trung gian hóa bởi công nghệ, vẫn có thể tham dự vào động lực Nhập Thể của truyền thông Kitô giáo: *Thiên Chúa tiếp tục đến gần con người qua dấu chỉ, lời nói và cử chỉ.*

Và con người, đến lượt mình, được mời gọi bắt chước chuyển động ấy trong chính đời sống mình.

Vấn đề, vì thế, không phải là: “*Hiện diện số có thật hay không?*”

Mà là: “*Ta hiện diện như thế nào?*”

Ta hiện diện như một người đang lướt qua?

Hay như một người thật sự dừng lại?

Ta có mặt để tiêu thụ?

Hay để trao ban?

Hiện diện như một quà tặng: Khi sự chú tâm trở thành một hành vi yêu thương

Trong đời sống thường ngày, không khó để nhận ra điều này: được ai đó ở lại với mình, thật sự lắng nghe mình, thường quý hơn rất nhiều so với việc được cho lời khuyên hay giải pháp.

Một người bạn ngồi yên bên cạnh khi ta buồn.

Một người cha gác điện thoại xuống để nghe con nói.

Một người mục tử dành thời gian cho một cuộc trò chuyện tưởng như rất nhỏ.

Những khoảnh khắc ấy không ồn ào. Nhưng chúng để lại dấu ấn rất sâu, bởi vì trong đó, ta cảm nhận được một điều rất căn bản: “Tôi quan trọng đối với bạn.”

Đó chính là ý nghĩa sâu xa của việc hiện diện.

Hiện diện không đơn thuần là có mặt hay đang trực tuyến. Hiện diện là trao ban sự chú tâm, và sự chú tâm ấy luôn có giá của nó: giá của thời gian, của năng lượng, của việc tạm gác lại những bận tâm khác.

Văn kiện *Hướng tới sự hiện diện tròn đầy* nói rất rõ: hiện diện không chỉ là được kết nối, mà là sẵn sàng, lắng nghe, và tham dự cách chân thành (số 77). Khi thiếu những yếu tố ấy, sự kết nối chỉ còn là kỹ thuật, chứ chưa phải là mối quan hệ.

Đức Giêsu là mẫu gương rõ ràng nhất cho kiểu hiện diện này.

Tin Mừng kể lại rằng Người thường dừng lại. Dừng lại để lắng nghe tiếng kêu của người phụ nữ bị băng huyết (x. Mc 5,30–34). Dừng lại để nhìn lên và gọi tên Da-kêu (x. Lc 19,1–10). Dừng lại trước những con người mà xã hội lúc đó thường lướt qua.

Sự hiện diện của Người chữa lành không phải vì Người nói nhiều, mà vì Người ở trọn vẹn với người đối diện. Ánh nhìn

của Người không vội vàng. Sự chú tâm của Người không bị chia cắt.

Chính kiểu hiện diện ấy làm cho con người cảm thấy được nhìn thấy, được biết đến, và được yêu thương—cho dù là một người bị phong hủy hay là một người tội lỗi.

Đối với người Kitô hữu, hiện diện không phải là một kỹ năng giao tiếp đơn thuần. Đó là một hành vi thiêng liêng. Một cách tham dự vào tình yêu tự hiến của Thiên Chúa.

Tông huấn *Evangelii Gaudium* nhắc một nguyên tắc rất quan trọng: “*Thời gian thì quan trọng hơn không gian*” (số 222). Nghĩa là tình yêu không được đo bằng tầm ảnh hưởng hay độ bao phủ, mà bằng khả năng ở lại, kiên nhẫn, và để cho điều tốt lớn lên theo tiến trình của nó.

Trong thế giới số, nguyên tắc này mang một ý nghĩa rất cụ thể.

Ta có thể tiếp cận rất nhiều người cùng lúc, nhưng lại không thật sự hiện diện với ai.

Ta có thể phản hồi rất nhanh, nhưng lại thiếu chiều sâu.

Ta có thể “thả tim”, nhưng không thật sự chạm đến trái tim.

Ta có thể kết bạn, nhưng không thực sự bước vào một mối tương quan.

Sống “hiện diện chân tình” trên mạng, vì thế, không có nghĩa là phải online nhiều hơn. Trái lại, nó thường đòi hỏi ta online có chọn lọc hơn. Chọn những khoảnh khắc để thật sự ở lại, thay vì luôn lướt qua.

Trong không gian số, sự hiện diện có thể trở thành một hình thức bác ái.

Một lời bình luận tử tế dưới một bài đăng đầy tổn thương.

Một biểu tượng cầu nguyện gửi đi với lòng chân thành.

Một phản hồi chậm nhưng được suy nghĩ kỹ, thay vì một phản ứng tức thì.

Một lời góp ý mang tính xây dựng thay vì chỉ trích nặng nề.

Những cử chỉ ấy rất nhỏ. Nhưng đối với người đang cảm thấy bị bỏ quên, chúng có thể mang ý nghĩa rất lớn. Chúng nói lên rằng: *“Bạn không vô hình.”*

Văn kiện *Hướng tới sự hiện diện tròn đầy* khẳng định rằng sống hiện diện có nghĩa không rút lui vào cô lập, mà là xây dựng một “văn hóa gặp gỡ” (số 19). Nghĩa là dùng chính các phương tiện số để đồng hành, khích lệ, và chia sẻ niềm vui cũng như nỗi buồn của người khác.

Hiện diện như thế không đòi hỏi ta phải có câu trả lời cho mọi vấn đề. Nhiều khi, điều người khác cần không phải là giải pháp, mà là một người chịu ở lại với họ trong lúc khó khăn.

Trong một thế giới mà sự chú ý bị phân mảnh và bị mua bán, việc trao ban sự chú tâm trở thành một hành vi đi ngược dòng. Nó không mang lại nhiều lợi ích tức thì. Nó không tạo ra nhiều tương tác. Nhưng nó phản chiếu rất rõ cách Thiên Chúa yêu thương: *chậm rãi, kiên nhẫn, và không điều kiện.*

Hiện diện chân tình, vì thế, không phải là điều thêm thắt cho đời sống đức tin. Nó là một trong những cách rất cụ thể để sống đức tin, ngay giữa những dòng tin, màn hình và cuộc trò chuyện tưởng chừng rất đời thường.

Hiện diện như chứng tá Nhập Thể: Khi đời sống số trở thành sứ vụ

“Ngôi Lời đã làm người” (Ga 1,14).

Một câu rất ngắn. Nhưng nếu đọc chậm, ta sẽ thấy câu Tin Mừng này đảo lộn toàn bộ cách Thiên Chúa truyền thông với

con người. Thiên Chúa không nói từ xa. Không gửi thông cáo. Không giữ khoảng cách an toàn. Người bước vào lịch sử, mang lấy thân phận con người, nói bằng ngôn ngữ của con người, sống giữa con người.

Màu nhiệm Nhập Thể cho thấy: *Thiên Chúa chọn hiện diện*.

Và chính từ lựa chọn ấy, mọi truyền thông Kitô giáo được định hình. Đức tin không lan truyền trước hết bằng lập luận, mà bằng sự hiện diện có thể chạm tới. Không phải bằng khái niệm trừu tượng, mà bằng một đời sống có khuôn mặt.

Trong mọi thời đại, Giáo Hội được mời gọi làm cho sự hiện diện ấy tiếp tục trở nên hữu hình, trong những hoàn cảnh và ngôn ngữ mới. Ngày nay, một trong những không gian ấy chính là thế giới số.

Đức Giáo hoàng Bênêđictô XVI từng gọi mạng xã hội và internet là “*lục địa số*”—một không gian rộng lớn, nơi con người tụ họp, tìm kiếm, và bày tỏ cả những nỗi sợ lẫn những hy vọng sâu kín của mình.

Khi hiện diện trong không gian ấy, ta có thể chạm đến rất gần những gì đang chuyển động trong lòng con người thời đại: những lo âu chưa gọi thành lời, những ước mơ mong manh, những thất vọng âm thầm, và cả những khát vọng chưa được thỏa mãn. Không gian số, vì thế, không chỉ là nơi trao đổi thông tin, mà là nơi con người để lộ chính mình.

Và giữa “lục địa” ấy, món quà lớn nhất người Kitô hữu có thể trao tặng không phải là kỹ năng, cũng không phải là ảnh hưởng, mà là Tin Mừng: Tin Mừng về một Thiên Chúa đã làm người, đã bước vào nỗi đau của nhân loại, đã chịu chết và đã sống lại, để mở ra con đường cứu độ cho tất cả mọi người (Sứ điệp Ngày Thế giới Truyền thông Xã hội, 2009).

Điều này thay đổi căn bản cách ta nhìn sự hiện diện của mình trên mạng.

Ta không bước vào không gian số chỉ với tư cách là người tiêu thụ nội dung. Cũng không chỉ là người bày tỏ quan điểm cá nhân. Ta bước vào đó như những môn đệ được sai đi.

Vì thế, điều thúc đẩy sự hiện diện Kitô hữu trên mạng không phải là khát khao được nhìn thấy, được theo dõi, hay được công nhận. Nó là ước muốn làm cho sự gần gũi của Thiên Chúa trở nên cảm nhận được—ngay cả trong những không gian rộng lớn, vô danh và đôi khi lạnh lẽo của thế giới số.

Một chi tiết nhỏ nhưng rất đáng suy nghĩ: trong ngôn ngữ tiếng Anh thường ngày, người ta gọi những người sử dụng mạng là “users”—người dùng. Từ này cũng được dùng cho những người lệ thuộc vào chất gây nghiện hoặc công nghệ. Nó gợi lên hình ảnh của sự tiêu thụ, thụ động, và đôi khi là lệ thuộc hoặc nghiện ngập.

Nhưng người Kitô hữu không được mời gọi làm “người dùng”. Ta được mời gọi làm chứng nhân.

Chúng nhân không ẩn mình sau biệt danh hay mĩa mai. Chúng nhân không núp sau châm biếm hay hoài nghi. Chúng nhân xuất hiện như chính mình, với giọng nói, thái độ và lựa chọn được định hình bởi Đức Kitô.

Điều đó không có nghĩa là lúc nào cũng phải nói về đức tin một cách trực tiếp. Rất nhiều khi, chúng ta mạnh mẽ nhất nằm ở giọng điệu, ở cách ta đối xử với người bất đồng, ở việc ta không góp phần vào sự tàn nhẫn đang lan tràn, không nuôi dưỡng hay bộc lộ sự hả hê trước thất bại hay nỗi đau của người khác—kể cả khi đó là những người mà ta cho là đã làm điều sai trái.

Đức Giáo hoàng Phanxicô đã nói rằng: “*Không đủ để chỉ là người qua đường trên các xa lộ kỹ thuật số, chỉ ‘được kết nối’ mà thôi.*” Ngài mời gọi chúng ta trở thành những người thân cận, để internet không chỉ là một mạng lưới dây dẫn, mà

là “*mạng lưới của những con người*” (Sứ điệp Ngày Thế giới Truyền thông Xã hội, 2014).

Điều này đòi hỏi một sự hoán cải rất cụ thể.

Thay vì hỏi: “*Mình có nên đăng không?*” ta được mời gọi hỏi: “*Sự hiện diện của mình ở đây đang nói điều gì về Thiên Chúa?*”

Thay vì hỏi: “*Điều này có được nhiều tương tác không?*” ta được mời gọi hỏi: “*Điều này có giúp người khác cảm thấy được tôn trọng và được đón nhận không?*”

Trong tinh thần truyền giáo của một Giáo Hội “đi ra”, Đức Giáo hoàng Phanxicô nói rằng xa lộ số là một con đường đầy người—những người đang đau khổ, tìm kiếm ý nghĩa, hy vọng và ơn cứu độ. Qua internet, sứ điệp Kitô giáo có thể vang tới “*tận cùng trái đất*” (Cv 1,8) (Sứ điệp Ngày Thế giới Truyền thông Xã hội, 2014).

Nhưng điều làm cho sứ điệp ấy đáng tin không chỉ là nội dung, mà là cách nó được mang đi.

Khi người Kitô hữu hiện diện trên mạng với sự chân thành, khiêm tốn và xót thương, họ làm cho Tin Mừng trở nên gần gũi, có thể chạm tới, và đáng tin. Không phải vì họ hoàn hảo, mà vì họ ở đó, với trọn vẹn con người mình.

Hiện diện như chứng tá Nhập Thể, vì thế, không phải là chiến lược truyền thông. Đó là một lối sống. Một lựa chọn mỗi ngày: xuất hiện không phải để chiếm chỗ hay lấn át, mà để ở cùng.

Chất lượng của sự hiện diện: Khi chiều sâu quan trọng hơn thời lượng

Trong thế giới số, người ta rất dễ nhầm lẫn giữa có mặt nhiều và hiện diện thật.

Có người đăng bài mỗi ngày, thậm chí nhiều lần trong ngày.

Có người luôn phản hồi rất nhanh, luôn “bắt sóng” mọi câu chuyện.

Có người hiếm khi rời khỏi màn hình, luôn ở trong trạng thái kết nối.

Nhưng sự hiện diện, theo nghĩa Kitô giáo, không được đo bằng số giờ online, cũng không được đo bằng số lần xuất hiện.

Một thống kê cho biết rằng chỉ riêng trong năm 2024, nhân loại đã dành tổng cộng hơn năm trăm triệu năm trên mạng xã hội. Ở nhiều quốc gia, thời gian sử dụng mỗi ngày vượt quá ba tiếng. Những con số này gây choáng, nhưng chúng không nói gì về chất lượng của sự hiện diện trong những giờ phút ấy.

Ta có thể dành rất nhiều thời gian trên mạng, nhưng lại hiếm khi ở lại đủ lâu với một con người cụ thể. Ta có thể tương tác rất nhiều, nhưng lại thiếu những cuộc gặp gỡ thật sự chạm đến chiều sâu.

Chính vì thế, “hiện diện chân tình” không có nghĩa là luôn luôn kết nối. Trái lại, nó thường đòi hỏi khả năng biết dừng lại.

Biết khi nào nên đăng nhập.

Biết khi nào nên thoát ra.

Biết khi nào cần lên tiếng.

Và biết khi nào cần im lặng.

Đức Giáo hoàng Bênêđictô XVI từng nói một điều rất ngược với trực giác của thời đại: thỉnh lặng không phải là sự vắng mặt của truyền thông, mà là một phần thiết yếu của truyền thông. Không có thỉnh lặng, lời nói mất chiều sâu; hình ảnh mất ý nghĩa; đối thoại trở nên hời hợt (Sứ điệp Ngày Thế giới Truyền thông Xã hội, 2012).

Trong một thế giới ngập tràn tiếng ồn, hình ảnh và thông tin, thỉnh lặng trở thành điều kiện cho sự phân định. Chỉ trong

thình lạng, con người mới có thể kết nối các biến cố, cân nhắc thông điệp, và nhận ra điều gì là quan trọng, điều gì chỉ là thoáng qua.

Nếu không có những khoảng dừng này, sự hiện diện trên mạng rất dễ trở thành phản xạ, thay vì là một lựa chọn có ý thức. Ta phản ứng trước khi kịp hiểu. Ta chia sẻ trước khi kịp suy nghĩ. Ta nói trước khi kịp lắng nghe.

Sống “hiện diện chân tình” mời gọi ta đặt lại nhịp sống.

Không phải mọi lời nhắn đều cần phản hồi ngay.

Không phải mọi tranh luận đều cần tham gia.

Không phải mọi dòng tin đều cần được đọc qua.

Những quyết định này không làm ta kém quan tâm hơn. Trái lại, chúng giúp ta quan tâm sâu hơn. Khi sự chú ý không bị phân mảnh, ta có thể thật sự lắng nghe. Khi tâm trí không bị kéo căng, ta có thể phân định tốt hơn.

Thánh vịnh gia cầu nguyện: “*Hãy lặng yên và biết rằng Ta là Thiên Chúa*” (Tv 46,10). Câu này không chỉ dành cho đời sống cầu nguyện cá nhân. Nó cũng là một nguyên tắc cho đời sống truyền thông.

Chỉ khi biết lặng yên, ta mới biết mình là ai.

Chỉ khi biết lặng yên, ta mới biết điều gì đáng nói.

Và chỉ khi biết lặng yên, sự hiện diện của ta mới không bị cuốn đi bởi nhịp độ của đám đông.

Hiện diện chân tình, vì thế, luôn bắt đầu từ một đời sống nội tâm được gìn giữ. Một đời sống biết nghỉ ngơi. Biết cầu nguyện. Biết để cho Lời Chúa chạm đến trước khi để cho dòng tin chạm đến.

Từ nơi nội tâm ấy, sự hiện diện trên mạng mới có thể trở nên chậm rãi, chọn lọc và có chiều sâu. Không phải để rút lui khỏi thế giới, mà để hiện diện trong thế giới ấy với một nhịp

khác—nhịp không bị thúc ép bởi thuật toán, mà được dẫn dắt bởi sự khôn ngoan.

Hiện diện như hiệp thông và đồng hành: Từ tranh cãi sang gặp gỡ

Trong không gian số, rất nhiều tương tác được xây dựng quanh ý kiến.

Ai nói đúng?

Ai nói sai?

Ai thắng trong cuộc tranh luận?

Ai đã bị đánh bại?

Không khó để thấy mạng xã hội thường biến những khác biệt thành đối đầu, và những cuộc trao đổi thành cuộc chiến giành ưu thế. Ở đó, người khác dễ bị thu hẹp lại thành một lập trường, một nhãn dán, hay một “phe”.

Nhưng truyền thông, theo cái nhìn của Giáo Hội, có một mục đích sâu xa hơn thế rất nhiều:

Hiệp thông.

Từ sắc lệnh *Inter Mirifica* cho đến huấn thị *Communio et Progressio*, Giáo Hội không ngừng nhắc rằng mục tiêu cuối cùng của truyền thông không phải là chiến thắng trong tranh luận, mà là xây dựng sự hiệp nhất trong gia đình nhân loại, và đưa con người đến gần nhau hơn, cũng như đến gần Thiên Chúa hơn.

Hiện diện chân tình trên mạng, vì thế, không bắt đầu từ việc nói cho hay, mà từ cách ta nhìn người khác.

Ta nhìn họ như đối thủ? Hay như người anh chị em đang mang trong mình một câu chuyện, một nỗi đau, một quá khứ, một khát vọng được lắng nghe?

Đức Giáo hoàng Phanxicô, trong Tông huấn *Christus Vivit*, nói rằng giữa những thập giá mà người trẻ hôm nay đang mang, Đức Giêsu hiện diện như một người bạn đồng hành, trao ban sự an ủi và chữa lành (số 83). Người không đứng từ xa để phân tích. Người đi cùng.

Hiện diện như hiệp thông chính là chọn đi cùng, thay vì đứng trên.

Điều này có những hệ quả rất cụ thể trong đời sống số.

Thay vì biến phần bình luận thành nơi phán xét, ta có thể biến nó thành nơi đối thoại. Thay vì công kích công khai, ta có thể chọn nhấn riêng, nếu điều đó giúp giữ phẩm giá cho người khác. Thay vì phơi bày lỗi lầm, ta có thể chọn bảo vệ người đang bị tổn thương. Thay vì chỉ trích gay gắt, ta có thể chọn lời góp ý mang tính xây dựng.

Rất nhiều hành vi đồng hành trên mạng diễn ra âm thầm. Chúng không tạo ra nhiều tương tác. Không được ghi nhận. Nhưng chính những hành vi ấy lại mang sức chữa lành.

Văn kiện *Hướng tới sự hiện diện tròn đầy* mời gọi chúng ta nhớ đến hình ảnh người Samaritanô nhân hậu. Trên “xa lộ số”, ta có thể lướt qua rất nhanh, hoặc dừng lại. Dừng lại để nhìn thấy người bị bỏ lại bên lề—người bị chế giễu, người bị tấn công, người bị bắt nạt, người đang tuyệt vọng nhưng không biết nói với ai (số 52).

Sự đồng hành không đòi hỏi ta phải giải quyết mọi vấn đề. Nó bắt đầu bằng việc không quay lưng.

Một câu trả lời tử tế giữa làn sóng mĩa mai.

Một lời nhấn riêng gửi đến người đang hoang mang.

Một hành động nâng tiếng nói của người bị bỏ quên.

Những cử chỉ ấy phản chiếu chính cách Đức Kitô hành động: Người không vội vàng. Người không làm tổn thương thêm. Người hiện diện để nâng người khác đứng dậy.

Trong một nền văn hóa thường đề cao phần nộ hơn cảm thông, tự quảng bá hơn chân thành, sự hiện diện như hiệp thông trở thành một dấu chỉ ngược dòng. Nó không ồn ào. Nhưng nó có sức biến đổi.

Hiện diện như đồng hành cũng đòi hỏi ta biết lắng nghe trước khi phản ứng. Trong thế giới số, lắng nghe là một hành vi hiếm. Nhưng chính vì hiếm, nó lại càng quý.

Lắng nghe không có nghĩa là đồng ý.

Lắng nghe không có nghĩa là từ bỏ sự thật.

Lắng nghe là thừa nhận rằng con người luôn lớn hơn ý kiến của họ.

Khi ta hiện diện theo cách ấy, mạng xã hội—dù không thay đổi hoàn toàn—cũng có thể trở thành những không gian nhân bản hơn, nơi con người cảm thấy được gặp gỡ chứ không chỉ bị đánh giá.

Hiện diện chân tình, sau cùng, không nhằm làm cho ta nổi bật. Nó nhằm ở bên. Ở bên niềm vui của người khác. Ở bên nỗi đau của họ. Ở bên niềm hy vọng của họ. Và ở bên họ đủ lâu để họ biết rằng mình không cô đơn.

Hiện diện như chứng tá thâm lặng: Khi mỗi tương tác trở thành một “bức thư”

Khi nghĩ đến chứng tá Kitô giáo, người ta thường nghĩ đến lời giảng, tuyên bố đức tin, hay những hành động lớn lao. Nhưng trong đời sống thường ngày, đặc biệt là trong thế giới số, chúng ta thường mang một hình thức rất âm thầm.

Đôi khi, chứng tá ấy chỉ là cách ta hiện diện. Đức tin Kitô giáo không bắt đầu bằng một thông điệp, mà bằng một sự hiện diện. Thiên Chúa không nói với nhân loại rằng Người ở đó;

Người ở đó thật.

Ngôi Lời đã làm người, và Người được gọi là *Emmanuel*—*“Thiên Chúa ở cùng chúng ta”* (x. Mt 1,23).

Sự gần gũi ấy không ồn ào. Không phô trương. Nhưng nó đủ mạnh để biến đổi lịch sử.

Khi người Kitô hữu hiện diện trên mạng với cùng một tinh thần ấy—không áp đặt, không phán xét, không tìm cách thống trị không gian—sự hiện diện đó tự nó đã là một lời nói. Nó nói rằng:

Bạn không bị bỏ rơi.”

“Bạn được nhìn thấy.”

“Bạn có giá trị.”

Đức Giáo hoàng Phanxicô, trong *Fratelli Tutti*, nhắc rằng nếu nhìn lại lịch sử đời mình và lịch sử nhân loại, mỗi người đều mang trong mình điều gì đó của người bị thương, của kẻ cướp, của người qua đường, và của người Samaritanô nhân hậu (số 69). Trên những “con đường số” hôm nay cũng vậy. Mỗi lần tương tác, ta đang chọn mình sẽ là ai trong câu chuyện ấy.

Hiện diện chân tình là chọn không bước qua.

Không bước qua khi thấy ai đó bị chế giễu.

Không bước qua khi ai đó đang kêu cứu bằng những dòng chữ vụng về.

Không bước qua khi sự thật bị bóp méo và con người bị làm nhục.

Điều này không đòi hỏi ta phải luôn lên tiếng công khai. Rất nhiều khi, hiện diện chân tình là một hành động kín đáo: một tin nhắn riêng, một lời cầu nguyện âm thầm, một sự từ chối tham gia vào sự tàn nhẫn.

Thánh Phaolô đã dùng một hình ảnh rất đẹp để nói về đời sống Kitô hữu: *“Anh em là một bức thư của Đức Kitô... được*

viết không phải bằng mực, nhưng bằng Thần Khí của Thiên Chúa hằng sống” (2 Cr 3,3).

Trong thế giới số, mỗi tương tác của ta cũng giống như một dòng chữ trong bức thư ấy. Không phải ai cũng đọc trọn bức thư. Nhưng họ đọc được giọng điệu, thái độ, và cách ta hiện diện.

Một lời nói được chọn kỹ.

Một sự im lặng đầy tôn trọng.

Một cách bắt đồng mà không làm tổn thương.

Một cử chỉ chia sẻ nhẹ nhàng và tế nhị.

Những điều ấy nói rất nhiều về Đức Kitô—đôi khi còn nhiều hơn những bài viết dài.

Hiện diện chân tình, vì thế, không phải là chiến lược truyền thông. Nó là hoa trái của một đời sống nội tâm được nuôi dưỡng. Khi ta biết dừng lại, cầu nguyện, lắng nghe và phân định, sự hiện diện của ta—dù rất nhỏ—cũng mang theo chiều sâu.

Trong một thế giới quen với việc la to để được nghe, người Kitô hữu được mời gọi nói bằng cách ở lại. Ở lại đủ lâu để người khác cảm nhận được sự an toàn. Ở lại đủ khiêm tốn để không chiếm chỗ. Ở lại đủ yêu thương để làm chứng cho một Thiên Chúa luôn ở gần.

Phúc cho người hiện diện chân tình—không phải vì họ xuất hiện nhiều, mà vì họ ở đó thật.

Ở đó với trái tim mở ra.

Ở đó với sự tôn trọng.

Ở đó với lòng xót thương.

Và chính trong những không gian tưởng chừng rất mong manh ấy, Tin Mừng tiếp tục được viết—từng dòng một, qua

từng tương tác nhỏ bé, bởi những con người chọn hiện diện như Đức Kitô đã hiện diện: *ở cùng, để yêu thương*.

Bản rút gọn

Phúc thay người hiện diện chân tình, vì họ tạo không gian cho sự gặp gỡ

Trong đời sống hôm nay, nhiều người bị chi phối bởi một nỗi sợ âm thầm: sợ bị bỏ lại phía sau, sợ mình không còn thuộc về dòng chảy chung. Nỗi sợ ấy khiến con người cảm thấy phải luôn cập nhật, luôn theo kịp, luôn hiện diện. Kết nối dần trở thành áp lực, và sự hiện diện—thay vì giải phóng—lại trở thành gánh nặng.

Nghịch lý là: càng hiện diện ở nhiều nơi, con người lại càng khó ở trọn vẹn với một ai. Ta có mặt khắp nơi, nhưng thường không thật sự ở đó cho ai. Mạng xã hội giữ ta trong trạng thái “ở mọi nơi và không ở đâu cả”.

Trong bối cảnh ấy, người Kitô hữu được mời gọi một kiểu hiện diện khác: không ồn ào, không liên tục, nhưng bén rễ trong mầu nhiệm Nhập Thể. “*Ngôi Lời đã làm người và cư ngụ giữa chúng ta*” (Ga 1,14). Thiên Chúa không cứu độ con người từ xa, mà bằng cách đến gần, ở lại, và chia sẻ trọn vẹn thân phận con người. Chính kiểu hiện diện ấy trở thành khuôn mẫu cho đời sống môn đệ—kể cả trong thế giới số.

Hiện diện qua trung gian: Một thực tại có chiều sâu

Sự hiện diện không chỉ gắn với việc ở cùng một nơi về thể lý. Trong truyền thống Kitô giáo, con người từ lâu đã hiện diện

với nhau qua trung gian: thư từ, lời nói, biểu tượng, và các dấu chỉ hữu hình. Thánh Phaolô, dù không luôn có mặt thể lý, vẫn hiện diện cách mạnh mẽ trong các cộng đoàn qua thư từ để xây dựng hiệp thông.

Trong đời sống đức tin, các bí tích cho thấy rõ điều này: qua những dấu chỉ hữu hình, Thiên Chúa thật sự đến gần con người. Theo cách tương tự, sự hiện diện qua phương tiện truyền thông không phải là điều giả tạo, nhưng có thể trở thành một kinh nghiệm rất thật, nếu nó phục vụ cho gặp gỡ và hiệp thông.

Vấn đề không nằm ở chỗ sự hiện diện số có “thật” hay không, mà là ta hiện diện như thế nào: lướt qua hay dừng lại, tiêu thụ hay trao ban, phản ứng hay ở cùng.

Hiện diện như một quà tặng: Chú tâm như một hành vi yêu thương

Trong đời sống thường ngày, được ai đó thật sự ở lại và lắng nghe thường quý hơn rất nhiều so với lời khuyên hay giải pháp. Hiện diện, vì thế, không chỉ là có mặt, mà là trao ban sự chú tâm. Và sự chú tâm luôn có giá của nó: thời gian, năng lượng, và việc tạm gác lại những bận tâm khác.

Đức Giêsu là mẫu gương rõ ràng nhất cho kiểu hiện diện này. Người thường dừng lại: để lắng nghe, để nhìn thấy, để gọi tên. Sự hiện diện của Người chữa lành không vì Người nói nhiều, mà vì Người ở trọn vẹn với người đối diện. Ánh nhìn của Người không vội vàng, và sự chú tâm của Người không bị chia cắt.

Đối với người Kitô hữu, hiện diện không chỉ là một kỹ năng giao tiếp, mà là một hành vi thiêng liêng, một cách tham dự vào tình yêu tự hiến của Thiên Chúa. Trong thế giới số, điều này có nghĩa là chọn online cách có ý thức hơn, chọn ở lại thay vì lướt qua, chọn chiều sâu thay vì phản hồi tức thì.

Một lời bình luận tử tế, một phản hồi chậm nhưng được suy nghĩ kỹ, một sự im lặng đúng lúc—những cử chỉ rất nhỏ ấy có thể trở thành những hành vi bác ái đích thực. Chúng nói lên rằng người khác không vô hình.

Hiện diện như chứng tá Nhập Thể: Đời sống số như một sứ vụ

Mầu nhiệm Nhập Thể cho thấy Thiên Chúa chọn hiện diện. Từ lựa chọn ấy, mọi truyền thông Kitô giáo được định hình: đức tin không lan truyền trước hết bằng khái niệm, mà bằng sự hiện diện có thể chạm tới.

Ngày nay, thế giới số trở thành một trong những không gian mà sự hiện diện ấy được mời gọi tiếp tục. Khi bước vào đó, người Kitô hữu không chỉ là người tiêu thụ nội dung hay bày tỏ ý kiến cá nhân, mà là môn đệ được sai đi.

Điều thúc đẩy sự hiện diện Kitô hữu trên mạng không phải là khát khao được chú ý, mà là ước muốn làm cho sự gần gũi của Thiên Chúa trở nên cảm nhận được. Chứng tá ấy không luôn nằm ở việc nói về đức tin cách trực tiếp, mà thường thể hiện qua giọng điệu, thái độ, và cách đối xử với người khác—đặc biệt là với người bất đồng. Hiện diện như chứng tá Nhập Thể không phải là chiến lược truyền thông, nhưng là một lối sống: xuất hiện không để chiếm chỗ, mà để ở cùng.

Chất lượng của sự hiện diện: Chiều sâu quan trọng hơn thời lượng

Trong thế giới số, người ta dễ nhàm lẫn giữa hiện diện nhiều và hiện diện thật. Nhưng sự hiện diện, theo cái nhìn Kitô giáo,

không được đo bằng thời lượng online. Thay vào đó, nó được đo bằng chiều sâu của gặp gỡ.

Sống hiện diện chân tình đòi hỏi khả năng biết dừng lại: biết khi nào lên tiếng, khi nào im lặng, khi nào đăng nhập và khi nào thoát ra. Thinh lặng không phải là sự vắng mặt của truyền thông, mà là điều kiện để lời nói có chiều sâu và đối thoại có ý nghĩa.

Nếu không có những khoảng dừng này, sự hiện diện dễ trở thành phản xạ hơn là một lựa chọn có ý thức. Ngược lại, khi sự chú ý không bị phân mảnh, ta có thể lắng nghe thật sự và phân định tốt hơn.

Hiện diện chân tình bắt đầu từ một đời sống nội tâm được gìn giữ: biết cầu nguyện, biết nghỉ ngơi, và biết để cho Lời Chúa chạm đến trước khi để cho dòng tin tác động.

Hiện diện như hiệp thông và đồng hành: Từ tranh cãi sang gặp gỡ

Không gian số thường xoay quanh ý kiến và tranh luận. Nhưng mục đích sâu xa của truyền thông, theo Giáo Hội, không phải là chiến thắng trong đối thoại. Mục đích chính yếu là xây dựng hiệp thông.

Hiện diện chân tình bắt đầu từ cách ta nhìn người khác. Thay vì xem họ như một lập trường, ta nhận ra một con người mang theo câu chuyện, nỗi đau và khát vọng được lắng nghe. Hiện diện như hiệp thông là chọn đi cùng, thay vì đứng trên.

Điều này thể hiện qua những lựa chọn rất cụ thể: biến bình luận thành nơi đối thoại, chọn bảo vệ người bị tổn thương, chọn không hòa theo sự tàn nhẫn. Nhiều hành vi đồng hành trên mạng diễn ra âm thầm, không được ghi nhận, nhưng lại mang sức chữa lành lớn lao.

Lắng nghe không có nghĩa là đồng ý, nhưng là thừa nhận rằng con người luôn lớn hơn ý kiến của họ. Khi hiện diện theo cách ấy, mạng xã hội—dù còn nhiều giới hạn—vẫn có thể trở thành những không gian nhân bản hơn.

Hiện diện như chứng tá thâm lặng: Mỗi tương tác như một “bức thư”

Chúng ta Kitô giáo trong đời sống số thường không ồn ào. Đôi khi, nó chỉ là cách ta hiện diện. Mỗi tương tác—một lời nói được chọn kỹ, một sự im lặng đầy tôn trọng, một cách bất đồng không làm tổn thương—đều giống như một dòng chữ trong “bức thư của Đức Kitô”.

Không phải ai cũng đọc trọn bức thư ấy, nhưng họ đọc được giọng điệu và thái độ. Chính điều đó làm cho Tin Mừng trở nên đáng tin.

Hiện diện chân tình không nhằm làm cho ta nổi bật, mà nhằm ở bên: ở bên niềm vui và nỗi đau của người khác, đủ lâu để họ biết rằng mình không cô đơn.

Phúc thay người hiện diện chân tình —
không phải vì họ xuất hiện nhiều,
mà vì họ ở đó thật:
ở đó với trái tim mở ra,
với sự tôn trọng,
và với lòng xót thương.

Và chính trong những không gian rất mong manh ấy, Tin Mừng tiếp tục được viết—từng dòng một—qua những con người chọn hiện diện như Đức Kitô đã hiện diện: *ở cùng, để yêu thương*.

Chương 4

Phúc thay người biết sống nhân văn, vì họ bảo vệ phẩm giá con người

Trong một cuộc gặp gỡ với người trẻ tại Vatican, Đức Giáo hoàng Lêô XIV đã kêu gọi họ cùng nhau xây dựng một nền văn hóa kỹ thuật số mang tính “con người thật sự”—một không gian nơi con người không bị rút gọn thành ý kiến, phe nhóm hay con số, nhưng được nhìn nhận trong trọn vẹn phẩm giá của mình. Đó là một lời mời gọi rất cụ thể: đừng để công nghệ làm nghèo đi nhân tính, nhưng hãy để nó phục vụ cho gặp gỡ, cho đối thoại và cho sự thật.

Lời kêu gọi ấy chạm đến một thực giác rất cổ xưa của Kinh Thánh. Ngay từ buổi đầu tạo dựng, Thiên Chúa đã nói một câu tưởng chừng đơn giản nhưng lại mang sức nặng nền tảng: “*Con người ở một mình thì không tốt*” (St 2,18).

Câu nói này không chỉ nói đến sự cô đơn thể lý, mà mạc khải một sự thật sâu xa hơn:

Con người được tạo dựng cho hiệp thông.

Ta được tạo dựng để sống trong mối tương quan—với Thiên Chúa và với nhau—để được nhìn thấy và được lắng nghe, để biết mình thuộc về một ai đó và có chỗ đứng trong một cộng đoàn lớn hơn chính mình.

Thế nhưng, bước vào thế giới số hôm nay, người ta dễ có cảm giác rất lạ: ta được bao quanh bởi người khác, nhưng lại cảm thấy đơn độc hơn. Ta tương tác liên tục, nhưng lại ít gặp

gỡ thật. Ta nói rất nhiều, nhưng lại ít chạm đến con người cụ thể.

Không gian mạng—nơi lẽ ra phải kết nối—đôi khi lại làm con người xa nhau hơn.

Ở đó, người ta không gặp nhau bằng khuôn mặt, mà bằng ảnh đại diện. Không nghe nhau bằng giọng nói, mà bằng chữ viết cắt ngắn, bị tách ra khỏi bối cảnh. Không cảm nhận được nhịp thở, ánh mắt, hay sự mong manh của người đối diện. Những gì làm nên chiều sâu của một cuộc gặp gỡ dần bị lược bỏ, để nhường chỗ cho tốc độ, phản ứng và hiệu quả.

Dần dần, rất dễ để quên rằng: đằng sau mỗi bình luận, mỗi bài đăng, mỗi tin nhắn, là một con người thật. Một người có câu chuyện. Có niềm vui. Có nỗi đau. Có những điều chưa nói ra.

Con người bị rút gọn thành quan điểm.

Thành nhãn dán.

Thành “phe này” hay “phe kia”.

Thành “đúng” hoặc “sai”.

Khi đó, người ta không còn được gặp như một nhân vị, mà như một vấn đề cần được giải quyết, một lập trường cần bị phản bác, hay một đối tượng để trút cảm xúc. Điều mất đi không chỉ là lịch sự hay sự tử tế. Điều mất đi là nhân tính.

Trong thế giới số, hầu như mọi thứ đều có thể được đo lường.

Lượt thích,

lượt xem,

lượt chia sẻ,

và cả cách thuật toán phân phối nội dung.

Những con số ấy rất cần thiết cho công nghệ vận hành. Nhưng khi chúng dần trở thành thước đo giá trị của con người, thì điều gì đó bắt đầu lệch hướng.

Con người không còn được nhìn như những nhân vị có chiều sâu, mà bị rút gọn thành một tài khoản, một hồ sơ, hay một “đối tượng tương tác”. Khi đó, mối quan hệ giữa người với người dễ trượt khỏi gặp gỡ, để trở thành tính toán.

Văn kiện *Hướng tới sự hiện diện tròn đầy* cảnh báo rằng nếu không cân trọng, không gian mạng có thể trở thành một nơi đầy những “byte, hình đại diện và lượt thích”, nhưng lại thiếu vắng con người thật (x. số 37). Ở đó, người ta không còn được đón nhận như một nhân vị, mà bị đối xử như biểu hiện của một lập trường, một phe nhóm, hay một ý kiến cần bị loại trừ.

Đức Giáo hoàng Phanxicô đã nhiều lần cảnh báo về sự hình thành của một “nền văn hóa loại bỏ” trong thế giới số—nơi sự thờ ơ trở nên bình thường, nơi con người bị gạt ra bên lề bằng lời nói cay nghiệt, bằng hình ảnh bóp méo, hoặc bằng sự im lặng tập thể.

Những hiện tượng như bôi nhọ tập thể, hạ nhục công khai, các hình thức giả mạo hình ảnh hay thao túng thông tin không chỉ là vấn đề kỹ thuật. Chúng chạm trực tiếp đến phẩm giá con người, và vì thế, là những vấn đề luân lý rất nghiêm trọng.

Khi con người không còn được nhìn thấy như con người, điều bị tổn thương không chỉ là mối quan hệ xã hội, mà là chính nền tảng nhân văn của đời sống chung.

Và chính trong bối cảnh ấy, câu nói ban đầu của Thiên Chúa vang lên như một lời nhắc nhở không bao giờ cũ:

“Con người ở một mình thì không tốt.”

Không tốt, không chỉ vì cô đơn, mà vì khi không còn được gặp gỡ thật, con người đánh mất chính mình.

Nhân văn Kitô giáo: Nhìn con người bằng ánh sáng đức tin

Nghe đến chữ “nhân văn”, có người e ngại. Họ sợ đó là một hướng đi xa rời đức tin, hoặc chỉ là một lý tưởng thuần túy thế tục, đặt con người đối nghịch với Thiên Chúa. Nhưng trong truyền thống Kitô giáo, nhân văn đích thực chưa bao giờ là điều xa lạ. Trái lại, nó mang một chiều sâu thần học rất rõ ràng.

Đức tin Kitô giáo không coi thường con người. Tâm điểm của đức tin ấy chính là xác tín rằng con người được Thiên Chúa yêu thương, được tạo dựng theo hình ảnh của Người, và được mời gọi đi vào hiệp thông với Người. Nhân văn Kitô giáo không bắt đầu từ việc đề cao con người như trung tâm tự đủ, mà từ việc nhìn con người trong tương quan với Thiên Chúa là Đấng Tạo Hóa và Cứu Độ.

Mâu nhiệm trung tâm của đức tin Kitô giáo là mâu nhiệm Nhập Thể. Ngôi Lời đã làm người. Thiên Chúa không cứu độ con người từ xa, cũng không chỉ ban luật hay giáo huấn. Người đã mang lấy thân phận nhân loại, bước vào lịch sử, chia sẻ những giới hạn, niềm vui và nỗi đau của con người. Chính việc Thiên Chúa trở nên người đã nói lên giá trị vô cùng của thân phận con người.

Công đồng Vatican II khẳng định rằng Đức Kitô đã “nâng bản tính con người lên đến một phẩm giá cao cả” (*Gaudium et Spes*, số 15). Không phải vì con người tự mình vươn tới, mà vì Thiên Chúa đã cúi xuống. Nhân văn Kitô giáo, vì thế, không phải là kết quả của một dự án văn hóa hay luân lý, mà là hoa trái của ân sủng.

Hiến chế *Gaudium et Spes* còn nói rõ hơn: “Chính Đức Kitô... mặc khải trọn vẹn con người cho chính con người, và làm sáng tỏ ơn gọi cao cả của con người” (số 22). Nói cách khác, con người chỉ hiểu được chính mình cách trọn vẹn khi

được nhìn trong ánh sáng của Đức Kitô. Không phải mọi câu hỏi về con người đều có thể được giải quyết bằng tâm lý, xã hội hay kỹ thuật. Có những câu hỏi chỉ có thể được soi sáng bởi mầu nhiệm Con Người—Con Thiên Chúa.

Và Hiến chế ấy cũng nhấn mạnh rằng: “

Nhờ Thánh Thần của Người,

Đức Kitô ban cho con người ánh sáng

và sức mạnh để đạt tới ơn gọi cao cả ấy” (số 10).

Nhân văn Kitô giáo không ngây thơ trước những đổ vỡ của con người. Nó nhìn thẳng vào tội lỗi, vào sự mong manh và những giới hạn rất thật. Nhưng nó không dừng lại ở đó. Nó tin rằng ân sủng có thể chữa lành, nâng đỡ và biến đổi.

Sống nhân văn, vì thế, không phải là quay lưng lại với mầu nhiệm Thiên Chúa, mà là để mầu nhiệm ấy chiếu sáng cách ta nhìn con người. Nhìn con người không chỉ qua những gì họ thể hiện ra bên ngoài, không chỉ qua hành vi hay quan điểm của họ, mà qua phẩm giá sâu xa mà họ mang trong mình.

Mỗi con người—bất kể nguồn gốc, niềm tin, quá khứ hay lập trường—đều mang trong mình hình ảnh của Thiên Chúa (x. St 1,27). Hình ảnh ấy có thể bị che mờ, bị tổn thương, bị bóp méo bởi tội lỗi, bởi hoàn cảnh hay bởi những lựa chọn sai lầm. Nhưng nó không bao giờ bị xóa bỏ.

Không ai có thể đánh mất phẩm giá làm người,

ngay cả khi họ đánh mất phương hướng sống.

Xác tín này có những hệ quả rất cụ thể, đặc biệt trong thế giới số. Khi nhìn một tài khoản, một bình luận, hay một người bất đồng quan điểm, người môn đệ Đức Kitô không chỉ thấy một ý kiến để phản biện, hay một lập trường để đánh bại. Họ được mời gọi thấy một con người mang hình ảnh Thiên Chúa—một hình ảnh có thể đang bị tổn thương, hoặc đang kêu cứu theo những cách rất khó chịu.

Chính trong không gian số, nơi con người dễ bị làm cho vô hình nhất, người Kitô hữu được mời gọi nhìn lại bằng ánh nhìn nhân văn. Không phải ánh nhìn ngây thơ hay dễ dãi, mà là ánh nhìn được đào luyện bởi đức tin: một ánh nhìn không tước bỏ phẩm giá, không giản lược con người, và không quên rằng mỗi tương tác, dù nhỏ, cũng đang diễn ra giữa những con người thật.

Nhân văn Kitô giáo, vì thế, không phải là một phụ chú bên lề của đức tin. Nó là một cách thể sống đức tin. Một cách thể để mầu nhiệm Thiên Chúa đi vào những tương tác rất cụ thể, rất đời thường, và rất mong manh của con người trong thế giới hôm nay.

Người môn đệ trong không gian số: Hiện diện như một con người

Thánh Giáo hoàng Phaolô VI từng nói đến một “nhân bản mới”—một nhân bản không đo bằng sức mạnh, hiệu quả hay lợi ích, nhưng bằng mức độ con người biết trở nên giống Thiên Chúa trong yêu thương (*Populorum Progressio*, số 20). Đó là một thước đo rất khác với cách thế giới đánh giá nhau, và lại càng khác với cách các nền tảng số vận hành.

Trong thế giới số, giá trị thường được xác định bởi mức độ chú ý: ai được xem nhiều hơn, ai nói to hơn, ai gây phản ứng mạnh hơn. Nhưng theo Tin Mừng, giá trị của con người không nằm ở việc họ được nhìn thấy bao nhiêu, mà ở chỗ họ được yêu thương đến mức nào. Sự khác biệt này tạo nên một căng thẳng thật sự cho người môn đệ khi bước vào không gian mạng.

Người Kitô hữu không được mời gọi bước vào thế giới số như người tiêu thụ nội dung thuần túy, cũng không phải như những khán giả đứng bên lề để quan sát và phán xét. Họ cũng không được mời gọi trở thành những chiến binh ngôn từ, luôn

sẵn sàng phản công để bảo vệ lập trường của mình. Tin Mừng mời gọi họ hiện diện theo một cách khác.

Người môn đệ được mời gọi bước vào không gian số
như một người bạn,
một người hàng xóm,
một người đồng hành.

Như một thành viên của gia đình nhân loại chung đang được xây dựng từng ngày bằng những lời nói, cử chỉ và tương tác rất nhỏ.

Họ không chỉ “có mặt” trên mạng, mà “hiện diện” với tư cách là một con người.

Sự khác biệt giữa có mặt và hiện diện không nằm ở thời lượng trực tuyến, mà ở chất lượng của sự gặp gỡ.

Hiện diện là khi ta ý thức rằng mình đang gặp một người thật, chứ không chỉ đang phản hồi một nội dung.

Là khi ta nhớ rằng đằng sau mỗi tài khoản là một câu chuyện không thể lặp lại.

Là khi ta không quên rằng những lời mình viết ra sẽ chạm đến một con người với những mong manh, nỗi sợ và hy vọng rất thật.

Sống nhân văn trên mạng bắt đầu từ một chọn lựa rất căn bản: *chọn nhìn thấy con người trước khi nhìn thấy quan điểm của họ.*

Điều này không có nghĩa là coi mọi ý kiến đều ngang nhau, hay từ bỏ khả năng phân định đúng sai. Nhưng nó có nghĩa là không để bất đồng quan điểm xóa đi nhân phẩm của người đối diện.

Người môn đệ được mời gọi nhớ rằng mình đang đối thoại với một người—chứ không phải với một vấn đề cần được giải quyết, một lập trường cần bị hạ gục, hay một biểu tượng của

“phe kia”. Khi quên điều này, ta rất dễ sử dụng con người như phương tiện để khẳng định mình đúng, thay vì gặp gỡ họ như một mục đích tự thân.

Sự hiện diện nhân văn cũng đòi hỏi sự khiêm tốn.

Khiêm tốn để chấp nhận rằng mình không biết hết mọi điều.

Khiêm tốn để lắng nghe trước khi phản ứng.

Khiêm tốn để nhận ra rằng người khác có thể đang nói từ một kinh nghiệm rất khác, rất xa với trải nghiệm của mình.

Trong thế giới số, khiêm tốn là một nhân đức hiếm, nhưng lại vô cùng cần thiết.

Hiện diện như một con người cũng có nghĩa là chấp nhận sự mong manh của chính mình. Người môn đệ không bước vào không gian mạng như một nhân vật hoàn hảo hay một chuyên gia đạo đức. Họ bước vào đó với những giới hạn, những bối rối và cả những câu hỏi chưa có lời giải. Chính sự chân thật ấy, khi được sống cách đơn sơ, lại mở ra không gian cho sự gặp gỡ thật.

Sống như vậy không làm cho người môn đệ trở nên yếu thế. Trái lại, đó là một hình thức can đảm. Can đảm để không ẩn sau vai trò, nhãn dán hay sự giận dữ. Can đảm để hiện diện với khuôn mặt thật của mình, và cho phép người khác cũng được là chính họ.

Trong một thế giới số quen với việc đứng nhìn, so sánh và phán xét, người môn đệ chọn một con đường khác:

con đường của sự hiện diện.

Không ồn ào.

Không phô trương.

Nhưng đủ thật để người khác, khi gặp họ, có thể cảm nhận rằng mình đang được gặp một con người—chứ không phải một cái bóng sau màn hình.

Thuộc về trước khi tin: Con đường của sự đón nhận

Có một kinh nghiệm rất căn bản của con người mà hầu như ai cũng từng trải qua: *trước khi dám mở lòng, ta cần cảm thấy mình được chào đón.*

Không ai có thể tin tưởng trong một không gian khiến họ luôn phải đề phòng. Không ai có thể lắng nghe khi họ cảm thấy mình chỉ được chấp nhận nếu nghĩ giống người khác. Và cũng không ai lớn lên khi luôn bị đặt vào thế phải tự vệ.

Thế nhưng, trong không gian số hôm nay, rất nhiều cuộc gặp gỡ lại bắt đầu bằng sự loại trừ.

Người ta thường bị hỏi:

“Bạn thuộc phe nào?”

trước khi được hỏi:

“Bạn là ai?”.

Một câu nói, một chia sẻ, hay thậm chí một biểu tượng nhỏ cũng có thể đủ để gán cho ai đó một nhãn dán. Và rất nhanh, những ai không “đúng chỗ” sẽ bị đẩy ra ngoài—bằng mỉa mai, bằng im lặng, hoặc bằng những cuộc tấn công tập thể.

Trong một môi trường như thế, sống nhân văn trở thành một hành vi can đảm. Can đảm để không bắt đầu từ việc phân loại, mà từ việc đón nhận. Can đảm để mở một khoảng không gian nơi con người có thể hiện diện mà chưa cần phải tự biện minh cho mình.

Nếu nhìn lại cách Đức Giêsu gặp gỡ con người trong Tin Mừng, ta sẽ thấy một sự nhất quán rất rõ ràng: Người đón nhận trước, rồi mới mời gọi hoán cải. Người không bắt đầu bằng việc xét đoán, cũng không đặt điều kiện cho sự hiện diện của mình.

Người bước vào nhà ông Da-kêu khi ông vẫn còn là một người thu thuế bị khinh miệt (x. Lc 19,1–10). Chính sự hiện

diện ấy đã mở đường cho sự thay đổi. Người ngồi ăn với những người bị coi là tội lỗi, không phải để xác nhận họ đúng, mà để trả lại cho họ phẩm giá làm người.

Người gặp người phụ nữ Samari bên bờ giếng, để cho chị được nói, được kể câu chuyện đời mình, trước khi nói với chị về “nước hằng sống” (x. Ga 4,4–26).

Đức Giêsu không yêu cầu con người phải “đúng” rồi mới được đến gần. Người tạo ra một không gian an toàn, nơi con người có thể thở, có thể nói, và có thể là chính mình. Và chính trong không gian ấy, sự hoán cải mới có thể xảy ra.

Điều này đặc biệt quan trọng trong thế giới số, nơi con người thường bị ép phải tự định nghĩa mình thật nhanh: *bạn là ai, đứng ở đâu, tin điều gì*.

Khi không có chỗ cho sự tìm kiếm và do dự, rất nhiều người chọn im lặng, rút lui, hoặc tìm sự thuộc về ở những cộng đồng khác—đôi khi là những cộng đồng cực đoan hoặc độc hại.

Đức Giáo hoàng Phanxicô, khi nói với người trẻ, đã nhấn mạnh rằng một trong những khao khát sâu xa nhất của họ là được thuộc về—được biết rằng mình có chỗ trong thế giới này, ngay cả khi họ còn đang tìm kiếm và chưa có câu trả lời rõ ràng cho mọi thứ (*Christus Vivit*, số 85).

Nếu không gian số chỉ là nơi phân loại và loại trừ, thì rất nhiều người, đặc biệt là người trẻ, sẽ không ở lại. Họ không rời đi vì không quan tâm đến sự thật, mà vì họ không tìm thấy một nơi đủ an toàn để tìm kiếm sự thật.

Sống nhân văn, trong bối cảnh ấy, là chọn tạo ra những “*sân đình số*”—những không gian nơi con người được chào đón trước khi họ được đồng thuận. Điều này không có nghĩa là mọi ý kiến đều đúng, hay mọi lựa chọn đều lành mạnh. Nhưng nó có nghĩa là không biến sự khác biệt thành lý do để chối bỏ con người.

Hiến chế *Gaudium et Spes* nói rất rõ: “Mọi hình thức phân biệt đối xử... đều phải bị loại bỏ như trái với ý định của Thiên Chúa” (số 29). Và tiếp đó: “Phẩm giá con người đòi hỏi con người phải hành động theo lương tâm và tự do” (số 17).

Sự đón nhận, vì thế, không đối nghịch với sự thật. Nó là điều kiện để sự thật có thể được lắng nghe. Nó không làm cho Tin Mừng trở nên mờ nhạt. Trái lại, nó phản ánh chính cách Thiên Chúa đã đến với con người:

*không áp đặt,
không cưỡng ép,
nhưng luôn mời gọi.*

Trong một thế giới số quen bắt đầu bằng loại trừ, người môn đệ chọn bắt đầu bằng sự đón nhận. Không phải để tránh né căng thẳng, mà để mở ra một con đường. Con đường mà ở đó, con người có thể thuộc về—và từ chính sự thuộc về ấy, từng bước được dẫn vào sự thật.

“Lòng hiếu khách” trong những cử chỉ rất nhỏ

Lòng hiếu khách trong thế giới số không đòi hỏi những chương trình lớn hay những sáng kiến phô trương. Phần lớn, nó bắt đầu từ những cử chỉ rất nhỏ và rất bình thường—những điều dễ bị bỏ qua vì chúng không tạo tiếng vang, không thu hút sự chú ý, và không mang lại cảm giác “chiến thắng”.

Đó có thể là một câu trả lời kiên nhẫn trước một thắc mắc vụn vặt.

Một thái độ không chế giễu khi ai đó diễn đạt chưa tròn ý. Một sự sẵn sàng giải thích thay vì mỉa mai.

Một quyết định không “thả cười” vào một bình luận hạ nhục, dù nó đang được nhiều người hưởng ứng.

Hoặc đơn giản là tạo không gian để người khác được nói hết điều họ muốn nói, mà không bị cắt ngang hay vội vàng gán nhãn.

Những cử chỉ ấy có thể không giúp ta thắng trong một cuộc tranh luận. Nhưng chúng giữ cho cuộc gặp gỡ không đánh mất nhân tính. Chúng nhắc ta rằng điều quan trọng không phải là ai đúng hơn, mà là liệu con người có còn được tôn trọng hay không.

Trong không gian mạng, nơi mọi phản ứng đều được ghi nhận và khuếch đại, lòng hiếu khách đôi khi thể hiện bằng việc không làm gì cả.

Không trả đũa.

Không thêm dầu vào lửa.

Không chia sẻ một nội dung gây tổn thương, dù nó phù hợp với cảm xúc tức thời của mình.

Không phải là người cuối cùng đưa ra lời nói trong một cuộc đối thoại.

Những lựa chọn ấy thường không được chú ý, nhưng chúng góp phần định hình bầu khí chung.

Sống nhân văn không phải là làm cho mọi người nghĩ giống nhau. Không phải là loại bỏ bất đồng hay làm phẳng khác biệt. Trái lại, sống nhân văn là làm cho sự khác biệt không trở thành lý do để chối bỏ con người.

Lòng hiếu khách cũng đòi hỏi ta chấp nhận sự bất toàn của người khác—và của chính mình. Trong thế giới số, rất nhiều sai lầm được phơi bày công khai, không cho con người cơ hội sửa sai trong thâm lặng. Sống hiếu khách là chọn không đóng đinh ai vào một khoảnh khắc vụng về hay một phát ngôn chưa chín. Là nhớ rằng con người lớn lên qua thời gian, qua thử và sai, qua những lần được kiên nhẫn đón nhận.

Đôi khi, lòng hiếu khách trên mạng mang hình thức của một sự bảo vệ. Dám lên tiếng bên vực một người đang bị công kích chỉ vì họ khác mình. Dám nói rằng một lời lẽ nào đó đã đi quá xa. Không phải để trở thành trung tâm, mà để nhắc rằng phẩm giá con người không phải là điều có thể đem ra làm trò giải trí.

Những hành vi ấy có thể khiến ta trở nên lạc lõng, hoặc không được lòng đám đông. Nhưng chính trong những khoảnh khắc đó, người môn đệ chọn trung thành với Tin Mừng hơn là với sự đồng thuận dễ dãi.

Lòng hiếu khách trong những cử chỉ rất nhỏ không làm thay đổi thế giới chỉ sau một đêm. Nhưng nó giữ cho không gian chung không trở nên độc hại. Nó tạo ra những khoảng dừng cần thiết giữa những phản ứng vội vàng. Và đôi khi, chính những khoảng dừng ấy mở ra khả năng cho một cuộc gặp gỡ thật—nơi con người không bị nuốt chửng bởi tiếng ồn, mà được nhìn thấy và được tôn trọng.

Sống nhân văn, ở mức sâu nhất, không phải là làm điều phi thường. Nó là trung thành với điều rất người, trong những hoàn cảnh rất bình thường.

Lời nói trong thế giới số: Có thể cứu hoặc phá

Trong thế giới số, phần lớn những gì ta trao cho nhau không phải là ánh mắt hay cử chỉ, mà là lời nói. Một dòng chữ. Một câu bình luận. Một biểu tượng cảm xúc. Chúng nhỏ, nhanh, và dễ gửi đi. Nhưng chúng không vô hại.

Rất nhiều người mang theo những vết thương không nhìn thấy được—

*không phải vì bị đánh,
mà vì bị nói.*

Bị chế giễu trước đám đông. Bị hạ nhục bằng những lời “đùa cho vui”. Bị gán nhãn bằng một câu nói tưởng như rất thông minh.

Trong không gian mạng,
nơi không có ánh mắt đối diện,
không nhìn thấy giọt nước mắt đang lưng tròng,
và không nghe được giọng run rẩy của người khác,
lời nói rất dễ trượt khỏi lòng trắc ẩn.

Trong truyền thống Kitô giáo, lời nói chưa bao giờ là chuyện nhỏ. Ngay từ trang đầu của Kinh Thánh, ta đã gặp một xác tín nền tảng: *“Lúc khởi đầu đã có Ngôi Lời”* (Ga 1,1). Thiên Chúa tạo dựng không phải bằng bạo lực, mà bằng Lời.

Lời gọi sự sống đi vào hiện hữu.

Lời đặt tên.

Lời thiết lập mối tương quan.

Điều đó cho thấy: lời nói mang chiều kích sáng tạo. Nó không chỉ mô tả thực tại, mà còn góp phần định hình thực tại. Lời có thể mở ra không gian sống. Nhưng lời cũng có thể khép lại, làm nghẹt thở, và nghiền nát.

Thư của thánh Giacôbê dùng những hình ảnh rất mạnh để nói về sức mạnh của lời nói: *lưỡi giống như bánh lái nhỏ điều khiển cả con tàu lớn; một tia lửa nhỏ có thể thiêu rụi cả cánh rừng* (x. Gc 3,3–6).

Những hình ảnh ấy không hề cũ. Trên mạng xã hội, ta thấy chúng mỗi ngày.

Một câu nói ác ý có thể châm ngòi cho một làn sóng công kích. Một lời bốp méo có thể hủy hoại danh dự của một con người. Một tin đồn có thể lan nhanh hơn bất kỳ sự thật nào. Và khi lời nói được nhân lên bằng lượt chia sẻ và sự hưởng ứng của đám đông, sức phá hoại của nó càng lớn.

Khi nghe đến bạo lực, ta thường nghĩ đến đám đá, súng đạn, chiến tranh. Nhưng trong thế giới số, bạo lực ngôn từ là một trong những dạng bạo lực phổ biến nhất—và cũng dễ bị coi nhẹ nhất.

Mỉa mai liên tục.

Châm biếm cá nhân.

Gọi tên xúc phạm.

“Bóc phốt” tập thể.

Tấn công bằng hình ảnh, meme, hay ám chỉ.

Tất cả những điều đó có thể xảy ra mà không cần ai giơ tay lên. Nhưng hậu quả thì rất thật.

Có những người đã rơi vào trầm cảm. Có những người rút lui hoàn toàn khỏi không gian mạng. Và có những người mất niềm tin vào con người, chỉ vì những lời họ phải nhận từ người khác. Hiến chế *Gaudium et Spes* cảnh báo rằng mọi hành vi xúc phạm đến phẩm giá con người—kể cả bằng lời nói—đều đi ngược lại với ý định của Thiên Chúa (x. số 27). Nhân văn Kitô giáo không thể dung hòa với việc làm tổn thương con người, dù bằng những cách “văn minh” đến đâu.

Trong bối cảnh ấy, sống nhân văn trên mạng đòi hỏi một sự tỉnh thức đặc biệt đối với ngôn ngữ. Không phải mọi điều đúng đều cần được nói ra ngay. Không phải mọi phản ứng đều cần được đăng tải. Và không phải mọi sự thật đều có thể được nói theo bất kỳ cách nào.

Lời nói có thể cứu khi nó mở ra không gian cho con người được đứng dậy, được lắng nghe, được sửa sai và được hy vọng. Nhưng lời nói cũng có thể phá khi nó tước đi nhân phẩm, đóng khung con người trong nhãn dán, và biến họ thành mục tiêu dễ xả giận.

Trong thế giới số, nơi lời nói lan nhanh và ở lại lâu, trách nhiệm của người nói không dừng lại ở ý định, mà còn ở hệ quả.

Mỗi lời ta viết ra đều để lại một dấu vết—không chỉ trên màn hình, mà trong lòng người khác, và trong chính trái tim ta.

Sống nhân văn, vì thế, là chọn để lời nói không trở thành vũ khí. Là giữ cho ngôn ngữ của mình còn chỗ cho sự sống. Là nhớ rằng, ngay cả khi bất đồng sâu sắc, ta vẫn đang nói với một con người—và con người ấy không bao giờ chỉ là điều họ vừa nói ra.

Ngôn ngữ của người môn đệ: Nói sự thật mà không làm nhục

Đức Giêsu không nói nhiều như người ta tưởng. Nhưng khi Người nói, lời của Người mở ra không gian sống. Người gọi người khác bằng tên. Người đặt những câu hỏi mở. Người dùng dụ ngôn để mời gọi suy nghĩ, chứ không để dập tắt. Ngôn ngữ của Người không nhằm hạ bệ. Nó nhằm nâng người khác đứng dậy.

Đức Giêsu không dùng lời nói để phô trương quyền lực hay chứng minh mình đúng. Người dùng lời để gặp gỡ. Ngay cả khi nói sự thật khó nghe, lời của Người vẫn không làm nhục con người.

*Người vạch trần tội lỗi,
nhưng không tước đi phẩm giá.*

*Người mời gọi hoán cải,
nhưng không đóng sập cánh cửa hy vọng.*

Người môn đệ, khi bước vào không gian số, không được mời gọi trở thành cảnh sát ngôn từ hay người kiểm soát đạo đức. Họ cũng không được mời gọi im lặng trước sự sai trái. Tin Mừng mời gọi họ mang theo một giọng nói khác—một giọng

nói không làm nhục, không loại trừ, không hạ thấp, không nghiền nát.

Nói sự thật theo tinh thần Tin Mừng không có nghĩa là nói nhẹ mọi chuyện, hay né tránh căng thẳng. Sự thật đôi khi gây khó chịu. Nhưng sự thật của Tin Mừng luôn được nói trong tình yêu, và hướng đến việc xây dựng con người, chứ không phải hạ gục họ.

Điều này rất cụ thể trong đời sống thường ngày trên mạng.

Tránh dùng ngôn ngữ khinh miệt, dù chỉ để “đùa”.

Không dùng lời nói để dồn người khác vào góc tường, khiến họ không còn đường lùi.

Không biến sự thật thành cái cớ để làm tổn thương.

Không nói những điều mà nếu gặp mặt trực tiếp, ta sẽ không đủ can đảm để nói.

Thánh Phaolô khuyên nhủ cộng đoàn Êphêsô: *“Đừng để lời nào xấu xa thoát ra từ miệng anh em, nhưng chỉ nói lời tốt lành, lời xây dựng, đúng lúc, để đem lại ân sủng cho những người nghe”* (Êp 4,29).

Lời khuyên ấy không chỉ dành cho đời sống cá nhân. Trong thế giới số, nó mang một chiều kích xã hội rất rõ ràng.

Ngôn ngữ ta sử dụng mỗi ngày—dù là lời viết, biểu tượng, hay cách phản hồi—đang âm thầm uốn nắn trái tim ta. Nó có thể làm ta chai cứng, quen với sự cay nghiệt. Hoặc nó có thể giữ cho ta nhạy cảm với nỗi mong manh của người khác. Ta không chỉ nói bằng lời. Ta đang trở thành điều mình nói.

Sống nhân văn đôi khi đòi hỏi biết im lặng. Không phải mọi cuộc tranh luận đều cần được tham gia. Không phải mọi bất công đều phải được xử lý bằng một bình luận công khai. Có những lúc, im lặng là cách bảo vệ nhân phẩm—cho người khác, và cho chính mình.

Không chia sẻ một nội dung hạ nhục, dù nó đang “viral”. Không tham gia vào một cuộc tấn công tập thể, dù mình không trực tiếp khởi xướng. Không hòa theo sự cay nghiệt chỉ để được chấp nhận. Những chọn lựa ấy thường không được chú ý. Nhưng chúng là những quyết định luân lý rất thật.

Ngôn ngữ của người môn đệ, khi được sống cách trung thành, có thể trở thành một nơi trú ẩn. Không lớn. Không hoàn hảo. Nhưng đủ an toàn để người khác không bị nghiền nát. Khi ai đó bước vào một cuộc trò chuyện và cảm thấy được tôn trọng, họ có thể không đổi ý. Nhưng họ có thể ở lại. Và khi con người ở lại, điều tốt lành mới có cơ hội xảy ra.

Sống nhân văn trên mạng không phải là tránh mọi xung đột.

Nó là chọn để lời nói không làm sâu thêm vết thương.

Là chọn để sự thật được nói theo cách vẫn giữ được con người.

Trong một thế giới đầy tiếng ồn và lời nói sắc bén, cay cú, giọng nói nhân văn của người môn đệ trở thành một chứng tá lặng lẽ nhưng rất cần thiết.

Từ cảm xúc đến lòng trắc ẩn

Không gian mạng là nơi cảm xúc lan truyền rất nhanh. Chỉ cần một tiêu đề giật gân, một hình ảnh gây sốc, hay một câu nói đánh trúng nỗi bức xúc chung, cảm xúc lập tức bùng lên. Giận dữ, phẫn nộ, thương xót, sợ hãi—tất cả đều có thể lan rộng trong vài phút, đôi khi nhanh hơn cả sự thật.

Cảm xúc tự nó không xấu. Con người được tạo dựng với khả năng cảm nhận rất phong phú. Cảm xúc giúp ta phản ứng trước điều tốt và điều xấu, giúp ta rung động trước nỗi đau của người khác. Nhưng trong thế giới số, cảm xúc dễ bị khuếch đại, đơn giản hóa, và bị thao túng. Ta phản ứng trước khi kịp hiểu.

Ta phần nộ trước khi kịp lắng nghe. Ta đứng về một phía trước khi kịp nhìn thấy toàn bộ con người ở phía bên kia.

Rất nhiều tương tác trên mạng dừng lại ở đó:

cảm xúc mạnh, nhưng nông.

Ta cảm thấy rất nhiều, nhưng lại ở lại rất ít.

Thuật toán của các nền tảng số không quan tâm đến điều gì là đúng hay sai. Nó quan tâm đến điều gì giữ ta ở lại lâu hơn. Và không gì giữ ta ở lại lâu bằng những cảm xúc mạnh. Sợ hãi khiến ta chia sẻ. Phẫn nộ khiến ta bình luận. Thương hại vội vàng khiến ta phản ứng, nhưng không đồng hành.

Dần dần, ta quen với việc tiếp xúc với nỗi đau của thế giới như một dòng chảy không ngừng. Ta biết về nhiều bi kịch. Ta đọc nhiều câu chuyện đau lòng. Nhưng hiếm khi ta thật sự ở lại đủ lâu với một con người cụ thể. Điều này tạo ra một nghịch lý đau đớn: ta tiếp xúc với nỗi đau mỗi ngày, nhưng trái tim ta lại chai đi.

Nhân văn Kitô giáo không dừng lại ở cảm xúc. Nó mời gọi ta đi xa hơn, đến lòng trắc ẩn.

Tin Mừng kể rằng khi Đức Giêsu thấy đám đông, “Người chạnh lòng thương” (x. Mt 9,36). Động từ này, trong nguyên ngữ Hy Lạp, không nói về một cảm xúc thoáng qua. Nó diễn tả một chuyển động sâu từ bên trong, một sự rung động chạm đến tận ruột gan, khiến Người không thể đứng yên. Lòng trắc ẩn ấy không làm Đức Giêsu phản ứng bốc đồng. Nó làm Người dừng lại, nhìn kỹ, và hành động cách chữa lành.

Lòng trắc ẩn không giống thương hại. Thương hại thường nhìn từ trên xuống. Nó cho phép ta cảm thấy mình ôn hơn người khác. Lòng trắc ẩn thì đi xuống, đến gần, và ở lại. Nó không chỉ hỏi: “Chuyện gì đã xảy ra?”, mà còn hỏi: “Con người này đang cần gì lúc này?”

Trong thế giới số, sự khác biệt giữa cảm xúc và trắc ẩn trở nên rất rõ. Cảm xúc khiến ta chia sẻ một câu chuyện đau lòng, rồi nhanh chóng chuyển sang chuyện khác. Trắc ẩn khiến ta ở lại—dù chỉ bằng một lời cầu nguyện, một tin nhắn riêng, một sự lắng nghe không ồn ào, hay một quyết định không khai thác nỗi đau của người khác để gây chú ý.

Có một giới hạn mà trái tim con người không thể vượt qua. Khi tiếp xúc quá nhiều với nỗi đau, ta dễ rơi vào một trong hai thái cực: hoặc trở nên tê liệt, hoặc trở nên cay nghiệt. Cả hai đều không phải là lòng trắc ẩn.

Sống nhân văn trên mạng không có nghĩa là gánh hết nỗi đau của thế giới.

Nó có nghĩa là biết giới hạn của mình, và chọn yêu thương trong khả năng thực tế.

Đôi khi, điều nhân văn nhất không phải là đọc thêm tin xấu, mà là tắt màn hình để cầu nguyện. Không phải là phản ứng với mọi bất công, mà là trung thành với những con người cụ thể mà mình được trao phó. Lòng trắc ẩn Kitô giáo không phải là sự bùng nổ cảm xúc. Nó là sự bền bỉ của tình yêu.

Trong không gian số, phản ứng rất dễ.

Đồng cảm thì khó hơn.

Đồng cảm đòi hỏi ta đặt mình vào vị trí của người khác.

Đòi hỏi ta tưởng tượng nỗi sợ, sự mệt mỏi, và cả những giới hạn của họ.

Đòi hỏi ta nhớ rằng không ai được tóm gọn trong khoảnh khắc tệ nhất của họ.

Khi sống nhân văn, ta không hỏi trước tiên:

“Người này sai ở đâu?”

Ta hỏi:

“Điều gì đang xảy ra với con người này?”

Câu hỏi ấy không xóa bỏ trách nhiệm. Nhưng nó mở đường cho lòng xót thương.

Thế giới số không thiếu thông tin. Không thiếu ý kiến. Không thiếu cảm xúc. Điều nó thiếu là những trái tim biết ở lại. Sống nhân văn là chọn để trái tim mình không bị thuật toán điều khiển. Là giữ cho mình khả năng rung động mà không bị cuốn trôi. Là để lòng trắc ẩn, chứ không phải phần nộ, dẫn dắt tương tác.

Trong một không gian quen phản ứng, người sống nhân văn chọn đồng cảm. Trong một thế giới quen hồi hả, họ chọn ở lại. Và chính ở đó, nhân tính được gìn giữ.

Trách nhiệm chung: Xây dựng môi trường nhân văn

Không gian số không phải là một nơi trung tính. Nó mang bầu khí của những con người đang hiện diện trong đó. Một nhóm chat có thể trở nên an toàn hoặc độc hại. Một diễn đàn có thể là nơi học hỏi hoặc nơi xâu xé. Một trang mạng có thể nâng con người lên, hoặc làm họ nhỏ lại.

Tất cả những điều ấy không chỉ do thuật toán quyết định.

Chúng được định hình từng ngày bởi cách mỗi người hiện diện và tương tác.

Ta thường nghĩ rằng một bình luận nhỏ của mình chẳng thay đổi được gì. Nhưng khí hậu chung không được tạo nên bởi những hành động lớn, mà bởi vô số hành vi nhỏ lặp đi lặp lại. Một câu nói tử tế có thể làm dịu bầu khí. Một lời mỉa mai có thể làm nó trở nên nặng nề. Một sự im lặng đúng lúc có thể ngăn một làn sóng tấn công.

Trong thế giới số, ta dễ rơi vào hai thái cực. Hoặc là nghĩ rằng mọi thứ đều là lỗi của cá nhân—ai sai thì người đó chịu. Hoặc là nghĩ rằng cá nhân mình chẳng có trách nhiệm gì, vì “có

làm gì đâu”. Nhân văn Kitô giáo không chọn một trong hai. Nó mời gọi ta nhìn thực tại đầy đủ hơn: ta vừa là cá nhân có trách nhiệm về lời nói và hành vi của mình, vừa là một phần của cộng đồng đang cùng nhau tạo nên một nền văn hóa.

Mỗi người đều góp phần xây dựng văn hóa chung ấy—

văn hóa đối thoại,

hay văn hóa hạ nhục;

văn hóa tôn trọng,

hay văn hóa loại trừ.

Đức Giáo hoàng Phanxicô, trong *Fratelli Tutti*, nhắc rằng tình huynh đệ không phải là một cảm xúc tự phát, mà là một chọn lựa có ý thức, được xây dựng bằng những hành vi rất cụ thể (x. số 6, 94). Không gian số cũng vậy. Nó không tự trở nên nhân văn. Nó cần được xây dựng.

Rất nhiều bạo lực trên mạng tồn tại nhờ sự im lặng của số đông.

Không phải ai cũng tấn công.

Nhưng nhiều người đứng nhìn.

Nhiều người xem đó như giải trí.

Nhiều người “lướt qua” để khỏi liên lụy.

Nhưng sự im lặng ấy không vô can. Nó tạo điều kiện cho sự tàn nhẫn tiếp diễn.

Nhân văn Kitô giáo mời gọi ta bước ra khỏi vị trí khán giả để trở thành người chăm sóc bầu khí chung. Điều này không có nghĩa là phải can thiệp vào mọi xung đột, hay tranh cãi đến cùng.

Nó có nghĩa là không quay lưng khi nhân phẩm bị chà đạp.

Không “thả cười” vào sự sỉ nhục.

Không chia sẻ nội dung làm mất phẩm giá người khác.

Không coi sự tàn nhẫn là điều bình thường.

Những quyết định ấy có vẻ rất nhỏ. Nhưng chúng gửi đi một tín hiệu rõ ràng: điều này không ổn. Điều này không bình thường. Và đôi khi, chỉ cần tín hiệu ấy thôi, là đủ để làm chậm lại một làn sóng công kích.

Văn hóa đối thoại không phải là điều tự nhiên. Nó là một kỹ năng và cũng là một nhân đức. Đối thoại đòi hỏi kiên nhẫn hơn phản ứng, lắng nghe hơn khẳng định, và tôn trọng hơn chiến thắng. Trong *Fratelli Tutti*, Đức Giáo hoàng Phanxicô cảnh báo rằng xã hội hôm nay đang mất dần khả năng đối thoại thật, vì quá quen với việc độc thoại song song—ai cũng nói, nhưng không ai nghe (x. số 198).

Không gian số rất dễ rơi vào tình trạng ấy. Mỗi người nói với nhóm của mình. Mỗi nhóm củng cố niềm tin của mình. Sống nhân văn là chọn làm chậm lại nhịp ấy. Là đặt câu hỏi thay vì dán nhãn. Là phân biệt giữa con người và quan điểm của họ. Không phải để thỏa hiệp với sự thật, mà để sự thật được nói trong một không gian có thể đón nhận.

Không gian số đã trở thành một phần của “mái nhà chung” mà nhân loại đang cùng chia sẻ. Nó ảnh hưởng đến cách ta nhìn thế giới, nhìn người khác, và nhìn chính mình.

Khi bầu khí chung bị đầu độc bởi khinh miệt và loại trừ, con người co cụm lại.

Khi bầu khí được xây dựng bằng tôn trọng và trắc ẩn, con người mở ra.

Sống nhân văn trên mạng, vì thế, không phải là một lý tưởng xa xỉ. Nó là một trách nhiệm công dân và cũng là một trách nhiệm thiêng liêng. Mỗi lần ta chọn nói cách nhân bản, mỗi lần ta từ chối tham gia vào sự gây hấn, mỗi lần ta bảo vệ phẩm giá của người khác, ta đang góp một viên gạch nhỏ vào việc xây dựng một không gian sống chung đáng sống hơn.

Phúc thay người sống nhân văn

Trong thế giới số, rất nhiều thứ có thể trở thành trung tâm.

Thuật toán.

Xu hướng.

Cảm xúc đám đông.

Sự chú ý.

Và rất dễ để con người bị đẩy ra rìa. Người ta bị nhìn như dữ liệu. Như lượt tương tác. Như vấn đề cần giải quyết. Hoặc như chướng ngại cần loại bỏ. Khi điều đó xảy ra, không gian số không chỉ trở nên khắc nghiệt hơn; nó trở nên phi nhân.

Sống nhân văn là một hành vi rất đơn sơ nhưng cũng rất cấp tiến:

đặt con người trở lại vị trí trung tâm.

Không phải con người lý tưởng. Không phải con người “đúng đắn”. Mà là con người thật—mong manh, giới hạn, đang tìm kiếm, và đang học cách sống.

Đức Giêsu không nhìn con người như những hồ sơ cần phân loại. Người không gặp ai chỉ để xác nhận họ đúng hay sai. Người gặp họ để cho họ lại được làm người. Người nhìn thấy ông Da-kêu trước khi thấy kẻ gian tham. Người nhìn thấy người phụ nữ Samari trước khi nhìn thấy quá khứ phức tạp của chị. Người nhìn thấy đám đông mệt mỏi trước khi nhìn thấy những đòi hỏi của họ.

Ánh nhìn ấy không ngây thơ. Nó không phủ nhận tội lỗi hay sự thật. Nhưng nó không để sự thật nghiền nát con người. Nó mở ra con đường để con người có thể đứng dậy và bước tiếp.

Sống nhân văn trên mạng là chọn mang theo ánh nhìn ấy. Không phải ánh nhìn của kẻ phán xét. Không phải ánh nhìn của khán giả. Mà là ánh nhìn của người quan tâm đến số phận của

người khác. Ánh nhìn không hỏi trước tiên: “Ai đúng?”, mà hỏi: “Con người này đang cần gì để không bị đánh mất?”

Nhân văn không bắt đầu bằng những dự án lớn. Nó bắt đầu bằng những điều rất nhỏ: cách ta gọi tên người khác, cách ta bắt đầu mà không làm nhục, cách ta im lặng khi im lặng là cần thiết, và cách ta lên tiếng khi im lặng đồng nghĩa với đồng lõa. Những điều ấy hiếm khi được ghi nhận. Nhưng chính chúng âm thầm định hình con người ta đang trở thành.

Phúc thay người sống nhân văn—vì qua họ, thế giới số bớt vô cảm hơn. Và con người, dù chỉ một chút thôi, được trả lại cho chính mình.

Bản rút gọn

Phúc thay người biết sống nhân văn, vì họ bảo vệ phẩm giá con người

Ngay từ buổi đầu tạo dựng, Thiên Chúa đã nói: “*Con người ở một mình thì không tốt*” (St 2,18). Câu nói ấy không chỉ nói về cô đơn thể lý, mà về một sự thật căn bản: con người được tạo dựng cho hiệp thông, cho gặp gỡ, cho việc được nhìn thấy và được đón nhận như một nhân vị.

Thế nhưng trong thế giới số hôm nay, một nghịch lý ngày càng rõ: ta được bao quanh bởi người khác, nhưng lại dễ cảm thấy đơn độc. Ta tương tác liên tục, nhưng ít gặp gỡ thật. Ta nói nhiều, nhưng ít chạm đến con người cụ thể. Không gian mạng, thay vì nối kết, đôi khi lại làm con người xa nhau hơn.

Khi khuôn mặt bị thay bằng ảnh đại diện, giọng nói bị thay bằng chữ viết cắt ngắn, và con người bị rút gọn thành ý kiến hay lập trường, điều mất đi không chỉ là lịch sự, mà là nhân tính. Con người không còn được gặp như một nhân vị, mà như một vấn đề cần phản bác, một phe cần đánh bại, hay một đối tượng để trút cảm xúc.

Trong một không gian nơi mọi thứ đều được đo lường bằng lượt thích và tương tác, nguy cơ lớn nhất là con người bị rút gọn thành dữ liệu. Khi đó, phẩm giá không còn là điều mặc nhiên, mà trở thành thứ dễ bị tổn thương và loại bỏ. Chính trong bối cảnh ấy, lời của Thiên Chúa vang lên như một lời cảnh tỉnh:

khi con người không còn được gặp gỡ thật, họ bắt đầu đánh mất chính mình.

Nhân văn Kitô giáo: Nhìn con người trong ánh sáng Đức Kitô

Nhân văn Kitô giáo không phải là một lý tưởng xa lạ với đức tin. Trái lại, nó bắt nguồn từ xác tín nền tảng rằng con người được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa và được Người yêu thương vô điều kiện. Nhân văn này không đặt con người đối nghịch với Thiên Chúa, mà nhìn con người trong tương quan với Đấng Tạo Hóa và Cứu Độ.

Mâu nhiệm trung tâm của đức tin Kitô giáo là Nhập Thể: Ngôi Lời đã làm người. Chính việc Thiên Chúa mang lấy thân phận nhân loại đã nói lên giá trị vô cùng của con người. Như Công đồng Vatican II khẳng định, chỉ trong ánh sáng Đức Kitô, con người mới thực sự hiểu được chính mình và ơn gọi cao cả của mình (x. *Gaudium et Spes*, số 22).

Nhân văn Kitô giáo không phủ nhận tội lỗi, mong manh và giới hạn của con người. Nhưng nó tin rằng phẩm giá con người không bao giờ bị xóa bỏ, ngay cả khi bị che mờ. Không ai bị giản lược hoàn toàn vào hành vi, quá khứ hay quan điểm của họ.

Trong thế giới số, xác tín này có hệ quả rất cụ thể: khi gặp một tài khoản, một bình luận hay một người bất đồng, người môn đệ được mời gọi thấy trước hết một con người mang hình ảnh Thiên Chúa, chứ không chỉ một ý kiến cần phản bác. Nhân văn Kitô giáo, vì thế, không phải là phụ chú bên lề, mà là một cách thể sống đức tin trong những tương tác rất thường ngày.

Người môn đệ trong không gian số: Hiện diện như một con người

Thế giới số thường đo giá trị bằng mức độ chú ý. Tin Mừng thì đo giá trị bằng tình yêu. Chính sự khác biệt này tạo nên căng thẳng cho người môn đệ khi bước vào không gian mạng.

Người Kitô hữu không được mời gọi hiện diện như khán giả, như chiến binh ngôn từ, hay như người tiêu thụ nội dung thuần túy. Họ được mời gọi hiện diện như một con người: một người bạn, một người hàng xóm, một người đồng hành.

Sự khác biệt giữa “có mặt” và “hiện diện” không nằm ở thời lượng trực tuyến, mà ở chất lượng của gặp gỡ. Hiện diện là khi ta ý thức rằng mình đang gặp một người thật, với câu chuyện, mong manh và hy vọng rất riêng. Là khi ta nhìn thấy con người trước khi nhìn thấy quan điểm.

Sống nhân văn trên mạng không có nghĩa là từ bỏ phân định đúng sai. Nhưng nó có nghĩa là không để bất đồng xóa đi nhân phẩm. Người môn đệ không đối thoại với “một vấn đề”, mà với một người. Khi quên điều đó, ta rất dễ dùng con người như phương tiện để khẳng định mình đúng.

Hiện diện nhân văn cũng đòi hỏi khiêm tốn: khiêm tốn để lắng nghe, để chấp nhận rằng mình không biết hết, và để nhìn nhận sự mong manh của chính mình. Chính sự chân thật ấy mở ra không gian cho gặp gỡ thật.

Thuộc về trước khi tin: Con đường của sự đón nhận

Một sự thật rất căn bản của con người là: trước khi dám mở lòng, ta cần cảm thấy mình được chào đón. Nhưng trong không gian số, nhiều cuộc gặp gỡ lại bắt đầu bằng phân loại và loại

trừ. Người ta thường bị hỏi “bạn thuộc phe nào?” trước khi được hỏi “bạn là ai?”.

Đức Giêsu đã đi một con đường khác. Trong Tin Mừng, Người đón nhận con người trước, rồi mới mời gọi hoán cải. Người tạo ra những không gian an toàn, nơi con người có thể nói, có thể là chính mình, và từ đó mới có thể thay đổi.

Điều này đặc biệt quan trọng trong thế giới số. Nếu không gian ấy chỉ là nơi phán xét và loại trừ, nhiều người—nhất là người trẻ—sẽ rút lui không phải vì họ từ chối sự thật, mà vì họ không tìm thấy một nơi đủ an toàn để tìm kiếm sự thật.

Sống nhân văn là chọn tạo ra những không gian đón nhận trước khi đồng thuận. Không phải để làm mờ sự thật, mà để sự thật có thể được lắng nghe.

Lời nói trong thế giới số: Có thể chữa lành hoặc làm tổn thương

Trong thế giới số, lời nói là phương tiện chính của gặp gỡ. Và lời nói không bao giờ trung tính. Nó có thể mở ra không gian sống, nhưng cũng có thể nghiền nát con người.

Truyền thống Kitô giáo nhìn lời nói với sự nghiêm túc sâu xa: *“Lúc khởi đầu đã có Ngôi Lời”* (Ga 1,1). Lời có sức sáng tạo. Nhưng cũng chính vì thế, lời có thể trở thành bạo lực khi tước đi phẩm giá người khác.

Bạo lực ngôn từ—mỉa mai, hạ nhục, tấn công tập thể—là một trong những dạng bạo lực phổ biến nhất trên mạng. Và nhân văn Kitô giáo không thể dung hòa với việc làm tổn thương con người, dù bằng lời “đùa cho vui” hay bằng danh nghĩa bảo vệ sự thật.

Ngôn ngữ của người môn đệ được mời gọi nói sự thật mà không làm nhục. Nói để xây dựng, chứ không để hạ gục. Đôi

khi, điều nhân văn nhất là biết im lặng, không hòa theo sự tàn nhẫn, và không biến sự thật thành vũ khí.

Từ cảm xúc đến lòng trắc ẩn

Không gian số khuếch đại cảm xúc rất nhanh, đặc biệt là giận dữ và phẫn nộ. Nhưng cảm xúc mạnh không đồng nghĩa với chiều sâu. Ta có thể phản ứng rất nhiều mà lại ở lại rất ít.

Nhân văn Kitô giáo mời gọi đi xa hơn cảm xúc, đến lòng trắc ẩn. Lòng trắc ẩn không chỉ rung động, mà dừng lại, nhìn kỹ, và ở cùng. Nó không khai thác nỗi đau, mà bảo vệ con người đang đau khổ.

Trong thế giới số, trắc ẩn thường thể hiện bằng những hành động rất nhỏ: không chia sẻ nội dung làm tổn thương, chọn cầu nguyện thay vì phản ứng, ở lại với một người cụ thể thay vì chạy theo làn sóng cảm xúc.

Trách nhiệm chung: Xây dựng một không gian nhân văn

Không gian số mang bầu khí của những con người đang hiện diện trong đó. Văn hóa chung không được tạo bởi những hành động lớn, mà bởi vô số lựa chọn nhỏ mỗi ngày.

Sống nhân văn không có nghĩa là can thiệp vào mọi xung đột, nhưng là không quay lưng khi phẩm giá con người bị chà đạp. Không im lặng trước sự tàn nhẫn. Không coi bạo lực ngôn từ là bình thường.

Mỗi người đều góp phần xây dựng hoặc làm xói mòn bầu khí chung. Nhân văn Kitô giáo mời gọi ta bước ra khỏi vai trò

khán giả để trở thành người chăm sóc không gian chung bằng sự tôn trọng, trắc ẩn và đối thoại.

Phúc thay người sống nhân văn

Sống nhân văn trong thế giới số là một hành vi đơn sơ nhưng cấp tiến: đặt con người trở lại trung tâm. Không phải con người lý tưởng, mà con người thật—mong manh, giới hạn và đang tìm kiếm.

Đức Giêsu đã nhìn con người bằng ánh nhìn ấy: không phủ nhận sự thật, nhưng không để sự thật nghiền nát con người. Người trả lại cho họ phẩm giá trước khi mời gọi họ thay đổi.

Sống nhân văn trên mạng là chọn mang theo ánh nhìn đó trong từng tương tác nhỏ: cách ta gọi tên, cách ta bắt đầu, cách ta im lặng hay lên tiếng. Những điều ấy hiếm khi được ghi nhận, nhưng chính chúng âm thầm định hình con người ta đang trở thành.

Phúc thay người sống nhân văn —
vì qua họ, thế giới số bớt vô cảm hơn,
và con người, dù chỉ một chút thôi,
được trả lại cho chính mình.

Chương 5

Phúc thay người có tinh thần đối thoại, vì họ xây dựng tình hiệp thông

Chưa bao giờ con người nói nhiều như hôm nay. Mỗi ngày, hàng tỷ dòng chữ được viết ra, hàng triệu ý kiến được bày tỏ, và vô số cuộc tranh luận diễn ra cùng lúc, ở khắp mọi nơi. Thế nhưng, nghịch lý là: càng nói nhiều, người ta lại càng ít hiểu nhau. Không gian số đầy ắp lời nói, nhưng thiếu sự lắng nghe; đầy lập trường, nhưng thiếu kiên nhẫn; đầy phản ứng, nhưng thiếu gặp gỡ.

Trong bối cảnh ấy, từ “đối thoại” nghe có vẻ cũ kỹ, thậm chí lạc hậu. Nhiều người coi đối thoại là yếu đuối, là thỏa hiệp, hay là né tránh sự thật. Nhưng đối với Giáo Hội, đối thoại chưa bao giờ là điều phụ thêm. Nó nằm ở trung tâm của cách Giáo Hội hiểu chính mình và sứ mạng của mình.

Không phải ngẫu nhiên mà trong các Sứ điệp Ngày Thế giới Truyền thông Xã hội, các Đức Giáo hoàng liên tục nhắc đến đối thoại—gần một trăm lần trong hơn nửa thế kỷ. Không phải vì trùng lặp ngôn từ, mà vì đối thoại là hơi thở của truyền thông Kitô giáo.

Đức tin Kitô giáo không bắt đầu bằng một mệnh lệnh, mà bằng một lời gọi. Thư gửi tín hữu Do Thái nói rằng:

“Thuở xưa, nhiều lần nhiều cách, Thiên Chúa đã phán dạy cha ông chúng ta... nhưng vào thời sau hết này, Người đã phán dạy chúng ta qua Người Con” (Dt 1,1–2).

Thiên Chúa không tự mặc khải bằng bạo lực hay áp đặt. Người nói, lắng nghe, và mời gọi con người đáp lại trong tự do. Đỉnh cao của cuộc đối thoại ấy chính là mầu nhiệm Nhập Thể: *“Ngôi Lời đã làm người và cư ngụ giữa chúng ta”* (Ga 1,14). Trong Đức Kitô, đối thoại không còn là kỹ thuật giao tiếp, mà là một mối tương quan sống động. Vì thế, đối thoại không phải là chiến lược mục vụ; nó là cách Thiên Chúa hiện diện.

Văn kiện *Đối thoại và Rao giảng* nhấn mạnh rằng đối thoại có nhiều cấp độ: có lúc là trao đổi để hiểu nhau, có lúc là hành trình tiến đến hiệp thông. Nhưng sâu xa hơn, đối thoại là một thái độ nội tâm—thái độ tôn trọng, cởi mở và thân thiện—cần thấm vào toàn bộ sứ mạng loan báo Tin Mừng.

Đối thoại đích thực không loại trừ việc làm chứng cho sự thật. Trái lại, nó giữ cho sự thật được nói trong tình yêu. Người đối thoại không từ bỏ niềm tin của mình, nhưng cũng không đóng cửa trước điều mình chưa hiểu.

*Chính vì thế, đối thoại không làm đức tin yếu đi;
nó làm đức tin trưởng thành hơn.*

Không gian số hôm nay không thiếu giao tiếp, nhưng lại rất thiếu đối thoại. Thuật toán thường thưởng cho nội dung gây tranh cãi. Ý kiến cực đoan lan nhanh hơn suy tư. Phản ứng nhanh được ưu ái hơn những câu hỏi chậm.

*Người ta dễ rơi vào những độc thoại song song:
ai cũng nói,
nhưng không ai thật sự nghe.*

Mỗi người ở trong “phòng vang” của riêng mình, nơi chỉ có những tiếng nói giống mình được lặp lại. Chính trong bối cảnh ấy, lời mời gọi có tinh thần đối thoại trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Đức Giáo hoàng Bênêđictô XVI từng kêu gọi xây dựng “một nền văn hóa tôn trọng, đối thoại và tình bạn” trong thế giới truyền thông số.

Và văn kiện *Hướng tới sự hiện diện tròn đầy* nhấn mạnh rằng đã đến lúc phải rời bỏ phản ứng vội vàng, giả định sai lầm và những bình luận bốc đồng, để tạo ra những cơ hội đối thoại thật sự.

Người có tinh thần đối thoại không phải là người không có lập trường, cũng không phải là người luôn né tránh xung đột.

*Họ là người lắng nghe trước khi nói,
tìm hiểu trước khi thuyết phục,
và xem cuộc trò chuyện là hành trình chung chứ không phải
là trận đấu.*

Họ bước vào trao đổi không để chiến thắng, mà để cùng nhau tìm kiếm sự thật; không để khẳng định cái tôi, mà để xây dựng hiệp thông.

Đó là hình ảnh phản chiếu của Thiên Chúa Ba Ngôi—một Thiên Chúa là hiệp thông trong đối thoại yêu thương.

Lắng nghe: CỬ CHỈ KHỞI ĐẦU CỦA ĐỐI THOẠI VÀ CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN HÒA BÌNH

Đối thoại đích thực luôn bắt đầu bằng một cử chỉ rất âm thầm: *lắng nghe*. Không phải lắng nghe để chờ đến lượt mình nói, cũng không phải để tìm kẽ hở phản bác, mà là lắng nghe để hiểu con người đang nói.

Trong một thế giới quen phản ứng nhanh, lắng nghe trở thành một hành vi đi ngược dòng. Nó đòi hỏi ta chậm lại, gác sang một bên nhu cầu khẳng định bản thân, và chấp nhận rằng mình chưa hiểu hết. Chính ở đây, đối thoại bắt đầu chuyển từ kỹ thuật sang mối tương quan.

Đức tin Kitô giáo không hiểu Thiên Chúa như một cá thể cô độc. Thiên Chúa là Ba Ngôi—hiệp thông của Cha, Con và

Thánh Thần—một sự sống được cấu thành bởi trao ban và đón nhận. Trong màu nhiệm ấy, không có sự áp đặt; có lắng nghe và đáp trả, có hiệp thông được xây dựng bằng tình yêu.

Khi Giáo Hội mời gọi sống tinh thần đối thoại, Giáo Hội không đưa ra một phương pháp xã hội, mà mời gọi con người phản chiếu chính đời sống của Thiên Chúa trong cách họ gặp gỡ nhau. Hiến chế *Gaudium et Spes* nói rằng: “Con người chỉ thực sự tìm thấy chính mình qua sự hiến thân chân thành” (số 24). Lắng nghe là một trong những hình thức hiến thân đơn sơ nhưng sâu sắc nhất.

Không ai dám nói thật khi cảm thấy mình sẽ bị cười nhạo, bóp méo hoặc tấn công. Không ai mở lòng khi biết rằng lời mình sẽ bị dùng làm vũ khí chống lại chính mình.

Đối thoại chỉ có thể xảy ra khi có một không gian an toàn, nơi con người được tôn trọng ngay cả khi họ sai, chưa rõ ràng, hoặc còn đang tìm kiếm.

Trong Tin Mừng, Đức Giêsu thường tạo ra những không gian như thế. Người để cho người khác nói, đặt câu hỏi, và không vội vàng cắt ngang. Chính trong bầu khí ấy, sự thật mới có thể chạm đến trái tim.

Trong thế giới số, nơi mọi điều có thể bị ghi lại và lan truyền rất nhanh, việc tạo ra không gian an toàn trở nên khó hơn, nhưng cũng cần thiết hơn bao giờ hết. Một cách đặt câu hỏi thay vì kết luận, một sự kiên nhẫn với cách diễn đạt vụng về của người khác, hay một quyết định không chia sẻ những lời nói chưa chín—những điều ấy tuy nhỏ, nhưng chúng mở cửa cho đối thoại.

Hòa bình không bắt đầu từ những hiệp ước lớn, mà từ cách con người nói chuyện với nhau. Rất nhiều xung đột trên mạng không nổ ra vì khác biệt lớn, mà vì không ai chịu nghe ai.

Mỗi bên nói lớn hơn,

*nhANH hơn,
và gay gắt hơn,
cho đến khi không còn ai nhận ra con người ở phía bên kia.*

Đức Giáo hoàng Phanxicô thường nói đến việc xây dựng “văn hóa gặp gỡ”—một nền văn hóa trong đó con người không bị thu hẹp lại thành ý kiến hay phe phái, mà được gặp nhau như những nhân vị (*Evangelii Gaudium*, số 220). Đối thoại, trong nghĩa ấy, là con đường dẫn đến hòa bình, bởi vì nó phá vỡ logic của kẻ thù.

Lắng nghe trong không gian số không giống lắng nghe ngoài đời. Ta không nghe được giọng nói, không thấy ánh mắt, không cảm nhận được sự ngập ngừng hay run rẩy. Vì thế, lắng nghe số đòi hỏi nhiều nỗ lực hơn:

*đọc chậm hơn,
hỏi lại thay vì suy đoán,
và luôn nhớ rằng
một dòng chữ không bao giờ chứa trọn một con người.*

Lắng nghe như thế không làm ta mất thời gian; nó tiết kiệm rất nhiều đồ vỡ. Ta có thể không thay đổi được bầu khí chung của mạng xã hội, nhưng ta có thể thay đổi cách mình hiện diện. Mỗi lần ta chọn lắng nghe thay vì phản ứng, hỏi thay vì kết luận, và giữ cho cuộc trò chuyện không trượt sang xúc phạm, ta đang đặt một viên đá nhỏ trên con đường hòa bình. Đối thoại không cần số đông để bắt đầu. Nó chỉ cần một người đủ can đảm để lắng nghe.

Sự thật trong đối thoại: Khi trung thực đi cùng khiêm tốn

Một trong những lý do khiến đối thoại trở nên khó là vì sự thật thường làm ta bất an. Ta sợ rằng nếu nói thật, người khác sẽ

tôn thương; nhưng cũng sợ rằng nếu không nói thật, mình phản bội lương tâm. Giữa hai nỗi sợ ấy, rất nhiều cuộc trò chuyện rơi vào bế tắc. Có người chọn im lặng để giữ hòa khí. Có người chọn nói thẳng để “bảo vệ sự thật”. Nhưng cả hai, nếu tách rời khỏi tình yêu, đều có thể làm nghèo đối thoại. Đối với Kitô giáo, sự thật không phải là một khối đá để ném đi, mà là một con đường để cùng bước.

Đức Giêsu không nói:

“Ta có sự thật.”

Người nói:

“Ta là sự thật” (Ga 14,6).

Sự thật, vì thế, không chỉ là nội dung đúng sai, mà mang khuôn mặt và mối tương quan. Sự thật Kitô giáo không tồn tại ngoài con người và ngoài tình yêu. Điều này thay đổi cách ta hiểu việc nói sự thật trong đối thoại. Nói sự thật không phải là trút ra mọi điều mình nghĩ bất chấp hậu quả, mà là tìm cách để điều đúng được nghe trong khi mối quan hệ vẫn được giữ lại. Thánh Phaolô diễn tả điều ấy rất súc tích: *“Sống theo sự thật trong yêu thương”* (Êp 4,15).

Trong không gian số, không hiếm khi sự thật bị dùng như một thứ vũ khí.

Người ta trích dẫn chính xác, nhưng với giọng điệu khinh miệt.

Người ta đưa ra dữ kiện, nhưng để làm nhục.

Người ta “vạch lỗi”, nhưng không hề quan tâm đến con người đang bị vạch lỗi.

Khi sự thật được nói theo cách ấy, nó không giải phóng, mà làm co rút. Đức Giáo hoàng Phanxicô, trong *Fratelli Tutti*, cảnh báo rằng việc khẳng định lập trường mà không quan tâm đến người khác dễ biến sự thật thành công cụ loại trừ, thay vì là con

đường dẫn đến hiệp thông. Sự thật, khi tách khỏi bác ái, không còn là Tin Mừng, mà trở thành một hình thức bạo lực tinh vi.

Không có đối thoại nếu thiếu khiêm tốn. Khiêm tốn không có nghĩa là nghi ngờ mọi điều mình tin, mà là thừa nhận rằng cách mình hiểu sự thật luôn có giới hạn. Không ai nắm trọn sự thật. Không ai thấy toàn bộ bức tranh. Và không ai miễn nhiễm với sai lầm. Khi bước vào đối thoại với thái độ này, ta không từ bỏ niềm tin của mình; ta chỉ từ bỏ ảo tưởng rằng mình là trung tâm.

Trong Tin Mừng, Đức Giêsu không bao giờ áp đặt sự thật. Người mời gọi, đặt câu hỏi, và để cho người khác có không gian tự do để đáp lại. Chính sự tự do ấy làm cho lời Người có sức chạm.

Rất nhiều người sợ đối thoại vì sợ bất đồng. Nhưng bất đồng không phải là dấu hiệu của thất bại; nó là dấu hiệu của sự nghiêm túc.

*Người ta không đối thoại vì nghĩ giống nhau,
mà vì khác nhau.*

Vấn đề không phải là có bất đồng hay không, mà là bất đồng như thế nào: bất đồng mà không làm nhục, không dán nhãn, và không phá vỡ sự tôn trọng. Khi điều đó xảy ra, đối thoại không chỉ bảo vệ mối quan hệ, mà còn giúp sự thật được tinh luyện.

Trong tinh thần Kitô giáo, nói sự thật không nhằm chiến thắng, mà là một hành vi phục vụ. Phục vụ sự thật, phục vụ con người đang tìm kiếm, và phục vụ mối hiệp thông mà Thiên Chúa mong muốn cho nhân loại.

Điều này đòi hỏi ta phải liên tục tự hỏi mình:

“Tôi nói điều này để xây dựng hay để xả giận?”

và *“Cách tôi nói có giúp người khác tiến gần hơn đến sự thật không?”*

Những câu hỏi ấy không làm ta yếu đi; chúng làm ta trung thực hơn.

Đối thoại trong xung đột: Khi bất đồng không biến thành kẻ thù

Xung đột không phải là điều bất thường. Bất cứ nơi nào có con người, ở đó có khác biệt, và nơi nào có khác biệt, ở đó có va chạm. Không gian số không tạo ra xung đột, nhưng nó khuếch đại xung đột. Những điều trước đây chỉ được nói trong phạm vi nhỏ giờ đây trở thành tranh cãi công khai. Những khác biệt từng có thể được điều chỉnh bằng ánh mắt hay giọng nói nay dễ bị đẩy đến cực đoan qua những dòng chữ lạnh lùng. Dần dần, xung đột không còn xoay quanh vấn đề, mà xoay quanh con người. Người khác không còn là người có quan điểm khác, mà trở thành mối đe dọa. Và khi đó, đối thoại biến mất, nhường chỗ cho phòng thủ và tấn công.

Trong môi trường số, phân cực xảy ra rất nhanh. Thuật toán gom những người giống nhau lại với nhau, củng cố niềm tin sẵn có, và làm cho tiếng nói khác biệt trở nên xa lạ, thậm chí đáng ngờ. Người ta không còn nghe để hiểu, mà nghe để xác nhận điều mình đã tin. Không còn đặt câu hỏi, mà tìm bằng chứng để bác bỏ.

Đức Giáo hoàng Phanxicô, trong *Fratelli Tutti*, cảnh báo rằng phân cực xã hội và văn hóa làm con người mất khả năng nhìn nhận nhau như anh chị em, và thay vào đó là nhìn nhau như đối thủ cần bị đánh bại. Khi ấy, xung đột không còn là cơ hội để học hỏi, mà trở thành cuộc chiến bản sắc.

Đức Giêsu không tránh xung đột. Người đối diện với chống đối, hiểu lầm và thù địch, nhưng Người không bao giờ để xung đột định nghĩa con người Người gặp.

Người tranh luận với người Phariseu, nhưng vẫn nhìn họ như những người đang tìm kiếm Thiên Chúa.

Người bị hiểu lầm, nhưng không để sự hiểu lầm biến thành hận thù.

Người đối diện với bạo lực, nhưng không đáp trả bằng bạo lực.

Trên thập giá, Người không phủ nhận sự thật của bất công, nhưng mở ra một con đường khác: con đường tha thứ. Đó không phải là phản xạ tự nhiên, mà là con đường của Tin Mừng.

Đối thoại không nhằm xóa bỏ xung đột. Nó giữ cho xung đột không trở thành hủy diệt. Đối thoại cho phép con người nói ra khác biệt mà không cắt đứt mối quan hệ, bảo vệ sự thật mà không chà đạp phẩm giá, và giữ cho con người lớn hơn bất đồng của họ. Khi đối thoại còn hiện diện, xung đột có thể trở thành nơi học hỏi, chứ không phải là chiến trường.

Sống tinh thần đối thoại trong xung đột không đòi hỏi những hành vi anh hùng, mà đòi hỏi những lựa chọn nhỏ nhưng nhất quán: không gán động cơ xấu cho người khác, không rút gọn người khác thành một câu nói, và không dùng sự mỉa mai để kết thúc cuộc trao đổi.

Có những lúc, hành vi đối thoại nhất không phải là tiếp tục tranh luận, mà là biết dừng lại—không phải vì thua, mà vì không muốn làm tổn thương thêm. Đối thoại cũng đòi hỏi khả năng nhận lỗi. Trong không gian số, nhận lỗi thường bị xem là yếu đuối, nhưng trong tinh thần Tin Mừng, đó là dấu chỉ của tự do nội tâm.

Xung đột biến người khác thành kẻ thù. Đối thoại đưa họ trở lại vị trí người đối diện. Khi ta còn nhìn thấy khuôn mặt—dù chỉ trong tưởng tượng—ta khó có thể tàn nhẫn. Khi ta nhớ rằng phía bên kia là một con người với lịch sử, gia đình và những nỗi sợ riêng, giọng điệu của ta thay đổi. Đối thoại không bảo đảm rằng hai bên sẽ đồng ý, nhưng nó giữ cho cánh cửa

vẫn mở. Và trong một thế giới bị chia cắt, việc giữ cho một cánh cửa không bị đóng sập đã là một hành vi rất lớn.

Những thực hành của tinh thần đối thoại: Học cách nói, nghe và dừng lại

Tinh thần đối thoại không tự nhiên mà có. Nó được hình thành qua những thói quen rất nhỏ, lặp đi lặp lại mỗi ngày, trong cách ta nói, cách ta nghe, và cả cách ta chọn không nói. Đối thoại không bắt đầu khi có xung đột. Nó bắt đầu trước đó, trong cách ta hiện diện thường xuyên trên mạng, nơi mỗi tương tác đều âm thầm uốn nắn con người ta.

Trong không gian số, người ta quen với việc đưa ra kết luận rất nhanh. Nhưng đối thoại thật thường bắt đầu bằng một câu hỏi tốt. Không phải câu hỏi để gài bẫy hay mĩa mai, mà là câu hỏi để hiểu thêm.

Một câu hỏi nhỏ như:

“Bạn có thể nói rõ hơn điều bạn đang lo không?”

hoặc *“Điều gì trong trải nghiệm của bạn khiến bạn nghĩ như vậy?”*

có thể làm chậm lại nhịp tranh cãi và mở ra một hướng khác cho cuộc trò chuyện. Câu hỏi cho người khác biết rằng ta chưa kết luận về họ.

Nghe trong đối thoại không chỉ là đọc hết câu chữ, mà là chống lại cảm dỗ phản ứng ngay lập tức. Rất nhiều cuộc tranh luận leo thang không phải vì khác biệt lớn, mà vì nghe không trọn vẹn. Người ta phản hồi khi mới hiểu một phần, rồi suy đoán phần còn lại.

*Nghe trọn vẹn đòi hỏi ta đọc lại trước khi trả lời,
phân biệt giữa điều người khác nói và điều ta gán cho họ,*

và chấp nhận rằng có thể mình đã hiểu sai.

Nghे như thế không làm ta mất vị thế; nó làm ta đáng tin hơn.

Nói chậm không có nghĩa là nói ít. Nó có nghĩa là nói có cân nhắc. Trong không gian số, mọi thứ đều khuyến khích phản hồi nhanh, nhưng rất nhiều lời nói gây tổn thương xuất phát từ sự vội vàng chứ không từ ác ý. Nói chậm có thể là viết xong nhưng chưa gửi ngay, đọc lại với câu hỏi “Nếu tôi là người nhận, tôi sẽ cảm thấy thế nào?”, hoặc chỉnh lại giọng điệu trước khi công khai.

Nói chậm là cách để cho bác ái kịp bắt kịp sự thật.

Không phải cuộc trò chuyện nào cũng cần tiếp tục đến cùng. Có những lúc, hành vi đối thoại nhất chính là biết dừng lại.

*Dừng lại khi cuộc trao đổi không còn giúp ai hiểu hơn,
khi giọng điệu bắt đầu trượt sang xúc phạm,
hoặc khi chính mình đã quá mệt để giữ lòng tôn trọng.*

Dừng lại không phải là thua cuộc. Nó là một chọn lựa luân lý: chọn không để lời nói làm tổn thương thêm. Đôi khi, dừng lại hôm nay là cách để giữ khả năng đối thoại cho ngày mai.

Trong tinh thần đối thoại, sai không phải là thảm họa. Điều quan trọng là cách ta đối diện với sai lầm. Nhận mình đã hiểu sai, xin lỗi vì giọng điệu không phù hợp, hay chỉnh lại thông tin đã chia sẻ—những hành vi rất hiếm trên mạng xã hội—lại có sức mạnh chữa lành đặc biệt. Chúng nói rằng mối quan hệ quan trọng hơn cái tôi của mình.

*Có những cuộc trao đổi không phải là đối thoại,
mà là vòng xoáy,
nơi không ai tìm kiếm sự thật mà chỉ tìm cách thắng.*

Rút lui trong những tình huống ấy không phải là hèn nhát, mà là bảo vệ phẩm giá của cả hai phía. Tinh thần đối thoại

không đòi hỏi ta phải ở lại mọi cuộc tranh luận, nhưng đòi hỏi ta trung thành với cách mình đối xử với con người, kể cả khi rút lui.

Mỗi hành vi đối thoại, dù rất nhỏ, đều góp phần định hình bầu khí chung:

một câu hỏi thay cho kết luận,

một sự im lặng thay cho mĩa mai,

hay một lời xin lỗi thay cho phòng thủ.

Những điều ấy không làm thay đổi thế giới ngay lập tức, nhưng chúng thay đổi cách thế giới được sống. Tinh thần đối thoại không phải là tài năng của số ít, mà là con đường mở ra cho bất cứ ai sẵn sàng tập luyện.

Phúc thay người có tinh thần đối thoại

Trong một thế giới quen chia phe, đối thoại là một hành vi can đảm. Nó không ồn ào, không gây chú ý, và không tạo cảm giác chiến thắng. Nhưng đối thoại mở ra những con đường mà bạo lực, áp đặt và mĩa mai không bao giờ mở được.

*Tinh thần đối thoại không bắt đầu khi ta nói,
mà khi ta chấp nhận rằng người khác không phải là mối đe dọa.*

Rất nhiều cuộc tranh luận kết thúc với người thắng và kẻ thua. Đối thoại thật thì khác.

Nó không hỏi “*Ai đúng?*” trước tiên,

mà hỏi:

“Chúng ta có còn ở lại với nhau không?”.

Đức Giáo hoàng Phanxicô nhắc rằng hiệp thông không phải là sự đồng nhất, mà là sự hòa hợp của những khác biệt, được

xây dựng trên tôn trọng và lắng nghe (*Fratelli Tutti*, số 95). Tinh thần đối thoại không làm ta mất căn tính; trái lại, nó giúp căn tính ấy trưởng thành. Người đối thoại không sợ khác biệt, vì họ biết rằng sự thật không cần được bảo vệ bằng cách loại trừ.

Đối thoại không làm thế giới dễ hơn. Nó không hứa hẹn rằng mọi xung đột sẽ biến mất, rằng mọi người sẽ đồng ý, hay rằng đau đớn và căng thẳng sẽ không còn. Nhưng nó giữ cho con người không biến thành kẻ thù.

Trong một thế giới số nơi lời nói dễ dàng làm tổn thương, tinh thần đối thoại là chọn giữ lại khuôn mặt của người khác, ngay cả khi bất đồng.

Người có tinh thần đối thoại hiếm khi được chú ý. Họ không nổi bật, không dẫn dắt đám đông, và không tạo hiệu ứng mạnh. Nhưng họ làm một việc rất quan trọng: giữ cho không gian chung không bị vỡ vụn. Một cuộc trò chuyện không leo thang, một nhóm chat không trượt sang thù hận, hay một bất đồng không biến thành xúc phạm—những điều ấy không lên tin, nhưng chúng giữ cho thế giới còn có thể sống được.

Đối với người môn đệ Đức Kitô, tinh thần đối thoại không phải là lựa chọn phụ. Nó là một hình thức rất cụ thể của việc theo Người. Đức Giêsu không đến để đè bẹp con người bằng sự thật. Người đến để mời gọi, đối thoại bằng ánh mắt, bằng câu hỏi, và bằng sự kiên nhẫn. Ngay cả khi bị từ chối, Người vẫn không rút lại lòng tôn trọng. Sống tinh thần đối thoại trên mạng, vì thế, là chọn bước theo nhịp của Đức Kitô giữa một thế giới quen với áp đặt và phản ứng.

Phúc cho người biết lắng nghe khi người khác chỉ muốn nói.

Phúc cho người biết nói khi sự thật cần được bảo vệ, nhưng nói bằng bác ái.

Phúc cho người biết dừng lại khi lời nói có nguy cơ làm tổn thương.

Phúc cho người có tinh thần đối thoại—không phải vì họ làm thế giới yên tĩnh hơn, mà vì họ làm nó nhân bản hơn.

Và trong một thế giới đang khao khát được hiểu, họ trở thành những người mở đường cho hiệp thông.

Bản rút gọn

Phúc thay người có tinh thần đối thoại, vì họ xây dựng tình hiệp thông

Chưa bao giờ con người nói nhiều như hôm nay. Không gian số tràn ngập lời nói, ý kiến và tranh luận. Thế nhưng, nghịch lý là: càng nói nhiều, người ta lại càng ít hiểu nhau. Ta có giao tiếp, nhưng thiếu lắng nghe; có lập trường, nhưng thiếu kiên nhẫn; có phản ứng, nhưng thiếu gặp gỡ.

Trong bối cảnh ấy, đối thoại dễ bị xem là yếu đuối hoặc thỏa hiệp. Nhưng đối với Giáo Hội, đối thoại không phải là điều phụ thêm. Nó nằm ở trung tâm của cách Giáo Hội hiểu chính mình và sứ mạng của mình. Đối thoại không chỉ là một kỹ năng truyền thông; nó là cách Thiên Chúa hiện diện.

Thiên Chúa không mặc khải bằng áp đặt, mà bằng lời gọi. Đỉnh cao của cuộc đối thoại ấy chính là mầu nhiệm Nhập Thể: “Ngôi Lời đã làm người và cư ngụ giữa chúng ta” (Ga 1,14). Trong Đức Kitô, đối thoại không còn là kỹ thuật, mà là mối tương quan sống động. Vì thế, đối thoại không làm đức tin yếu đi; trái lại, nó làm đức tin trưởng thành.

Không gian số hôm nay rất thiếu đối thoại. Thuật toán ưu ái phản ứng nhanh hơn suy tư chậm, ý kiến cực đoan hơn tìm kiếm chung. Con người dễ rơi vào những độc thoại song song, nơi ai cũng nói nhưng không ai thật sự nghe. Chính trong bối cảnh ấy, tinh thần đối thoại trở thành một chứng tá cần thiết.

Lắng nghe: Khởi đầu của đối thoại và con đường dẫn đến hòa bình

Đối thoại đích thực luôn bắt đầu bằng lắng nghe. Không phải lắng nghe để phản bác, mà để hiểu con người đang nói. Lắng nghe đòi hỏi chậm lại, gác sang một bên nhu cầu khẳng định cái tôi, và chấp nhận rằng mình chưa hiểu hết.

Trong đức tin Kitô giáo, lời mời gọi lắng nghe bắt nguồn từ chính mâu nhiệm Thiên Chúa Ba Ngôi—một sự sống được cấu thành bởi trao ban và đón nhận. Khi Giáo Hội mời gọi sống tinh thần đối thoại, Giáo Hội mời gọi con người phản chiếu chính đời sống của Thiên Chúa trong cách họ gặp gỡ nhau.

Không ai dám nói thật khi họ không cảm thấy an toàn. Đối thoại chỉ có thể xảy ra trong một không gian tôn trọng, nơi con người được lắng nghe ngay cả khi họ chưa rõ ràng hoặc còn đang tìm kiếm. Đức Giêsu thường tạo ra những không gian như thế: Người để người khác nói, đặt câu hỏi, và không vội vàng cắt ngang. Chính trong bầu khí ấy, sự thật mới có thể chạm đến trái tim.

Trong thế giới số, lắng nghe đòi hỏi nhiều nỗ lực hơn: đọc chậm hơn, hỏi lại thay vì suy đoán, và luôn nhớ rằng một dòng chữ không bao giờ chứa trọn một con người. Mỗi lần ta chọn lắng nghe thay vì phản ứng, ta đang đặt một viên đá nhỏ trên con đường hòa bình.

Sự thật trong đối thoại: Trung thực đi cùng khiêm tốn

Một trong những căng thẳng lớn nhất của đối thoại là sự thật. Ta sợ rằng nói thật sẽ làm tổn thương, nhưng cũng sợ rằng không nói thật sẽ phản bội lương tâm. Đối với Kitô giáo, sự

thật không phải là vũ khí để ném đi, mà là con đường để cùng bước.

Đức Giêsu không nói: “Ta có sự thật”, mà nói: “Ta là sự thật” (Ga 14,6). Sự thật Kitô giáo mang khuôn mặt và mối tương quan. Vì thế, nói sự thật không phải là trút ra mọi điều mình nghĩ, mà là tìm cách để điều đúng được nghe trong khi mối quan hệ vẫn được giữ lại: “sống theo sự thật trong yêu thương” (Êp 4,15).

Trong không gian số, sự thật dễ bị dùng như công cụ loại trừ: đúng về nội dung, nhưng sai về giọng điệu. Khi sự thật bị tách khỏi bác ái, nó không còn giải phóng, mà làm tổn thương. Đối thoại đòi hỏi khiêm tốn: khiêm tốn để thừa nhận rằng cách mình hiểu sự thật luôn có giới hạn, và rằng không ai nắm trọn toàn bộ bức tranh.

Bất đồng không phải là thất bại của đối thoại. Trái lại, nó là dấu chỉ của sự nghiêm túc. Vấn đề không phải là có bất đồng hay không, mà là bất đồng mà vẫn giữ được tôn trọng và phẩm giá. Khi đó, sự thật không bị làm nghèo đi, mà được tinh luyện.

Đối thoại trong xung đột: Giữ con người lớn hơn bất đồng

Xung đột là điều không thể tránh trong đời sống con người, và không gian số khuếch đại xung đột rất nhanh. Khi khác biệt bị đẩy đến cực đoan, người khác dễ bị nhìn như mối đe dọa, và đối thoại nhường chỗ cho phòng thủ và tấn công.

Đức Giêsu không tránh xung đột, nhưng Người không bao giờ để xung đột định nghĩa con người Người gặp. Người đối diện với chống đối mà không biến người khác thành kẻ thù. Trên thập giá, Người không phủ nhận sự thật của bất công, nhưng mở ra con đường tha thứ.

Đối thoại không nhằm xóa bỏ xung đột, mà giữ cho xung đột không trở thành hủy diệt. Nó cho phép con người nói ra khác biệt mà không cắt đứt mối quan hệ, và bảo vệ sự thật mà không chà đạp phẩm giá.

Sống tinh thần đối thoại trong xung đột thường thể hiện qua những lựa chọn nhỏ: không gán động cơ xấu cho người khác, không rút gọn họ thành một câu nói, và biết dừng lại khi lời nói có nguy cơ làm tổn thương thêm. Dừng lại không phải là thua cuộc, mà là một chọn lựa luân lý.

Những thực hành đơn sơ của tinh thần đối thoại

Tinh thần đối thoại không tự nhiên mà có. Nó được hình thành qua những thói quen rất nhỏ trong cách ta nói, nghe và cả cách ta chọn không nói.

Đối thoại thường bắt đầu bằng một câu hỏi tốt, thay vì một kết luận nhanh. Nghe trọn vẹn đòi hỏi chống lại cảm dỗ phản ứng ngay lập tức, phân biệt giữa điều người khác nói và điều ta gán cho họ. Nói chậm giúp cho bác ái kịp bắt kịp sự thật.

Không phải cuộc trò chuyện nào cũng cần kéo dài. Đôi khi, hành vi đối thoại nhất là biết dừng lại để bảo vệ phẩm giá của cả hai phía. Nhận lỗi, xin lỗi, hay chỉnh lại thông tin—những hành vi hiếm trên mạng—lại có sức chữa lành đặc biệt, vì chúng đặt mối quan hệ cao hơn cái tôi.

Mỗi hành vi đối thoại nhỏ góp phần định hình bầu khí chung: một câu hỏi thay cho mỉa mai, một sự im lặng thay cho phản ứng, hay một lời xin lỗi thay cho phòng thủ.

Phúc thay người có tinh thần đối thoại

Trong một thế giới quen chia phe, tinh thần đối thoại là một hành vi can đảm. Nó không tạo cảm giác chiến thắng, nhưng mở ra những con đường mà áp đặt và bạo lực không bao giờ mở được.

Đối thoại không hỏi trước tiên “ai đúng?”, mà hỏi “chúng ta có còn ở lại với nhau không?”. Hiệp thông không phải là đồng nhất, mà là sự hòa hợp của những khác biệt được xây dựng trên lắng nghe và tôn trọng.

Người có tinh thần đối thoại hiếm khi được chú ý, nhưng họ làm một việc rất quan trọng: giữ cho không gian chung không bị vỡ vụn. Một cuộc trò chuyện không leo thang, một bất đồng không biến thành xúc phạm—những điều ấy không lên tin, nhưng chúng giữ cho thế giới còn có thể sống được.

Đối với người môn đệ Đức Kitô, tinh thần đối thoại không phải là lựa chọn phụ. Nó là một cách rất cụ thể để bước theo Người—Đấng đã không áp đặt sự thật, nhưng mời gọi bằng ánh mắt, câu hỏi và sự kiên nhẫn.

Phúc thay người có tinh thần đối thoại —
không phải vì họ làm thế giới yên tĩnh hơn,
mà vì họ làm nó nhân bản hơn,
và mở ra những con đường dẫn đến hiệp thông.

Chương 6

Phúc thay người nói lời ngôn sứ, vì họ nói sự thật trong yêu thương

Chưa bao giờ con người có nhiều tiếng nói như hôm nay. Mạng xã hội mở ra cho mọi người một chiếc micro:

ai cũng có thể lên tiếng,

ai cũng có thể bày tỏ quan điểm,

ai cũng có thể phản ứng ngay lập tức.

Nhưng giữa vô số tiếng nói ấy, có một điều ngày càng hiếm: những lời chạm đến sự thật sâu xa của con người. Đức Giáo hoàng Phaolô VI đã sớm cảnh báo rằng truyền thông hiện đại không chỉ tác động đến dư luận, mà còn có thể “gây áp lực lên lương tâm con người, để lại những dấu ấn sâu đậm trên não trạng và đời sống của họ”. Chính vì sức mạnh ấy, ngài nhấn mạnh rằng việc sử dụng truyền thông luôn kéo theo một trách nhiệm luân lý ngày càng lớn đối với sự thật (Sứ điệp Ngày Thế giới Truyền thông Xã hội, 1967).

Rất nhiều lời được nói ra để gây chú ý, để xả giận, để bảo vệ phe nhóm hay cái tôi. Trong khi đó, những lời đánh thức lương tâm, những lời vạch trần điều làm con người mất nhân tính, và những lời mở ra hy vọng mới lại không dễ nói—và cũng không dễ nghe.

Đó chính là lời ngôn sứ.

Khi nghe đến chữ “ngôn sứ”, nhiều người nghĩ đến những người đoán trước tương lai. Nhưng trong Kinh Thánh, ngôn sứ không phải là thầy bói thời gian. Ngôn sứ là người nói sự thật của Thiên Chúa vào hiện tại. Các ngôn sứ như Isaia, Giêrêmia, Amốt hay Mikha không được sai đến để làm vừa lòng dân chúng. Họ được sai đến để đánh thức khi dân Chúa ngủ quên, vạch trần bất công và ngẫu tượng, và kêu gọi trở về với giao ước.

Nhưng điều quan trọng là: ngôn sứ không chỉ nói lời cảnh báo. Họ cũng nói lời an ủi, lời hy vọng, lời về một khởi đầu mới. Ngôn sứ vừa làm xáo trộn, vừa chữa lành; vừa làm người ta bất an, vừa giúp người ta đứng dậy. Như Isaia đã công bố: *“Này đây Ta sắp làm một điều mới, điều ấy đang manh nha rồi, các ngươi không nhận thấy sao?”* (Is 43,19).

Lời ngôn sứ không phát xuất từ ý riêng. Nó được sinh ra từ việc lắng nghe Thiên Chúa. Vì thế, lời ấy vạch lộ chính trái tim của Người:

một trái tim ghét bất công nhưng không bao giờ ngừng yêu thương;

một trái tim đòi hỏi trung thành nhưng luôn mở đường cho hoán cải.

Do đó, lời ngôn sứ không phải là lời kết án. Nó là lời mời gọi trở về sự thật để được sống. Trong thời đại quen với giả dối, nửa sự thật và những câu chuyện bị bóp méo, lời ngôn sứ trở nên vô cùng cần thiết—nhưng cũng vô cùng khó khăn.

Có một hiểu lầm phổ biến khi nghĩ rằng nói lời ngôn sứ là việc của các linh mục, tu sĩ hay những nhà giảng thuyết. Nhưng Giáo Hội dạy rất rõ rằng ơn gọi ngôn sứ thuộc về toàn thể Dân Chúa. Công đồng Vatican II khẳng định: *“Dân thánh của Thiên Chúa cũng tham dự vào chức vụ ngôn sứ của Đức Kitô”* (*Lumen Gentium*, số 12). Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo cũng nhấn mạnh rằng Đức Kitô thực thi chức vụ ngôn sứ không

chỉ qua hàng giáo phẩm, mà còn qua giáo dân, là những người được ban cho “cảm thức đức tin và ân sủng của lời nói” (GLHTCG 904).

Điều đó có nghĩa là: mỗi người đã lãnh nhận Phép Rửa đều được mời gọi nói lời ngôn sứ, theo cách của mình và trong hoàn cảnh của mình. Không phải ai cũng được gọi lên bục giảng, nhưng ai cũng được gọi làm chứng cho sự thật bằng lời nói và đời sống.

Ngày nay, không gian số đã trở thành quảng trường công cộng mới. Ở đó, con người tìm kiếm ý nghĩa, bày tỏ bức xúc và định hình cách nhìn về thế giới. Đức Giáo hoàng Phanxicô từng nói rằng thế giới số có thể trở thành “một mạng lưới không phải của dây dẫn, mà của con người” (Sứ điệp Ngày Thế giới Truyền thông Xã hội, 2014). Nhưng để điều đó xảy ra, cần có những tiếng nói không chạy theo đám đông, không chỉ phản ứng, mà biết phân định và làm chứng.

Trong Sứ điệp Ngày Thế giới Truyền thông Xã hội năm 2023, Đức Giáo hoàng mơ ước “một nền truyền thông của Giáo Hội biết để cho Chúa Thánh Thần hướng dẫn—dịu dàng nhưng đồng thời mang tính ngôn sứ”. Lời ngôn sứ trong thế giới số, vì thế, không phải là la hét lớn hơn người khác, mà là nói đúng điều cần nói, vào đúng lúc, với đúng tinh thần.

Nhà thần học Walter Brueggemann từng nhận xét rằng ngôn sứ không phải là người cảm râm hay giận dữ đạo đức. Ngôn sứ là người dám tưởng tượng thế giới như thể Thiên Chúa thật sự đang hành động trong đó.

Điều này rất quan trọng. Nói lời ngôn sứ không chỉ là phê phán cái xấu. Nó là mở ra một tầm nhìn khác—tầm nhìn về công lý, lòng xót thương và sự sống.

Ngôn sứ không chỉ hỏi: “Điều gì đang sai?”

Họ còn hỏi: “Điều gì có thể được chữa lành?”

Nói lời ngôn sứ trong không gian số: Khi phê phán đi cùng tầm nhìn

Lời ngôn sứ luôn bắt đầu từ việc nhìn thẳng vào thực tại. Không tô hồng. Không né tránh. Không tự ru ngủ mình bằng những câu chuyện dễ nghe. Trong không gian số hôm nay, có rất nhiều điều cần được gọi đúng tên.

Có một ảo tưởng rằng ta đang kết nối với nhau nhiều hơn, nhưng thực ra lại xa nhau hơn.

Có một ảo tưởng rằng ta được tự do nói mọi điều, nhưng lại bị dẫn dắt bởi thuật toán.

Có một ảo tưởng rằng ai cũng được lắng nghe, nhưng nhiều tiếng nói yếu thế vẫn bị chìm xuống hoặc bị bóp méo.

Lời ngôn sứ không sợ gọi những ảo tưởng ấy là ảo tưởng.

Trong Kinh Thánh, các ngôn sứ thường bị hiểu lầm là những người tiêu cực. Nhưng nếu đọc kỹ, ta sẽ thấy họ phê phán không phải vì thích phá bỏ, mà vì không chịu nổi cảnh con người sống trong giả dối. Ngôn sứ Amốt kêu gào chống lại một xã hội nơi phụng tự rất rầm rộ, nhưng người nghèo bị chà đạp. Ngôn sứ Mikha vạch trần những người nói lời đạo đức, nhưng lại xây dựng thành phố bằng bất công. Ngôn sứ Giêrêmia đau đớn trước một dân tộc tưởng mình an toàn, trong khi đã đánh mất trái tim.

Trong thế giới số hôm nay cũng có những hình thức “phụng tự” mới: những tuyên bố đạo đức ồn ào, những chiến dịch phần nộ tập thể, những khẩu hiệu nghe rất đúng nhưng không làm cho con người nhân bản hơn. Lời ngôn sứ dám đặt những câu hỏi khó chịu nhưng cần thiết:

“Điều này có thật sự dẫn đến công lý không?”,

“Ai đang được lợi từ làn sóng này?”,

và “Ai đang bị bỏ lại phía sau?”

Những câu hỏi ấy không nhằm phá hủy, mà để đánh thức.

Không gian số không trung lập. Nó phản chiếu và đôi khi khuếch đại những bất công cũ, đồng thời tạo ra những bất công mới. Có những người bị làm cho vô hình vì họ không phù hợp với chuẩn mực thông trị. Có những nhóm bị bôi nhọ bằng hình ảnh, meme hoặc tin giả. Có những tiếng nói bị bóp nghẹt không phải bằng kiểm duyệt công khai, mà bằng sự ồn ào có chọn lọc. Văn kiện *Fratelli Tutti* cảnh báo rằng trong thế giới truyền thông ngày nay, sự thật dễ bị thao túng và con người dễ bị biến thành phương tiện cho lợi ích của kẻ khác (x. số 45). Lời ngôn sứ không đứng ngoài những thực tại ấy. Nó đứng về phía những con người bị tổn thương và nói lên điều mà họ không có khả năng nói.

Tuy nhiên, nếu lời ngôn sứ chỉ dừng lại ở phê phán, nó sẽ làm con người mệt mỏi. Điều làm cho lời ngôn sứ khác với lời chỉ trích thuần túy chính là tầm nhìn. Các ngôn sứ luôn nhìn thấy một khả thể khác ngay giữa đổ vỡ:

Isaia nói về sa mạc nở hoa;

Êdêkien thấy xương khô sống lại;

Giêrêmia nói về một giao ước mới được khắc trong tim.

Lời ngôn sứ không chỉ chỉ ra điều sai, mà còn giữ cho trí tưởng tượng về điều tốt vẫn còn sống.

Trong thế giới số, tầm nhìn ngôn sứ không phải là một giấc mơ viễn vông. Nó là khả năng tưởng tượng một không gian truyền thông khác: nơi con người không bị rút gọn thành dữ liệu; nơi sự thật không bị hy sinh cho hiệu ứng; và nơi tiếng nói yếu thế không bị lấn át. Nói lời ngôn sứ là giữ cho tầm nhìn ấy không bị dập tắt.

Hy vọng của ngôn sứ không phải là sự lạc quan ngây thơ. Nó sinh ra từ việc nhìn thẳng vào bóng tối, nhưng không để

bóng tối có tiếng nói cuối cùng. Trong *Fratelli Tutti*, Đức Giáo hoàng Phanxicô nhắc rằng hy vọng Kitô giáo không phủ nhận xung đột, nhưng tin rằng con người vẫn có thể chọn con đường huynh đệ (x. số 30). Lời ngôn sứ trong thế giới số mang theo hy vọng ấy—không phải hy vọng rằng mọi thứ sẽ tự động tốt lên, mà hy vọng rằng con người vẫn còn khả năng hoán cải.

Một điểm rất quan trọng là:

ngôn sứ không nói từ bên ngoài cộng đoàn.

Họ nói từ bên trong, với nỗi đau của người thuộc về. Họ không đứng trên cao để kết án, mà đứng giữa dân mình để chịu tổn thương cùng họ. Trong thế giới số cũng vậy, nói lời ngôn sứ không phải là chỉ tay vào “xã hội”, “mạng xã hội” hay “người khác”, mà là dám tự vấn chính mình:

“Tôi đang góp phần vào bầu khí nào?”,

“Lời tôi nói đang giải phóng hay đang trói buộc?”

Lời ngôn sứ luôn bắt đầu từ sự hoán cải của chính người nói.

Trong thực tế hằng ngày, lời ngôn sứ trong không gian số hiếm khi mang dáng dấp của những tuyên bố lớn. Nó thường xuất hiện rất âm thầm:

trong một bình luận không hòa theo bạo lực ngôn từ;

trong một sự thật được nói ra với tôn trọng thay vì mỉa mai;

trong một cú “không chia sẻ” khi tin chưa được kiểm chứng;

hoặc trong một sự im lặng có trách nhiệm, không tiếp tay cho việc làm nhục người khác.

Chính trong những lựa chọn nhỏ như thế, người Kitô hữu tập sống trung thành với sự thật mà không đánh mất lòng xót thương.

Giữa im lặng và lên tiếng: Sự phân định của người nói lời ngôn sứ

Không phải lúc nào nói cũng là ngôn sứ. Và không phải lúc nào im lặng cũng là hèn nhát. Trong Kinh Thánh, có những ngôn sứ được sai đi để nói lớn, nói rõ và không né tránh. Nhưng cũng có những lúc Thiên Chúa mời gọi họ ở lại trong thinh lặng—để lắng nghe, để chịu đựng và để cầu nguyện. Ngôn sứ Êlia đã gặp Thiên Chúa không phải trong bão tố hay động đất, mà trong tiếng gió hiu hiu (x. 1 V 19,11–13). Điều đó nhắc rằng lời ngôn sứ không phát xuất từ cơn giận, mà từ một sự lắng nghe rất sâu.

Trong thế giới số, cảm dỗ lớn nhất của người muốn “nói điều đúng” là nói quá nhanh.

Tin tức chưa kịp kiểm chứng.

Cảm xúc còn đang sôi.

Bối cảnh chưa được hiểu trọn.

Vậy mà ta đã vội lên tiếng—

nhân danh sự thật,

nhân danh công lý,

nhân danh Tin Mừng.

Nhưng lời nói sinh ra từ vội vàng thường mang theo sự thô ráp. Nó có thể đúng về nội dung, nhưng sai về tinh thần. Và khi tinh thần sai, lời nói dễ gây thương tích hơn là chữa lành. Ngôn sứ không chạy theo nhịp của đám đông; họ đi theo nhịp của Thiên Chúa. Nói cách khác, họ không để mình bị điều khiển bởi logic của thuật toán (*algorithm*), mà được dẫn dắt bởi logic của Thiên Chúa—một “*deorithm*” được phân định trong cầu nguyện và trách nhiệm.

Đức Giáo hoàng Phanxicô nhận định rằng trong môi trường truyền thông hôm nay, nguy cơ lớn không chỉ nằm ở việc nói

sai sự thật, mà còn ở việc nói mà không có trái tim, không có lắng nghe và phân định. Ngài kêu gọi một nền truyền thông biết chậm lại, biết lắng nghe, và biết để cho Chúa Thánh Thần hướng dẫn, để lời nói được nói ra “theo sự thật trong yêu thương” (Êp 4,15), trở thành khí cụ của sự sống chứ không phải của tổn thương (Sứ điệp Ngày Thế giới Truyền thông Xã hội, 2023).

Im lặng ngôn sứ không phải là trốn tránh bất công. Đó là một chọn lựa có ý thức, phát xuất từ phân định. Có những lúc cần im lặng để không làm cho tình hình thêm nóng, để không tiếp tay cho sự thao túng cảm xúc, và để không biến nỗi đau của người khác thành nội dung tiêu thụ. Im lặng cũng có thể là cách bảo vệ phẩm giá của người đang bị tổn thương, khi lên tiếng công khai chỉ làm họ bị phơi bày thêm. Trong những lúc ấy, im lặng không phải là thiếu can đảm, mà là can đảm của người biết chờ đợi.

Nhưng cũng có những lúc im lặng không còn là trung lập.

Im lặng trước sự vu khống.

Im lặng trước bạo lực ngôn từ.

Im lặng khi con người bị hạ nhục công khai.

Trong những tình huống ấy, không lên tiếng có thể đồng nghĩa với việc để cho điều sai lầm át điều đúng. Các ngôn sứ trong Kinh Thánh thường bị coi là “kẻ gây rối” chính vì họ không chịu im lặng khi không thể im lặng. Họ nói, dù biết sẽ bị từ chối, bị chế giễu, thậm chí bị bách hại. Nói lời ngôn sứ không phải vì chắc chắn được đón nhận, mà vì lương tâm không cho phép im lặng.

Phân định không bắt đầu bằng câu hỏi:

“Tôi có quyền nói không?”

Nó bắt đầu bằng câu hỏi sâu hơn:

“Điều này có phục vụ sự thật và con người không?”

Một vài câu hỏi có thể giúp người nói lời ngôn sứ phân định:

“Tôi nói điều này vì yêu mến hay vì bức bối?”,

“Lời này có mở ra hy vọng hay chỉ làm tăng phần nô?”,

“Nếu tôi im lặng, ai sẽ bị tổn thương?”,

và *“Nếu tôi lên tiếng, ai sẽ phải trả giá?”*

Không có công thức sẵn. Phân định đòi hỏi cầu nguyện, lắng nghe và khiêm tốn.

Một dấu hiệu quan trọng để nhận ra lời ngôn sứ thật là động cơ. Ngôn sứ không nói để được chú ý, không nói để khẳng định mình đạo đức hơn, và cũng không nói để đứng về “phe đúng”. Họ nói vì không thể không nói—vì lời ấy đã được nung nấu trong thinh lặng, trong cầu nguyện và trong sự đồng cảm với nỗi đau của con người. Giêrêmia từng than thở rằng ông muốn im lặng, nhưng “Lời Chúa như ngọn lửa bùng cháy trong tim” (x. Gr 20,9). Đó không phải là sự bốc đồng, mà là lời đã chín.

Trong một thế giới quen nói nhiều, lời ngôn sứ thường ít, nhưng nặng. Nặng vì không trốn tránh sự thật. Nặng vì mang theo trách nhiệm. Và nặng vì được nói với ý thức rõ ràng về hậu quả. Ngôn sứ không tìm cách nói mọi điều. Họ tìm cách nói điều cần nói, vào đúng lúc, với đúng tinh thần.

Lời ngôn sứ và lòng xót thương: Khi sự thật không tách rời tình yêu

Có một nỗi sợ âm thầm nơi nhiều người muốn sống trung thành với Tin Mừng: sợ rằng nếu nói mạnh, mình sẽ làm tổn thương; sợ rằng nếu dịu lại, mình sẽ phản bội sự thật. Giữa hai nỗi sợ ấy, lời ngôn sứ dễ bị hiểu lầm—hoặc là khắc nghiệt, hoặc là nhượng bộ. Nhưng Tin Mừng mở ra một con đường khác: *con*

đường nơi sự thật và lòng xót thương không loại trừ nhau, mà nâng đỡ nhau.

Trong Tin Mừng, Đức Giêsu không né tránh sự thật. Người gọi tên tội lỗi là tội lỗi, vạch trần giả hình và không thỏa hiệp với bất công. Nhưng Người không bao giờ tách sự thật khỏi con người. Trong Sứ điệp Ngày Thế giới Truyền thông Xã hội năm 2018, Đức Giáo hoàng Phanxicô nhấn mạnh rằng sự thật Kitô giáo không thể bị sử dụng như một thứ vũ khí gây tổn thương, nhưng phải được sống và được nói trong các mối tương quan. Ngài cho thấy rằng sự thật chỉ thực sự trở thành Tin Mừng khi được nói từ lắng nghe, trong sự tôn trọng con người cụ thể đang đối diện, và luôn hướng tới hiệp thông, chứ không phải áp đặt hay loại trừ.

Khi người phụ nữ bị bắt quả tang phạm tội ngoại tình bị kéo ra giữa đám đông, sự thật về tội lỗi của chị là điều không ai phủ nhận. Tuy nhiên, Đức Giêsu không để sự thật ấy trở thành cái cớ để hủy diệt. Người đặt con người lên trước, rồi từ đó mở ra con đường hoán cải:

“Tôi cũng không kết án chị. Thôi chị về đi, và từ nay đừng phạm tội nữa.”

Sự thật được nói ra, nhưng được nói từ bên trong lòng xót thương. Đó là khuôn mẫu của lời ngôn sứ Kitô giáo.

Lời ngôn sứ thật không được nói từ vị trí an toàn. Nó được nói từ bên trong nỗi đau của con người. Các ngôn sứ trong Kinh Thánh không chỉ tố cáo bất công; họ khóc vì bất công ấy. Họ không chỉ vạch trần tội lỗi; họ chịu đau vì dân mình đi lạc đường.

Giêrêmia được gọi là “ngôn sứ nước mắt” không phải vì ông yếu đuối, mà vì ông yêu quá nhiều. Trong thế giới số, lời nói thiếu lòng xót thương rất dễ trượt thành lên án đạo đức: đúng nhưng lạnh, chính xác nhưng làm người ta co rút lại.

Lời ngôn sứ, nếu không chảy ra từ lòng xót thương, sẽ mất sức cứu độ.

Có người lo rằng nói bằng lòng xót thương sẽ làm sự thật “nhẹ tay” quá. Nhưng Tin Mừng cho thấy điều ngược lại: xót thương không làm sự thật yếu đi; nó làm cho sự thật có khả năng chạm tới. Một sự thật được nói trong giận dữ có thể làm người khác im lặng, nhưng hiếm khi làm họ đổi lòng. Một sự thật được nói trong tôn trọng có thể bị từ chối, nhưng nó ở lại và tiếp tục làm việc trong thinh lặng. Ngôn sứ không kiểm soát được kết quả; họ chỉ trung thành với cách thế.

Trong một thế giới phân cực, cảm dỗ lớn là đồng nhất con người với điều sai họ làm. Khi đó, lời ngôn sứ trượt sang kết án và đối thoại chấm dứt. Lòng xót thương giữ cho ranh giới ấy được rõ ràng: có thể lên án điều ác, nhưng không loại trừ người làm điều ác khỏi khả năng hoán cải. Đó không phải là ngây thơ, mà là niềm tin Kitô giáo vào quyền năng biến đổi của ân sủng.

Lời ngôn sứ thật không chỉ làm người ta bất an; nó mở ra lối thoát.

Nó nói: *“Điều này sai,”*

nhưng cũng nói:

Một con đường khác là có thể.”

Trong thế giới số, nơi rất nhiều lời nói chỉ khoét sâu vết thương, lời ngôn sứ mang lòng xót thương trở thành một dấu chỉ khác lạ.

Nó không kích động,

không làm nhục,

và không đẩy con người vào góc tối.

Nó gọi con người đứng dậy.

Một cách rất đơn sơ để phân định lời ngôn sứ của mình là tự hỏi:

“Nếu người này đang đứng trước mặt tôi, tôi có nói như vậy không?”

Câu hỏi ấy không làm sự thật bớt sắc bén. Nó làm cho sự thật mang hình hài của tình yêu.

Cái giá của lời ngôn sứ: Bị hiểu lầm, bị từ chối, nhưng không cô độc

Không có lời ngôn sứ nào hoàn toàn “an toàn”. Trong Kinh Thánh, hầu như không có ngôn sứ nào được đón nhận ngay lập tức. Họ bị hiểu lầm, bị nghi ngờ động cơ, và bị gán nhãn là gây rối, cực đoan hoặc phản bội. Nói lời ngôn sứ đồng nghĩa với việc chấp nhận không được mọi người yêu mến.

Một trong những cái giá đau nhất của lời ngôn sứ là bị đẩy ra bên lề. Người nói có thể mất sự ủng hộ của một nhóm, mất vị trí an toàn trong một cộng đồng, và mất cảm giác “thuộc về” mà trước đây từng có. Trong không gian số, điều này càng rõ hơn. Một tiếng nói đi ngược dòng rất dễ bị công kích tập thể, bị bóp méo ý nghĩa, hoặc bị “xóa sổ” bằng im lặng. Ngôn sứ không bị loại trừ vì họ nói sai, mà vì họ làm cho người khác khó chịu với chính lương tâm của mình.

Khi bị hiểu lầm, một cám dỗ lớn là muốn giải thích bằng mọi giá. Người ta muốn làm rõ, muốn thanh minh và muốn bảo vệ hình ảnh của mình. Nhưng trong Kinh Thánh, nhiều ngôn sứ phải học cách ở lại với sự hiểu lầm.

Giêrêmia bị coi là kẻ phản bội dân tộc.

Êlia bị xem là kẻ phá rối trật tự.

Ngay cả Đức Giêsu cũng bị gọi là kẻ bị quỷ ám.

Không phải mọi hiểu lầm đều cần được sửa ngay. Có những lúc, sự trung thành với sứ mạng quan trọng hơn việc được hiểu đúng.

Lời ngôn sứ, nếu trung thành, sớm hay muộn cũng sẽ chạm đến thập giá. Không phải thập giá của kịch tính hay tự tôn, mà là thập giá của việc ở lại trong sự thật, dù phải trả giá. Đức Giêsu không tìm kiếm thập giá, nhưng Người không tránh né khi thập giá đến từ sự trung thành với tình yêu và sự thật. Người nói lời ngôn sứ cũng vậy. Họ không tìm xung đột, nhưng chấp nhận hệ quả của việc không thỏa hiệp với giả dối.

Dù thường cảm thấy đơn độc, người nói lời ngôn sứ không bao giờ thật sự một mình. Trước hết, họ không một mình vì Thiên Chúa ở cùng họ. Lời họ nói không phải là lời của riêng họ, mà phát xuất từ một mối tương quan sâu xa với Đấng đã sai họ đi. Thứ đến, họ không một mình vì họ thuộc về một dòng dài những con người trung thành, những người đã yêu sự thật hơn sự an toàn. Và cuối cùng, họ không một mình vì lời ngôn sứ luôn tìm được người lắng nghe, dù đôi khi rất âm thầm. Có những người không lên tiếng, không phản hồi, nhưng được nâng đỡ và củng cố nhờ lời ấy.

Sức mạnh để nói lời ngôn sứ không đến từ cá tính mạnh hay khả năng hùng biện. Nó đến từ đời sống nội tâm:

từ cầu nguyện,

từ việc ở lại với Lời Chúa,

và từ sự xác tín rằng mình không nói cho bản thân, mà cho sự sống của người khác.

Khi lời ngôn sứ được nuôi dưỡng như thế, người nói có thể bị từ chối, nhưng không bị gãy.

Một nguy cơ lớn của người nói lời ngôn sứ là trở nên cay đắng. Khi liên tục gặp chống đối, con người có thể khép lòng lại, cứng rắn hơn và mất dần lòng xót thương. Nhưng lời ngôn

sứ chỉ giữ được sức sống khi người nói vẫn còn khả năng yêu—*yêu cả những người không muốn nghe*. Đó là điều khó nhất, và cũng là điều làm cho lời ngôn sứ giống Đức Kitô nhất.

Phúc thay người nói lời ngôn sứ

Lời ngôn sứ không khép lại bằng phê phán. Nó cũng không kết thúc ở xung đột hay thập giá. Lời ngôn sứ, nếu thật sự đến từ Thiên Chúa, luôn mở ra một chân trời hy vọng—ngay cả khi bối cảnh chung đầy mệt mỏi, hoài nghi và chia rẽ.

Hy vọng Kitô giáo không phải là sự lạc quan dễ dãi. Nó không che mắt trước bất công, không làm ngơ trước đổ vỡ, và không an ủi bằng những lời rỗng. Hy vọng của ngôn sứ được sinh ra ngay trong thực tại bị tổn thương. Các ngôn sứ không phủ nhận sự sụp đổ của Giêrusalem, không chối bỏ lưu đày, và không làm nhẹ đi tội lỗi của dân. Nhưng họ tin rằng điều cuối cùng không thuộc về sự dữ. *“Ta biết các kế hoạch Ta dành cho các người... kế hoạch đem lại tương lai và hy vọng”* (Gr 29,11). Lời ngôn sứ giữ cho niềm tin ấy không bị dập tắt.

Mỗi lần nói lời ngôn sứ, người nói đang đặt một niềm tin rất lớn: tin rằng con người có khả năng hoán cải. Nếu tin rằng mọi thứ đã hết, con người sẽ im lặng hoặc trở nên cay nghiệt. Nếu tin rằng không ai có thể thay đổi, con người sẽ mĩa mai hoặc bỏ cuộc. Lời ngôn sứ được nói ra vì người nói không chấp nhận sự tuyệt vọng như tiếng nói cuối cùng.

Trong thế giới số, nơi rất nhiều lời nói chỉ khơi dậy phản nộ, lời ngôn sứ mang hy vọng trở thành một dấu chỉ ngược dòng.

Không phải mọi lời ngôn sứ đều thấy kết quả ngay. Nhiều lời được nói ra rồi rơi vào thinh lặng. Nhưng hy vọng không được đo bằng phản hồi tức thì. Nó được gieo như hạt giống. Có

những lời ở lại trong trí nhớ ai đó, trở lại trong một thời khắc khác, hoặc nảy mầm khi người nói không còn ở đó.

Ngôn sứ không kiểm soát hoa trái;

họ trung thành với việc gieo.

Người nói lời ngôn sứ không đặt hy vọng nơi hiệu quả của mình, mà nơi sự trung tín của Thiên Chúa. Họ biết rằng lời mình nói có thể bị từ chối, bị bóp méo, hoặc bị quên lãng. Nhưng họ cũng biết rằng Lời của Thiên Chúa không bao giờ trở về trong trống rỗng. Niềm tin ấy giúp họ không kiêu ngạo khi được lắng nghe, và không tuyệt vọng khi bị khước từ.

Lời ngôn sứ hiếm khi là mặt trời. Nó thường giống như một ngọn đèn nhỏ. Không xóa tan bóng tối, nhưng đủ để người khác không phải bước đi hoàn toàn trong đêm.

Trong thế giới số đầy ồn ào, nơi tiếng nói dễ bị cuốn trôi, một lời ngôn sứ được nói đúng lúc—*với sự thật, khiêm tốn và lòng xót thương*—có thể trở thành điểm tựa cho ai đó đang tìm đường.

Phúc cho người dám nói khi im lặng đồng nghĩa với đồng lõa.

Phúc cho người dám im lặng khi nói chỉ làm tổn thương thêm.

Phúc cho người nói sự thật mà không đánh mất lòng xót thương.

Phúc thay người nói lời ngôn sứ—không phải vì họ chỉ vạch ra điều sai, mà vì họ giữ cho niềm hy vọng còn được cất tiếng.

Và trong một thế giới dễ quen với bóng tối, họ trở thành những người nhắc nhở rằng ánh sáng vẫn còn đó:

âm thầm,

mong manh,

nhưng không bao giờ bị dập tắt.

Bản rút gọn

Phúc thay người nói lời ngôn sứ, vì họ nói sự thật trong yêu thương

Chưa bao giờ con người có nhiều tiếng nói như hôm nay. Không gian số trao cho ai cũng một chiếc micro: ai cũng có thể nói, phản ứng và bày tỏ lập trường. Nhưng giữa vô số lời được nói ra, những lời chạm đến sự thật sâu xa của con người lại ngày càng hiếm.

Nhiều lời được nói để gây chú ý, để xả giận, để bảo vệ phe nhóm hay cái tôi. Trong khi đó, những lời đánh thức lương tâm, vạch trần điều làm con người mất nhân tính, và mở ra hy vọng mới lại không dễ nói—và cũng không dễ nghe. Đó chính là lời ngôn sứ.

Trong Kinh Thánh, ngôn sứ không phải là người đoán tương lai. Ngôn sứ là người nói sự thật của Thiên Chúa vào hiện tại: đánh thức khi dân ngủ quên, gọi tên bất công và giả dối, và mời gọi trở về giao ước. Nhưng ngôn sứ không chỉ cảnh báo. Họ cũng an ủi, chữa lành và mở ra một khởi đầu mới.

Lời ngôn sứ không phát xuất từ ý riêng, mà từ việc lắng nghe Thiên Chúa. Vì thế, đó không phải là lời kết án, mà là lời mời gọi trở về sự thật để được sống—một sự thật luôn mang theo hy vọng.

On gọi ngôn sứ của mọi người đã chịu Phép Rửa

Nói lời ngôn sứ không phải là đặc quyền của một nhóm nhỏ. Công đồng Vatican II khẳng định rằng toàn thể Dân Chúa tham dự vào chức vụ ngôn sứ của Đức Kitô. Điều đó có nghĩa là: mỗi người đã lãnh nhận Phép Rửa đều được mời gọi làm chứng cho sự thật bằng lời nói và đời sống, theo hoàn cảnh cụ thể của mình.

Ngày nay, không gian số đã trở thành quảng trường công cộng mới. Ở đó, con người tìm kiếm ý nghĩa, bày tỏ bức xúc và định hình cách nhìn về thế giới. Để không gian ấy thực sự là “mạng lưới của con người”, cần có những tiếng nói không chạy theo đám đông, không phản ứng bốc đồng, mà biết phân định và làm chứng.

Lời ngôn sứ trong thế giới số không phải là nói to hơn người khác, mà là nói đúng điều cần nói, vào đúng lúc, với đúng tinh thần. Nó không chỉ phê phán cái xấu, mà còn mở ra một tầm nhìn khác—về công lý, lòng xót thương và sự sống.

Khi phê phán đi cùng tầm nhìn

Lời ngôn sứ bắt đầu bằng việc nhìn thẳng vào thực tại, không tô hồng và không né tránh. Trong không gian số hôm nay, có nhiều ảo tưởng cần được gọi đúng tên: ảo tưởng về kết nối nhưng lại cô lập; về tự do nhưng bị thuật toán dẫn dắt; về việc ai cũng được lắng nghe, trong khi nhiều tiếng nói yếu thế bị chìm xuống.

Ngôn sứ phê phán không phải để phá bỏ, mà vì không chịu nổi cảnh con người sống trong giả dối. Họ dám đặt những câu hỏi khó chịu nhưng cần thiết: điều này có thực sự dẫn đến công lý không, ai đang được lợi, và ai đang bị bỏ lại phía sau.

Tuy nhiên, nếu lời ngôn sứ chỉ dừng lại ở phê phán, nó sẽ làm con người mệt mỏi. Điều làm nên nét riêng của lời ngôn sứ là tầm nhìn: khả năng nhìn thấy một khả thể khác ngay giữa đồ vỡ. Ngôn sứ giữ cho trí tưởng tượng về điều tốt vẫn còn sống, và không để bóng tối có tiếng nói cuối cùng.

Trong thế giới số, nói lời ngôn sứ là giữ cho tầm nhìn về một không gian truyền thông nhân bản—nơi con người không bị rút gọn thành dữ liệu, và sự thật không bị hy sinh cho hiệu ứng—không bị dập tắt.

Giữa im lặng và lên tiếng: Con đường phân định

Không phải lúc nào nói cũng là ngôn sứ, và không phải lúc nào im lặng cũng là hèn nhát. Lời ngôn sứ không phát xuất từ cơn giận hay phản ứng vội vàng, mà từ một sự lắng nghe sâu xa. Trong thế giới số, cảm dỗ lớn là nói quá nhanh, khi cảm xúc còn nóng và bối cảnh chưa được hiểu trọn.

Lời nói sinh ra từ vội vàng có thể đúng về nội dung, nhưng sai về tinh thần. Ngôn sứ không đi theo nhịp của đám đông hay thuật toán, mà theo nhịp của Thiên Chúa—một nhịp được phân định trong cầu nguyện và trách nhiệm.

Có những lúc, im lặng là một chọn lựa ngôn sứ: để không tiếp tay cho thao túng cảm xúc, để bảo vệ phẩm giá người bị tổn thương, và để không biến nỗi đau thành nội dung tiêu thụ. Nhưng cũng có những lúc im lặng không còn là trung lập. Im lặng trước vu khống, bạo lực ngôn từ và làm nhục công khai có thể đồng nghĩa với đồng lõa.

Phân định không bắt đầu bằng câu hỏi “tôi có quyền nói không?”, mà bằng câu hỏi sâu hơn: “Điều này có phục vụ sự thật và con người không?”

Sự thật không tách rời lòng xót thương

Trong Tin Mừng, Đức Giêsu không bao giờ tách sự thật khỏi con người. Người gọi tên tội lỗi, nhưng không dùng sự thật để hủy diệt. Người nói sự thật từ bên trong lòng xót thương, mở ra con đường hoán cải thay vì đóng sập hy vọng.

Lời ngôn sứ Kitô giáo không phải là sự khắc nghiệt đạo đức. Nếu không chảy ra từ lòng xót thương, lời nói sẽ mất sức cứu độ. Xót thương không làm sự thật yếu đi; nó làm cho sự thật có khả năng chạm tới.

Một cách đơn sơ để phân định lời ngôn sứ của mình là tự hỏi: “Nếu người này đang đứng trước mặt tôi, tôi có nói như vậy không?” Câu hỏi ấy giúp sự thật mang hình hài của tình yêu.

Cái giá và hy vọng của lời ngôn sứ

Không có lời ngôn sứ nào hoàn toàn an toàn. Người nói có thể bị hiểu lầm, bị từ chối, bị gán nhãn là gây rối hoặc cực đoan. Trong không gian số, tiếng nói ngược dòng dễ bị công kích hoặc bị xóa sổ bằng im lặng. Ngôn sứ không bị loại trừ vì họ nói sai, mà vì họ làm người khác khó chịu với chính lương tâm của mình.

Tuy vậy, người nói lời ngôn sứ không bao giờ thật sự một mình. Họ thuộc về một dòng dài những con người đã yêu sự thật hơn sự an toàn, và được nâng đỡ bởi xác tín rằng Lời của Thiên Chúa không bao giờ trở về trong trống rỗng.

Lời ngôn sứ hiếm khi là mặt trời. Nó thường giống như một ngọn đèn nhỏ: không xóa tan bóng tối, nhưng đủ để người khác không phải bước đi hoàn toàn trong đêm.

Phúc thay người nói lời ngôn sứ —
không phải vì họ chỉ vạch ra điều sai,
mà vì họ giữ cho hy vọng còn được cất tiếng;
không phải vì họ chiến thắng,
mà vì họ trung thành với sự thật trong yêu thương,
và nhắc nhở rằng ánh sáng, dù mong manh,
chưa bao giờ bị dập tắt.

Chương 7

Phúc thay người tạo ảnh hưởng lành mạnh, vì họ dẫn người khác đến sự sống

Mỗi thời đại đều có cách riêng để nói về quyền lực. Có thời, quyền lực nằm trong tay vua chúa. Có thời, nó gắn với tiền bạc, quân đội hay truyền thông đại chúng. Còn hôm nay, trong kỷ nguyên số, quyền lực thường mang một cái tên khác: *ảnh hưởng*.

Người có ảnh hưởng là người định hướng sự chú ý. Họ không chỉ quyết định người khác xem gì, mà dần dần còn ảnh hưởng đến việc người khác coi điều gì là quan trọng, đáng ao ước, hay đáng bắt chước. Trong thế giới ấy, ảnh hưởng trở thành một thứ tiền tệ vô hình nhưng rất mạnh. Nó chi phối dư luận, thị hiếu, lối sống—và đôi khi cả lương tâm.

Nhưng đối với người Kitô hữu, ảnh hưởng không phải là phương tiện để kiểm soát hay tỏa sáng. *Nó là một hình thức làm chứng.*

Ảnh hưởng Kitô giáo không bắt đầu từ sân khấu. Đức Giêsu là người có ảnh hưởng sâu xa nhất trong lịch sử nhân loại, nhưng Người không xây dựng ảnh hưởng bằng quyền lực hay phô trương. Người không thao túng đám đông, không tạo ra những màn trình diễn để thu hút chú ý, và cũng không tìm cách giữ người khác lệ thuộc vào mình.

Ảnh hưởng của Người đến từ một nơi khác: *tình yêu được sống cách cụ thể.*

Lời nói và hành động của Người chạm đến trái tim, không phải bằng mảnh lời, mà bằng sự thật được thể hiện trong yêu thương. Chính vì thế, ảnh hưởng của Đức Giêsu biến đổi con người từ bên trong.

Người nói với các môn đệ: “*Anh em là ánh sáng cho trần gian. Một thành xây trên núi thì không thể che giấu được*” (Mt 5,14). Ánh sáng ấy không nhằm thu hút sự chú ý về chính nó. Nó chỉ về nguồn sáng.

Ảnh hưởng Kitô giáo cũng vậy:

không quy về cái tôi, mà hướng về Thiên Chúa.

Trong thế giới số, người ta rất dễ nhầm lẫn giữa ảnh hưởng và trình diễn. Có người nổi bật vì họ gây sốc. Có người được chú ý vì họ khơi gợi cảm xúc mạnh. Có người được theo dõi vì họ biết “đánh trúng” thuật toán.

Nhưng ảnh hưởng Kitô giáo không vận hành theo logic ấy. Các văn kiện của Giáo Hội nhắc đi nhắc lại rằng truyền thông là một ơn gọi làm chứng. Huấn thị *Communio et Progressio* gọi Đức Kitô là “Đấng Truyền Thông Hoàn Hảo”, Đấng đã loan báo Tin Mừng không sợ hãi, không thỏa hiệp, nhưng luôn nói bằng ngôn ngữ và trong hoàn cảnh của con người thời đại mình (x. số 11–12).

Điều đó có nghĩa là: người Kitô hữu được mời gọi tạo ảnh hưởng không bằng áp đặt, mà bằng việc xây dựng mối tương quan, mở ra không gian để con người hiểu mình hơn và hiểu nhau hơn.

Đức Giáo hoàng Phanxicô từng nói rằng Tin Mừng không lan truyền bằng chiêu dụ, mà bằng sức hút (*Evangelii Gaudium*, số 261). Ảnh hưởng Kitô giáo không tìm cách chiếm lấy người khác. Nó thu hút bằng sự nhất quán giữa lời nói và đời sống, bằng niềm vui không giả tạo, và bằng sự tự do nội tâm. Người có ảnh hưởng lành mạnh không cần phải chứng minh mình đúng.

Họ sống sao cho sự thật tự lên tiếng.

Vì thế, tạo ảnh hưởng, trong cái nhìn Kitô giáo, không bao giờ là chuyện trung tính. Ảnh hưởng luôn gắn với trách nhiệm luân lý. Nó có thể nâng con người lên hoặc làm họ nhỏ lại; có thể mở ra hy vọng hoặc gieo thêm bất an. Ảnh hưởng không chỉ là một khả năng. Nó là một ơn gọi được trao phó. Được nhiều người theo dõi không tự động đồng nghĩa với việc đang làm điều tốt. Điều quan trọng hơn là: ảnh hưởng ấy đang dẫn người khác về đâu.

Câu hỏi căn bản của ảnh hưởng Kitô giáo không phải là:

“Tôi có bao nhiêu người theo dõi?”,

mà là:

“Tôi đang dẫn người khác đến gần ai?”

Thánh Gioan Tẩy Giả đã trả lời câu hỏi ấy bằng cả cuộc đời mình: *“Người phải lớn lên, còn tôi phải nhỏ lại”* (Ga 3,30).

Đó là bản tuyên ngôn ngắn gọn nhất của ảnh hưởng Kitô giáo.

Người “influencer” đời và người làm chứng Tin Mừng: Khi ảnh hưởng không còn quy về cái tôi

Ngày nay, từ “influencer” đã trở nên quen thuộc. Đó là người tạo xu hướng, người dẫn dắt thị hiếu, người có khả năng khiến người khác mua, nghĩ, hoặc sống theo một cách nào đó. Ở bề mặt, influencer là người “được theo dõi”. Nhưng sâu hơn, họ là người định hình ước muốn của người khác. Và chính ở đây, sự khác biệt giữa ảnh hưởng đời và ảnh hưởng Kitô giáo bắt đầu lộ rõ.

Trong logic thế tục, ảnh hưởng thường được đo bằng con số. Nhiều người theo dõi hơn, nhiều lượt tương tác hơn, nhiều

sức lan tỏa hơn. Giá trị của ảnh hưởng, theo cách nhìn này, nằm ở độ phủ: càng lan rộng, càng được xem là thành công. Và để đạt được điều đó, người tạo ảnh hưởng phải liên tục giữ sự chú ý—nói cho sốc hơn, nhanh hơn, cảm xúc hơn.

Dần dần, người influencer có nguy cơ trở thành trung tâm của chính ảnh hưởng mình tạo ra. Họ phải giữ hình ảnh, duy trì thương hiệu cá nhân, và luôn “có mặt”. Ảnh hưởng khi đó không còn là phương tiện, mà trở thành gánh nặng phải mang.

Ảnh hưởng Tin Mừng vận hành theo một logic khác.

Nó không bắt đầu từ câu hỏi:

“Tôi có thể lan rộng đến đâu?”,

mà từ câu hỏi sâu hơn:

“Điều tôi sống và nói có dẫn người khác đến sự sống không?”

Người làm chứng Tin Mừng không cần phải nổi bật; họ cần phải trung thực và nhất quán. Ảnh hưởng của họ không đến từ việc lấn át không gian truyền thông, mà từ việc ở đúng chỗ, với đúng tinh thần.

Có khi ảnh hưởng ấy rất nhỏ.

Một lời nói tử tế trong lúc tranh cãi.

Một sự im lặng không hòa theo điều ác.

Một chọn lựa sống khác đi giữa đám đông.

Những điều ấy không tạo hiệu ứng lớn, nhưng lại chạm sâu. Chúng để lại dấu ấn không phải bằng sự ồn ào, mà bằng chiều sâu nhân bản.

Tin Mừng cho thấy một mẫu gương rất rõ ràng về kiểu ảnh hưởng này nơi Gioan Tẩy Giả. Ông là một nhân vật có ảnh hưởng lớn: người ta tìm đến ông từ khắp nơi, lắng nghe ông, và theo ông. Nhưng khi Đức Giêsu xuất hiện, Gioan không tìm cách giữ ảnh hưởng ấy cho mình. Trái lại, ông nói một câu hoàn

toàn đi ngược với logic thời đại: “*Người phải lớn lên, còn tôi phải nhỏ lại*” (Ga 3,30).

Đây không phải là thất bại, mà là đỉnh cao của ảnh hưởng ngôn sứ. Gioan hiểu rằng ảnh hưởng của mình chỉ có ý nghĩa khi nó chỉ về Đấng khác—Đấng sẽ đến—chứ không quy về bản thân.

Tinh thần này được thánh Phaolô diễn tả bằng một từ rất sâu: *kenosis*—tự hủy (x. Pl 2,6–8). Đức Kitô không bám giữ địa vị ngang hàng với Thiên Chúa, nhưng tự hạ, mang lấy thân phận con người. Và chính con đường hạ mình ấy trở thành nguồn mạch của ơn cứu độ. Ảnh hưởng Kitô giáo cũng mang dấu ấn *kenosis* này. Người tạo ảnh hưởng lành mạnh không tìm cách làm mình lớn lên trong mắt người khác. Họ tìm cách để sự thật, điều thiện và lòng xót thương được lớn lên, ngay cả khi điều đó làm họ bớt được chú ý. Đây không phải là tự ti, mà là tự do nội tâm.

Có một nghịch lý rất đẹp trong Tin Mừng: người thật sự có ảnh hưởng là người không chiếm chỗ. Họ không cần phải luôn lên tiếng, không cần phản ứng với mọi chuyện, và không cần ở trung tâm của mọi cuộc đối thoại. Sự hiện diện của họ đủ vững để không cần phô trương. Chính vì thế, người khác cảm thấy dễ thở hơn khi ở gần họ. Trong một thế giới số đầy cạnh tranh chú ý, kiểu ảnh hưởng ấy trở nên rất khác lạ.

Một cách rất đơn sơ để phân định ảnh hưởng của mình là tự hỏi:

“Sau khi nghe tôi, người khác nghĩ nhiều hơn về tôi, hay nghĩ nhiều hơn về điều tốt lành?”

Ảnh hưởng lành mạnh không làm người khác lệ thuộc; nó giải phóng. Không làm người khác tôn thờ cá nhân; nó mở ra cho họ gặp gỡ sự thật. Người làm chứng Tin Mừng không giữ ánh nhìn của người khác nơi mình. Họ chỉ tay về phía Ánh Sáng.

Ảnh hưởng bằng cách sống, không bằng chiếm lĩnh: Khi sức hút đến từ sự nhất quán

Ảnh hưởng Kitô giáo không được xây dựng bằng việc phủ kín sự hiện diện hay áp đặt tiếng nói, mà được hình thành từ cách sống. Người tạo ảnh hưởng lành mạnh không cần phải xuất hiện ở khắp nơi, cũng không cần phản hồi mọi vấn đề. Điều làm họ có ảnh hưởng không phải là tần suất lên tiếng, mà là độ tin cậy của sự hiện diện.

Hướng tới sự hiện diện tròn đầy nhấn mạnh rằng dấu ấn đặc trưng của người Kitô hữu trên không gian số không nằm ở việc nói nhiều hay phản ứng nhanh, mà ở chứng tá của một sự hiện diện biết lắng nghe, biết phân định và biết tôn trọng (x. các số 64–69). Trong một môi trường dễ bị cuốn vào vòng xoáy kích động, có những lúc chính việc không phản ứng—không tham gia vào động lực gây hấn—lại trở thành một hình thức ảnh hưởng âm thầm nhưng sâu xa.

Trong cùng hướng đó, Đức Giáo hoàng Phanxicô nhắc rằng truyền thông Kitô giáo không hệ tại ở việc dồn dập truyền đạt thông điệp hay áp đặt quan điểm, nhưng ở chứng tá của một sự hiện diện biết lắng nghe và đối thoại. Tin Mừng lan tỏa khi người khác cảm nhận được sự nhất quán giữa điều được nói và đời sống của người nói, bởi chính đời sống ấy làm nên tính đáng tin của chứng tá Kitô giáo (x. Sứ điệp Ngày Thế giới Truyền thông Xã hội, 2014).

Văn kiện này cũng khẳng định rằng truyền thông Kitô giáo, kể cả trên mạng xã hội, không nhằm làm nghẹt không gian đối thoại hay thao túng dư luận, nhưng nhằm biến những kết nối thành gặp gỡ, và những gặp gỡ thành sự sống—một sự hiện diện mang tính nhân bản sâu sắc, trái ngược với những cách hiện diện chạy theo số lượng hay hiệu ứng (x. số 48).

Trong thế giới số, nơi sự chú ý trở thành tài nguyên khan hiếm và áp lực phản ứng luôn hiện diện, con đường Tin Mừng mời gọi một cách hiện diện khác: ít ồn ào hơn, nhưng đáng tin hơn.

Chính kiểu hiện diện tự do và không bị cuốn vào nhịp của đám đông ấy làm cho ảnh hưởng của Đức Giêsu có trọng lượng đặc biệt. Đức Giêsu không nói liên tục.

Người có những lúc *rút lui,*
im lặng,
cầu nguyện.

Người không tìm cách giữ đám đông ở lại với mình bằng mọi giá. Chính sự tự do ấy làm cho lời Người có trọng lượng.

Ảnh hưởng Kitô giáo vận hành bằng sức hút, không bằng lôi kéo. Sức hút ấy đến từ sự nhất quán giữa lời nói và đời sống. Khi con người nhận ra rằng điều bạn nói phù hợp với cách bạn sống, họ bắt đầu lắng nghe—không phải vì bạn nói hay, mà vì bạn đáng tin.

Một đời sống không chia đôi,
không trình diễn,
không chạy theo hình ảnh
tạo ra một ảnh hưởng âm thầm nhưng bền.

Có một kiểu ảnh hưởng rất dễ bị bỏ qua: ảnh hưởng của sự ổn định. Một người không khuấy động tranh cãi, nhưng cũng không thỏa hiệp với điều xấu. Một người không nói nhiều, nhưng khi nói thì không mĩa mai, không làm nhục, không đổ thêm dầu vào lửa. Trong một môi trường đầy biến động cảm xúc, sự ổn định ấy tự nó đã là một chứng tá.

Ảnh hưởng như thế không nhằm làm người khác lệ thuộc. Trái lại, nó tạo không gian để người khác tự do lớn lên. Người có ảnh hưởng lành mạnh không giữ người khác quanh mình.

Họ không cần trở thành trung tâm. Họ vui khi thấy người khác trưởng thành, tự đứng vững, và tự tìm được con đường của mình. Ảnh hưởng của họ không khóa lại, mà mở ra.

Điều này đòi hỏi một sự tự do nội tâm lớn. Người tạo ảnh hưởng lành mạnh không cần được công nhận liên tục. Họ không sống nhờ phản hồi. Họ không để giá trị của mình phụ thuộc vào lượt thích hay sự chú ý. Chính vì không bị lệ thuộc vào ánh nhìn của người khác, họ mới có thể hiện diện một cách nhẹ nhàng và thật.

Trong Tin Mừng, ảnh hưởng sâu nhất thường không đến từ những lời lớn tiếng, mà từ những con người

sống đúng chỗ,

đúng vai,

và đúng tinh thần.

Ảnh hưởng Kitô giáo, ở dạng tinh tuyền nhất, là ảnh hưởng của một đời sống được sống thật, để từ đó, sự thật có thể tự cất tiếng.

Ảnh hưởng và trách nhiệm: Khi mỗi lời nói đều có hệ quả

Ảnh hưởng không bao giờ vô hại. Dù ta muốn hay không, mỗi lần lên tiếng, mỗi lần chia sẻ hay phản hồi, ta đang đặt một viên gạch nhỏ vào đời sống của người khác: có viên gạch nâng đỡ, nhưng cũng có viên gạch làm người ta vấp ngã. Trong thế giới số, hệ quả của lời nói thường không hiện ra ngay, nhưng chúng có thật và đôi khi đi rất xa khỏi tầm nhìn của người nói.

Văn kiện *Hướng tới sự hiện diện tròn đầy* nhắc rằng không chỉ những người có lượng theo dõi lớn mới là người tạo ảnh hưởng (số 74). Trên thực tế, mọi Kitô hữu đều là những “micro-

influencer”, bởi mỗi người đều có khả năng tác động đến bầu khí và hướng đi của người khác, dù chỉ trong một vòng tương quan rất nhỏ.

Chính vì thế, ảnh hưởng không phải là chuyện trung tính: *nó luôn kéo theo một trách nhiệm luân lý.*

Trong cùng chiều hướng ấy, Đức Giáo hoàng Phanxicô cảnh báo rằng trong môi trường truyền thông hôm nay,

lời nói có thể gây tổn hại nghiêm trọng
khi nó nuôi dưỡng khinh miệt,
chia rẽ và loại trừ,
hoặc khi sự thật bị sử dụng để làm tổn thương
và đẩy người khác ra bên lề.

Vì thế, ngài kêu gọi một nền truyền thông biết bảo vệ phẩm giá con người, đặc biệt là những người yếu thế và không có tiếng nói, để truyền thông trở thành con đường xây dựng hiệp thông và hòa bình, chứ không phải nguồn phát sinh bạo lực ngôn từ (Sứ điệp Ngày Thế giới Truyền thông Xã hội, 2018).

Chính ở đây, ảnh hưởng cho thấy nó không chỉ là vấn đề phong cách hay cá tính, mà là một quyền lực mềm mang chiều kích luân lý. Nó không cưỡng ép hay ra lệnh, nhưng âm thầm định hình cách con người nghĩ, nhìn người khác và nhìn chính mình—đặc biệt nơi người trẻ và những ai đang ở trong giai đoạn mong manh của việc tìm kiếm căn tính.

Đức Giêsu đã dùng những lời rất mạnh khi nói về việc gây có vấp phạm:

“Ai làm có cho một trong những kẻ bé mọn này vấp ngã, thì thà buộc cối đá vào cổ mà xô xuống biển còn hơn” (Mt 18,6).

Lời này không nhằm đe dọa, mà nhằm đánh thức lương tâm. Gương xấu không chỉ là dạy điều sai. Nó có thể là bình thường

hóa sự cay nghiệt, coi thường phẩm giá người khác, hoặc làm cho điều xấu trở nên “vui”, “ngầu”, “đáng bắt chước”.

Ngược lại, gương tốt thường rất lặng lẽ.

Nó không gây sốc,

không thu hút sự chú ý mạnh,

nhưng nó bền.

Một câu hỏi rất quan trọng đối với người tạo ảnh hưởng lành mạnh là:

“Điều này có giúp người khác sống tốt hơn không?”

Không phải mọi sự thật đều cần được nói ngay. Không phải mọi ý kiến đều cần được công bố. Và không phải mọi cảm xúc đều cần được phơi bày. Tự do ngôn luận không tách rời trách nhiệm đối với người nghe. Sống ảnh hưởng lành mạnh là biết tự giới hạn, không phải vì sợ hãi, mà vì tôn trọng.

Có những người dần trở nên mệt mỏi vì chính ảnh hưởng của mình. Họ không còn nói điều mình tin, mà nói điều được mong đợi. Không còn sống tự do, mà sống để giữ hình ảnh. Không còn phân định, mà phản ứng theo nhịp của đám đông. Khi đó, ảnh hưởng không còn là ơn gọi, mà trở thành gánh nặng phải mang.

Ảnh hưởng lành mạnh chỉ có thể tồn tại khi người tạo ảnh hưởng giữ được tự do nội tâm—

tự do để nói “không”,

tự do để dừng lại,

và tự do để nhỏ đi.

Có người sợ rằng nói đến trách nhiệm sẽ làm ảnh hưởng trở nên nặng nề. Nhưng thật ra, trách nhiệm đứng chỗ lại giải phóng. Khi ý thức rằng lời nói của mình có hệ quả, ta nói chậm hơn, chọn lọc hơn, và chân thật hơn. Niềm vui khi đó không

đến từ việc được chú ý, mà từ việc biết rằng mình không làm tổn thương.

Trong cái nhìn Kitô giáo, ảnh hưởng không phải là đặc quyền. Nó là một hình thức phục vụ—

phục vụ sự thật,

phục vụ con người,

và phục vụ bầu khí chung.

Người tạo ảnh hưởng lành mạnh không hỏi:

“Điều này có lợi cho tôi không?”,

mà hỏi:

“Điều này có làm người khác sống nhân bản hơn không?”

Câu hỏi ấy không làm ảnh hưởng yếu đi. Nó giúp ảnh hưởng đi đúng hướng.

Ảnh hưởng trong âm thầm: Khi không cần được thấy vẫn làm được điều tốt

Không phải mọi ảnh hưởng đều có tên gọi. Không phải mọi điều tốt đều được ghi nhận. Và không phải mọi sự biến đổi đều đi kèm với sự chú ý. Trong thế giới số, nơi mọi thứ đều được đo bằng lượt xem và phản hồi, ảnh hưởng âm thầm dễ bị coi là không đáng kể. Nhưng trong Tin Mừng, chính kiểu ảnh hưởng ấy lại được đặt ở trung tâm.

Đức Giêsu không nói:

“Anh em là pháo hoa cho trần gian.”

Người nói:

“Anh em là muối cho đời” (Mt 5,13).

Muối không gây chú ý. Nó tan vào món ăn. Không ai khen muối, nhưng thiếu muối, mọi thứ trở nên nhạt nhẽo. Ảnh hưởng

Kitô giáo rất nhiều khi mang dáng dấp ấy. Nó không nổi bật, nhưng giữ cho điều tốt không bị mất vị.

Ảnh hưởng âm thầm xuất hiện trong những hành vi rất nhỏ:

một người chọn không chia sẻ nội dung hạ nhục;

một người âm thầm làm dịu một cuộc trò chuyện căng thẳng;

một người không “thả cười” vào sự tàn nhẫn.

Những hành vi ấy hiếm khi được khen ngợi, nhưng chúng giữ cho không gian chung không trượt quá xa.

Có một nghịch lý rất thật: càng có sân khấu, càng dễ bị cảm dỗ trình diễn; và càng trình diễn, càng dễ đánh mất chiều sâu.

Ảnh hưởng âm thầm không cần sân khấu. Nó diễn ra trong những tin nhắn riêng, những phản hồi kín đáo, và những quyết định không ai biết ngoài chính mình. Có những con người không có “nền tảng”, không có “thương hiệu”, nhưng họ tạo ra bầu khí an toàn ở bất cứ nơi nào họ hiện diện. Khi họ tham gia, cuộc trò chuyện bớt gay gắt hơn. Khi họ rút lui, người ta cảm thấy thiếu điều gì đó.

Đó là ảnh hưởng rất thật, dù không ai gọi tên.

Sống ảnh hưởng âm thầm đòi hỏi một sự tự do nội tâm lớn:

tự do khỏi nhu cầu được công nhận,

tự do khỏi việc phải thấy kết quả ngay,

và tự do khỏi nỗi sợ “mình không quan trọng”.

Không phải ai cũng chịu được điều này. Nhưng chính ở đây, người Kitô hữu học được một điều rất sâu: điều tốt không cần phải được thấy để là điều tốt.

Tin Mừng cho thấy nhiều điều quan trọng đã xảy ra trong thinh lặng.

Mẹ Maria đón nhận Lời trong âm thầm.

Đức Giêsu lớn lên ba mươi năm không ai biết đến.

Hạt giống nảy mầm trong lòng đất tối.

Ảnh hưởng âm thầm đứng trong cùng logic ấy.

Người tạo ảnh hưởng âm thầm không kiểm soát được tác động của mình. Họ gieo, nhưng không nắm kết quả. Có thể một câu nói tử tế được nhớ rất lâu. Có thể một hành vi tôn trọng trở thành chuẩn mực mới cho ai đó. Cũng có thể chẳng ai để ý. Nhưng ảnh hưởng lành mạnh không được đo bằng sự chắc chắn, mà bằng sự trung thành.

Ảnh hưởng âm thầm không có nghĩa là rút lui khỏi thế giới. Nó là chọn ở đúng chỗ, với đúng tinh thần, mà không cần chiếm chỗ.

Không cần phải luôn lên tiếng để chứng minh mình tốt.

Không cần có mặt khắp nơi để cảm thấy mình có giá trị.

Không cần phải thắng để thấy mình có ảnh hưởng.

Chỉ cần ở đó như chính mình, với sự nhất quán và lòng tôn trọng.

Đức Giêsu nói Nước Trời giống như men được trộn vào bột (x. Mt 13,33). *Men không nổi lên trên, nhưng làm bột nở từ bên trong.* Ảnh hưởng Kitô giáo, ở dạng sâu nhất, cũng như thế. Nó không áp đặt từ bên ngoài. Nó làm con người lớn lên từ bên trong.

Phúc thay người tạo ảnh hưởng lành mạnh

Ảnh hưởng lành mạnh không tìm cách đặt mình vào trung tâm. Nó không áp đặt, không lôi kéo bằng sợ hãi hay hào nhoáng. Ảnh hưởng lành mạnh mở đường—mở đường cho điều tốt, cho sự thật, và cho con người được sống đúng hơn với chính mình.

Trong một thế giới quen thao túng và sử dụng, kiểu ảnh hưởng ấy mang dáng dấp của Tin Mừng.

Có một ảo tưởng rất phổ biến: nghĩ rằng ảnh hưởng phải lớn mới có ý nghĩa. Nhưng Tin Mừng kể một câu chuyện khác.

Hạt cải rất nhỏ.

Men thì gần như vô hình.

Muối thì tan đi.

Nhưng chính những thứ nhỏ bé ấy lại làm thay đổi toàn bộ. Ảnh hưởng Kitô giáo không cần được hàng ngàn người theo dõi. Nó cần được trung thành—trung thành với điều thiện, với sự thật, và với lòng xót thương, ngay trong những không gian nhỏ bé nhất.

Câu hỏi sâu nhất của ảnh hưởng không phải là:

“Bao nhiêu người nghe tôi?”,

mà là:

“Họ được dẫn về đâu?”

Ảnh hưởng lành mạnh không giữ người khác ở lại với mình. Nó dẫn họ đến gần sự sống—gần hơn với Thiên Chúa, với người khác, và với chính họ. Giống như Gioan Tẩy Giả, người tạo ảnh hưởng lành mạnh sẵn sàng nhỏ lại để Đấng khác được lớn lên (x. Ga 3,30).

Ảnh hưởng không chỉ được đo bằng số người theo dõi, mà bằng bầu khí để lại.

Khi ta rời khỏi một cuộc trò chuyện, điều gì còn lại?

Một bầu khí nhẹ hơn?

Một khả năng lắng nghe được mở ra?

Hay một hạt giống hy vọng được gieo xuống?

Ảnh hưởng lành mạnh không để lại sự lệ thuộc. Nó để lại khả năng đứng vững.

Phần lớn ảnh hưởng lành mạnh không được ghi nhận. Nó không xuất hiện trên bảng thống kê. Nhưng nó thấm—thấm vào cách con người đối xử với nhau, thấm vào cách họ nói về sự khác biệt, và thấm vào cách họ chọn điều tốt ngay cả khi không ai nhìn thấy. Đó là ảnh hưởng của Tin Mừng:

chậm,

sâu,

và bền.

Phúc cho người không dùng ảnh hưởng để nâng mình lên, nhưng để nâng người khác đứng dậy.

Phúc cho người không giữ người khác trong tầm kiểm soát, nhưng trao lại cho họ tự do.

Phúc thay người tạo ảnh hưởng lành mạnh —

vì qua họ, thế giới bớt bị thao túng,

con người bớt bị sử dụng,

và sự sống có thêm chỗ đứng.

Bản rút gọn

Phúc thay người tạo ảnh hưởng lành mạnh, vì họ dẫn người khác đến sự sống

Mỗi thời đại có cách riêng để nói về quyền lực. Trong thế giới hôm nay, quyền lực thường mang tên ảnh hưởng. Người có ảnh hưởng không chỉ định hướng sự chú ý, mà còn âm thầm định hình điều người khác coi là quan trọng, đáng ao ước và đáng bắt chước. Nhưng đối với người Kitô hữu, ảnh hưởng không phải là phương tiện để kiểm soát hay tỏa sáng. Nó là một hình thức làm chứng. Ảnh hưởng Kitô giáo không nhằm chiếm lấy người khác, mà nhằm mở đường cho sự sống.

Đức Giêsu là người có ảnh hưởng sâu xa nhất trong lịch sử, nhưng Người không xây dựng ảnh hưởng bằng phô trương hay thao túng. Ảnh hưởng của Người đến từ tình yêu được sống cách cụ thể. Lời nói và hành động của Người chạm đến con người không bằng mảnh lời, mà bằng sự thật trong yêu thương. Chính vì thế, ảnh hưởng của Người biến đổi từ bên trong.

“Anh em là ánh sáng cho trần gian” (Mt 5,14). Ánh sáng ấy không quy về chính nó, mà chỉ về nguồn sáng. Ảnh hưởng Kitô giáo cũng vậy: không quy về cái tôi, mà hướng về Thiên Chúa.

Ảnh hưởng đời và ảnh hưởng Tin Mừng

Trong logic thế tục, ảnh hưởng thường được đo bằng con số: người theo dõi, lượt tương tác, độ lan tỏa. Giá trị của ảnh hưởng nằm ở việc chiếm lĩnh sự chú ý. Và để duy trì điều đó, người

tạo ảnh hưởng dễ bị cuốn vào trình diễn, phải luôn có mặt, luôn gây phản ứng.

Ảnh hưởng Tin Mừng vận hành theo một logic khác. Nó không hỏi: “Tôi lan rộng đến đâu?”, mà hỏi: “Điều tôi sống và nói có dẫn người khác đến sự sống không?” Người làm chứng Tin Mừng không cần nổi bật; họ cần trung thực và nhất quán.

Gương mẫu rõ ràng nhất là Gioan Tẩy Giả. Ông có ảnh hưởng lớn, nhưng sẵn sàng nhỏ lại khi Đức Giêsu xuất hiện: “*Người phải lớn lên, còn tôi phải nhỏ lại*” (Ga 3,30). Đây không phải là thất bại, mà là đỉnh cao của ảnh hưởng Kitô giáo: ảnh hưởng chỉ có ý nghĩa khi nó chỉ về Đấng khác.

Tinh thần ấy mang dấu ấn *kenosis*—tự hạ—của chính Đức Kitô. Người tạo ảnh hưởng lành mạnh không tìm cách làm mình lớn lên trong mắt người khác, mà để cho sự thật, điều thiện và lòng xót thương được lớn lên. Đó không phải là tự ti, mà là tự do nội tâm.

Ảnh hưởng bằng cách sống, không bằng chiếm lĩnh

Ảnh hưởng Kitô giáo không được xây dựng bằng việc phủ kín không gian hay phản ứng liên tục, mà bằng độ tin cậy của sự hiện diện. Người tạo ảnh hưởng lành mạnh không nói nhiều, nhưng khi nói thì đáng tin.

Các văn kiện của Giáo Hội nhấn mạnh rằng dấu ấn Kitô giáo trên không gian số không nằm ở tần suất lên tiếng, mà ở chứng tá của một sự hiện diện biết lắng nghe, phân định và tôn trọng. Trong một môi trường dễ bị kích động, có khi chính việc không phản ứng lại trở thành một hình thức ảnh hưởng âm thầm nhưng sâu xa.

Ảnh hưởng Tin Mừng vận hành bằng sức hút, không bằng lôi kéo. Sức hút ấy đến từ sự nhất quán giữa lời nói và đời sống.

Khi con người nhận ra rằng điều bạn nói phù hợp với cách bạn sống, họ bắt đầu lắng nghe—không vì bạn nói hay, mà vì bạn đáng tin. Một đời sống không trình diễn, không chia đôi, và không lệ thuộc vào ánh nhìn của người khác tạo nên một ảnh hưởng bền vững. Người có ảnh hưởng lành mạnh không giữ người khác quanh mình; họ vui khi thấy người khác trưởng thành và tự đứng vững.

Ảnh hưởng và trách nhiệm luân lý

Ảnh hưởng không bao giờ trung tính. Dù lớn hay nhỏ, mỗi lời nói và mỗi hành vi đều để lại hệ quả. Trong thế giới số, không chỉ những người có nhiều người theo dõi mới là người tạo ảnh hưởng. Mọi Kitô hữu đều là những “micro-influencer”, vì mỗi người đều góp phần định hình bầu khí chung.

Ảnh hưởng có thể nâng con người lên, nhưng cũng có thể làm họ vấp ngã. Gương xấu không chỉ là dạy điều sai, mà còn là bình thường hóa sự cay nghiệt, làm cho điều xấu trở nên “vui” hay “đáng bắt chước”. Ngược lại, gương tốt thường rất lặng lẽ, nhưng bền.

Ảnh hưởng lành mạnh đòi hỏi sự tự do nội tâm: tự do để nói “không”, tự do để dừng lại, và tự do để không sống nhờ sự chú ý. Khi ý thức rằng lời nói của mình có hệ quả, người Kitô hữu nói chậm hơn, chọn lọc hơn và chân thật hơn. Trong cái nhìn Kitô giáo, ảnh hưởng là một hình thức phục vụ: phục vụ sự thật, phục vụ con người và phục vụ bầu khí chung.

Ảnh hưởng âm thầm: Men và muối của Tin Mừng

Không phải mọi ảnh hưởng đều có tên gọi. Nhiều ảnh hưởng lành mạnh diễn ra trong âm thầm: một người không chia sẻ nội

dung làm nhục; một người làm dịu một cuộc trò chuyện căng thẳng; một người không hòa theo sự tàn nhẫn. Những điều ấy hiếm khi được ghi nhận, nhưng giữ cho không gian chung không trượt quá xa.

Đức Giêsu không nói: “Anh em là pháo hoa cho trần gian”, mà nói: *“Anh em là muối cho đời”* (Mt 5,13). Muối không gây chú ý, nhưng thiếu muối, mọi thứ trở nên nhạt. Ảnh hưởng Kitô giáo rất nhiều khi mang dáng dấp ấy: không nổi bật, nhưng giữ cho điều tốt không mất vị.

Ảnh hưởng âm thầm đòi hỏi một sự tự do sâu xa: tự do khỏi nhu cầu được công nhận, khỏi việc phải thấy kết quả ngay, và khỏi nỗi sợ mình không quan trọng. Tin Mừng cho thấy nhiều điều quan trọng đã xảy ra trong thinh lặng. Ảnh hưởng lành mạnh đứng trong cùng logic ấy: gieo mà không kiểm soát hoa trái.

Phúc thay người tạo ảnh hưởng lành mạnh

Ảnh hưởng lành mạnh không tìm cách đặt mình vào trung tâm. Nó không áp đặt hay thao túng, mà mở đường cho điều tốt và cho sự sống. Tin Mừng kể một câu chuyện khác với logic của số đông: hạt cải rất nhỏ, men thì gần như vô hình, muối thì tan đi—nhưng chính những điều nhỏ bé ấy lại làm thay đổi toàn bộ.

Câu hỏi sâu nhất của ảnh hưởng không phải là: “Bao nhiêu người nghe tôi?”, mà là: “Họ được dẫn về đâu?” Ảnh hưởng Kitô giáo không giữ người khác ở lại với mình. Nó dẫn họ đến gần sự sống—gần hơn với Thiên Chúa, với người khác và với chính họ.

Phúc thay người tạo ảnh hưởng lành mạnh —
không phải vì họ nổi bật,

mà vì họ trung thành;
không phải vì họ được theo dõi nhiều,
mà vì qua họ, con người bớt bị sử dụng,
thế giới bớt bị thao túng,
và sự sống có thêm chỗ đứng.

Chương 8

Phúc thay người tiến bước trên con đường hiệp hành, vì họ thuộc về Dân Thiên Chúa

Trong cái nhìn Kitô giáo, làm môn đệ Đức Kitô chưa bao giờ là chuyện đi một mình. Đức tin không phải là con đường của những cá nhân mạnh ai nấy bước, nhưng là một hành trình chung—được dệt nên từ những bước chân song song, những nhịp đi không đều, và cả những lúc phải dừng lại để đợi nhau. Mỗi người mang theo câu chuyện riêng, nhịp sống riêng, nhưng con đường đức tin vẫn là con đường được đi cùng nhau.

Tin Mừng kể lại một hình ảnh rất người và rất thật: hai môn đệ buồn bã rời Giêrusalem sau cái chết của Đức Giêsu. Họ thất vọng, hoang mang, và không hiểu nổi điều vừa xảy ra.

Nhưng họ không đi một mình.

Họ đi cùng nhau,

trò chuyện với nhau,

chia sẻ nỗi đau với nhau.

Và chính trên con đường ấy, Đức Kitô phục sinh đã đến gần, bước đi với họ, lắng nghe họ, rồi từng bước mở trí và sưởi ấm lòng họ.

Ngay cả khi đức tin chạm đáy, hành trình ấy vẫn là một kinh nghiệm cộng đoàn.

Từ trải nghiệm rất căn bản này, Giáo Hội hiểu rằng ơn gọi Kitô hữu không thể tách rời khỏi việc cùng đi với người khác.

Đức tin lớn lên không chỉ nhờ cầu nguyện cá nhân, mà còn nhờ việc lắng nghe nhau, học hỏi lẫn nhau, và cùng nhau phân định con đường phía trước.

Không ai tự mình mang trọn hành trình đức tin,
cũng như không ai được mời gọi bước đi cô độc.

Con đường chung ấy được Giáo Hội gọi là hiệp hành—from *syn-hodos*, nghĩa là “*cùng đi trên một con đường*”. Hiệp hành không có nghĩa là mọi người đều giống nhau, nghĩ giống nhau, hay đi cùng một nhịp. Trái lại, hiệp hành chấp nhận sự khác biệt, nhưng không để khác biệt trở thành lý do để tách rời. Đó là chọn ở lại với nhau, ngay cả khi chưa hiểu nhau trọn vẹn.

Đức Giáo hoàng Phanxicô nhấn mạnh trong Tông huấn *Christus Vivit* rằng một Giáo Hội hiệp hành là Giáo Hội biết lắng nghe, cùng nhau bước đi và cùng nhau phân định—nơi không ai chỉ là người dạy, và cũng không ai chỉ là người học, bởi vì mỗi người đều có điều để trao ban và điều để đón nhận. Hiệp hành, vì thế, không phải là một khẩu hiệu mới hay một chiến lược tổ chức, mà là căn tính sâu xa của chính Giáo Hội.

Căn tính ấy được xây dựng trên một nền tảng rất rõ ràng: *phép Rửa duy nhất*. Chính vì cùng được thanh tẩy trong một phép Rửa, mọi tín hữu đều được mời gọi bước vào cùng một hành trình hiệp thông, tham gia và sứ mạng.

Không ai đứng ngoài.

Không ai là khán giả.

Và cũng không ai sở hữu trọn vẹn sự thật.

Giáo Hội là Dân Thiên Chúa đang lữ hành—một dân chưa đến đích, còn đang học cách bước đi cùng nhau, với tất cả giới hạn, chậm chạp và cả những vấp ngã của mình.

Điều này đòi người môn đệ phải từ bỏ một ảo tưởng rất phổ biến: ảo tưởng rằng mình có thể sống đức tin cách đúng đắn mà không cần người khác.

Thực tế là ta cần người khác để soi sáng những góc khuất mình không thấy;

cần người khác để nâng đỡ khi lòng mình mỏi mệt;

và đôi khi,

cần người khác chỉ để nhắc rằng mình vẫn đang thuộc về một cộng đoàn.

Hiệp hành không làm con đường trở nên dễ dàng hơn, nhưng làm nó trở nên thật hơn. Bởi vì trên con đường ấy, ta không chỉ gặp Thiên Chúa, mà còn gặp chính mình qua gương mặt của người khác.

Hiệp hành trong thời đại số: Khi con đường chung đi qua không gian mạng

Con đường mà con người cùng đi với nhau hôm nay không chỉ nằm trên những lối mòn quen thuộc của đời sống thường ngày. Rất nhiều bước chân đã chuyển sang không gian số—nơi con người gặp nhau qua màn hình, trò chuyện bằng chữ viết, và hiện diện với nhau bằng những dấu vết mong manh nhưng có thật.

Hướng tới sự hiện diện tròn đầy nhấn mạnh rằng không gian số không chỉ là phương tiện kỹ thuật, mà là một môi trường nhân sinh, nơi các mối tương quan được hình thành và con người thực sự “ở với nhau”. Chính vì thế, tinh thần hiệp hành cũng phải được sống trong không gian này, chứ không thể đứng bên ngoài nó (x. số 9-12).

Ở đó, ta học hỏi, làm việc, chia sẻ niềm tin, và tìm kiếm sự nâng đỡ.

Nhưng cũng chính ở đó, ta dễ hiểu lầm nhau hơn, dễ làm tổn thương nhau hơn, và dễ quên rằng mình đang bước đi cùng

những con người thật, chứ không chỉ với những ý kiến hay nội dung.

Hiệp hành trong thời đại số, vì thế, không phải là chuyện thích nghi kỹ thuật. Nó là một chọn lựa thiêng liêng: chọn mang tinh thần cùng đi của Tin Mừng vào cách ta hiện diện trực tuyến.

*Không gian số không tự động trở thành nơi hiệp thông;
nó chỉ trở thành như thế khi con người quyết định sống hiệp hành trong đó.*

Không gian mạng có một nhịp rất riêng. Mọi thứ diễn ra nhanh. Phản ứng được khuyến khích hơn suy nghĩ. Cảm xúc được khuếch đại hơn lắng nghe. Trong nhịp ấy, con người dễ bị cuốn vào việc nói thay vì nghe, phản hồi thay vì phân định.

Hiệp hành mời gọi ta đi chậm lại:

đi chậm để đọc kỹ hơn điều người khác đang cố nói;

đi chậm để nhận ra nỗi lo hay nỗi đau ẩn sau một bình luận gay gắt;

và đi chậm để tự hỏi xem lời mình sắp viết ra có giúp con đường chung rộng mở hơn hay không.

Hiệp hành không phủ nhận những khác biệt trên mạng. Nhưng nó từ chối để khác biệt trở thành lý do loại trừ. Trong không gian số, người ta rất dễ rơi vào những “buồng vang”—nơi ta chỉ nghe những tiếng nói giống mình, chỉ đọc những điều xác nhận điều mình đã tin. Dần dần, con đường chung bị chia cắt thành nhiều lối rẽ song song, mỗi lối đi về một hướng khác nhau. Hiệp hành không ép ta từ bỏ xác tín của mình, nhưng mời gọi ta mở cửa cho những tiếng nói không quen thuộc, với niềm tin rằng Chúa Thánh Thần có thể nói với ta qua những con người ta không chọn trước.

Đi cùng nhau không có nghĩa là luôn đồng ý. Nó có nghĩa là không bỏ nhau lại phía sau chỉ vì khác biệt. Sống hiệp hành trên mạng đòi hỏi một điều rất căn bản: *ý thức về sự hiện diện*.

Phía sau mỗi tài khoản là một con người với lịch sử, giới hạn và những mong manh riêng. Khi ta quên điều đó, lời nói của ta dễ trở nên lạnh lùng, sắc bén và vô trách nhiệm. Khi ta nhớ điều đó, giọng điệu của ta tự nhiên đổi khác.

Hiệp hành không cho phép ta nói bất cứ điều gì chỉ vì mình có thể. Nó mời gọi ta nói như người đang đi cùng, chứ không như kẻ đứng bên lề ném lời phán xét vào người khác. Điều này đặc biệt quan trọng trong một không gian nơi lời nói có thể lan nhanh, nhưng trách nhiệm lại dễ bị pha loãng.

Trên xa lộ số cũng là nơi nhiều người bị thương dọc đường.

Có những người lạc lõng,

bị hiểu lầm,

bị loại trừ,

hoặc bị tấn công tập thể.

Hiệp hành không thể làm ngơ trước những vết thương ấy. Đi cùng nhau trong thế giới số là biết dừng lại, biết ở bên, và biết nâng đỡ—ngay cả khi điều đó không tạo ra hiệu ứng hay sự chú ý.

Đôi khi, chỉ một lời nói dịu dàng,

một sự can thiệp kịp thời,

hay một thái độ không hùa theo đám đông

cũng đủ để giữ cho con đường không trở thành nơi làm tổn thương thêm.

Sau cùng, hiệp hành trong thời đại số là chọn để màn hình không biến thành bức tường, mà trở thành một nhịp cầu. Không phải nhịp cầu hoàn hảo, không phải lúc nào cũng an toàn, nhưng là nhịp cầu đủ để con người không phải bước đi một

mình. Con đường ấy đòi hỏi kiên nhẫn, khiêm tốn và rất nhiều học hỏi. Nhưng đó chính là con đường mà Giáo Hội được mời gọi bước đi hôm nay—cùng nhau, trong thế giới thật và thế giới số đan xen.

Lắng nghe: Bước khởi đầu của con đường hiệp hành

Không có hiệp hành nếu không có lắng nghe. Và cũng không có lắng nghe thật nếu người ta chỉ chờ đến lượt mình nói. Trong đời sống thường ngày, ta quen nghĩ lắng nghe là một kỹ năng giao tiếp. Nhưng trong linh đạo Kitô giáo, lắng nghe trước hết là một thái độ nội tâm. Nó bắt đầu từ việc chấp nhận rằng mình không nắm trọn sự thật, và rằng Thiên Chúa có thể nói với ta qua người khác.

Đức Thánh Cha Lêô XIV đã diễn tả rất súc tích chiều kích này khi ngài nói trong Thánh lễ mừng Năm Thánh của các Nhóm Hiệp hành và các Cơ cấu Tham gia: *“Là một Giáo Hội hiệp hành có nghĩa là nhận ra rằng sự thật không phải là điều để sở hữu, nhưng là điều được tìm kiếm cùng nhau, khi chúng ta để cho mình được dẫn dắt bởi một con tim không ngừng thao thức vì Tình Yêu.”*

Hiệp hành luôn bắt đầu từ điểm rất khiêm tốn ấy:
từ một trái tim sẵn sàng tìm kiếm cùng người khác,
thay vì khép lại trong những xác tín riêng của mình.

Lắng nghe trong hiệp hành không phải là thu thập ý kiến để rồi chọn ra điều mình đã quyết định sẵn. Nó cũng không phải là một bước thủ tục trước khi hành động.

*Lắng nghe là để cho thực tại chạm vào mình,
là cho phép câu chuyện của người khác làm mình xao động,
thậm chí buộc mình phải suy nghĩ lại.*

Điều này không dễ, bởi vì lắng nghe thật đòi ta buông bớt quyền kiểm soát. Khi lắng nghe, ta không còn là người điều khiển cuộc trò chuyện, mà trở thành người đón nhận.

Trong Tin Mừng, Đức Giêsu là người biết lắng nghe theo một cách rất khác. Người không chỉ nghe lời nói, mà còn nghe những điều chưa được nói ra:

nỗi sợ trong lòng Nicôđêmo,
cơn khát sâu xa của người phụ nữ Samari,
hay sự im lặng nặng nề của người thanh niên giàu có.

Lắng nghe của Đức Giêsu không vội sửa sai, không cắt ngang, và không áp đặt câu trả lời sẵn có. Người để cho con người nói hết câu chuyện của mình, rồi từ đó mới mở ra con đường. Hiệp hành học lại chính cách lắng nghe ấy.

Trong đời sống Giáo Hội hôm nay, có rất nhiều tiếng nói cùng lúc vang lên. Có những tiếng nói mạnh mẽ, rõ ràng, nhưng cũng có những tiếng nói yếu ớt và dễ bị bỏ qua:

*người trẻ đang hoang mang,
người lớn tuổi cảm thấy mình không còn chỗ đứng,
hay những người di dân bị tổn thương bởi chính cộng đoàn
đức tin.*

Chính trong chiều kích này, Đức Thánh Cha Lêô XIV đã nhấn mạnh rằng: *“Chúng ta không cần một kiểu truyền thông ồn ào hay áp đặt, nhưng cần một nền truyền thông biết lắng nghe và biết quy tụ những tiếng nói yếu ớt của những người không có tiếng nói.”*

Truyền thông hiệp hành, vì thế, không tìm cách lấn át hay chiếm ưu thế, nhưng tạo chỗ cho những tiếng nói dễ bị bỏ quên được hiện diện và được lắng nghe.

Khi không lắng nghe những tiếng nói ấy, con đường chung sẽ ngày càng hẹp lại.

Lắng nghe trong hiệp hành cũng bao hàm lắng nghe Chúa Thánh Thần. Nhưng Thánh Thần không nói từ bên ngoài thực tại. Ngài nói từ bên trong những gì đang xảy ra:

*qua niềm vui và nỗi lo của Dân Chúa,
qua những căng thẳng chưa được giải quyết,
và đôi khi qua chính sự bối rối của cộng đoàn.*

Lắng nghe Thánh Thần không phải là tìm một tiếng nói huyền bí tách rời đời sống, mà là ở lại đủ lâu với thực tại để phân định đâu là điều dẫn đến sự sống và đâu là điều làm con đường trở nên khép kín.

Trong không gian số, lắng nghe lại càng trở nên khó khăn. Ta dễ đọc nhanh, phản ứng nhanh và kết luận nhanh. Nhưng hiệp hành trên mạng đòi ta phải chống lại nhịp vội vàng ấy.

*Lắng nghe có thể là đọc lại một bình luận trước khi trả lời;
là không phản ứng ngay khi cảm xúc đang dâng cao;
và cũng có thể là chấp nhận im lặng khi chưa đủ hiểu để nói.*

Những cử chỉ nhỏ ấy không gây ấn tượng, nhưng chúng giữ cho con đường chung không bị gãy.

Hiệp hành không bắt đầu bằng việc tìm ra một hướng đi hoàn hảo. Nó bắt đầu bằng đôi tai mở ra và một trái tim sẵn sàng bị chạm tới. Chỉ khi lắng nghe đủ sâu, ta mới có thể bước tiếp cùng nhau—không phải như những người đã biết rõ đích đến, mà như những người tin rằng mình đang được dẫn dắt, từng bước một, trên cùng một con đường.

Chỉ trong viễn tượng ấy, lắng nghe mới không làm mất căn tính, nhưng đặt căn tính của mỗi người vào trong một hòa điệu lớn hơn. Trong Sứ điệp Ngày Thế giới Truyền thông Xã hội 2022, Đức Giáo hoàng Phanxicô nhấn mạnh rằng Giáo Hội không được rơi vào sự đơn âm, nhưng được mời gọi trở thành

một không gian lắng nghe mang tính “đa âm”, nơi nhiều tiếng nói khác nhau có thể cùng vang lên mà không triệt tiêu nhau.

Trong tinh thần ấy, Giáo Hội hiệp hành có thể được ví như một ca đoàn: sự hiệp nhất không đến từ sự đồng dạng, nhưng từ việc mỗi giọng hát biết lắng nghe các giọng khác, để toàn thể cùng hòa vào một bản hòa ca duy nhất dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần.

Phân định chung: Tìm đường giữa những khác biệt

Sau khi đã lắng nghe, con đường hiệp hành không dừng lại ở việc gom góp ý kiến. Hiệp hành không phải là một cuộc trưng cầu để xem ai đông hơn, ai nói to hơn, hay quan điểm nào thuận lợi hơn.

Bước tiếp theo—

và cũng là bước khó nhất—

là phân định chung.

Phân định không phải là tìm một giải pháp thông minh, mà là tìm ra điều dẫn đến sự sống, giữa những khả thể khác nhau, đôi khi rất trái ngược nhau.

Trong đời sống Giáo Hội, khác biệt không phải là điều bất thường. Khác biệt về thế hệ, về kinh nghiệm sống, về cách hiểu đức tin, và về những ưu tư mục vụ rất cụ thể luôn hiện diện. Vấn đề không phải là có khác biệt hay không, mà là ta làm gì với những khác biệt ấy. Khi thiếu phân định, khác biệt dễ biến thành đối đầu; hiệp hành dễ trượt thành thỏa hiệp nông cạn; và con đường chung rất nhanh bị kéo lệch bởi quyền lực hoặc cảm xúc.

Phân định hiệp hành mời gọi ta ở lại đủ lâu với sự khác biệt, để không vội loại trừ, nhưng cũng không phủ nhận sự thật.

Phân định chung không có nghĩa là mọi người đều nghĩ giống nhau. Nó có nghĩa là mọi người cùng hướng về một câu hỏi sâu hơn:

Điều gì đang phục vụ tốt nhất cho sứ mạng, cho con người, và cho sự sống mà Thiên Chúa mong muốn?

Để làm được điều đó, mỗi người phải chấp nhận một điều rất căn bản: ý kiến của mình không phải là trung tâm. Phân định đòi ta buông bớt nhu cầu chiến thắng, đúng lý, hay được công nhận, để nhường chỗ cho điều lớn hơn mình.

Trong Tin Mừng, các môn đệ nhiều lần không hiểu nhau, thậm chí tranh cãi gay gắt. Nhưng họ không bị bỏ mặc cho sự chia rẽ ấy.

*Họ được mời gọi ở lại với nhau,
cầu nguyện,
lắng nghe,
và chờ đợi Chúa Thánh Thần.*

Vì thế, phân định không thể tách rời khỏi cầu nguyện. Không phải cầu nguyện để áp đặt ý mình lên Thiên Chúa, mà là cầu nguyện để được giải phóng khỏi những bám víu đang làm ta mù lòa. Chỉ trong bầu khí ấy, con đường chung mới dần lộ ra—không phải như một bản đồ rõ ràng, mà như một hướng đi có thể bước tiếp.

Trong thực tế, phân định chung rất dễ gây mệt mỏi. Nó đòi thời gian, kiên nhẫn, và khả năng chịu đựng sự mơ hồ.

*Hiệp hành không hứa hẹn những câu trả lời nhanh.
Nó mời gọi sự trung thành với tiến trình.*

Có những lúc, phân định không dẫn đến một quyết định hoàn hảo; nó chỉ giúp cộng đoàn tránh được những ngã rẽ gây tổn thương và giữ cho cánh cửa hiệp thông không bị đóng lại. Và đôi khi, chính điều đó đã là một thành quả rất lớn.

Phân định chung cũng đòi ta phân biệt giữa xung đột lành mạnh và chia rẽ phá hoại. Xung đột lành mạnh giúp sự thật được tinh luyện. Chia rẽ phá hoại làm con đường bị gãy khúc. Hiệp hành không sợ xung đột, nhưng từ chối để xung đột trở thành căn tính.

Trong không gian số, phân định chung càng trở nên khó hơn. Thuật toán ưu ái những câu trả lời rõ ràng, mạnh mẽ và gây phản ứng nhanh, trong khi hiệp hành chọn nhịp chậm của Chúa Thánh Thần—ngay cả khi nhịp ấy đi ngược dòng.

Phân định hiệp hành trên mạng có thể bắt đầu từ những điều rất nhỏ:

*không hòa theo làn sóng phẫn nộ,
không chia sẻ thông tin chưa được hiểu rõ,
và sẵn sàng tạm dừng khi cuộc đối thoại đang trượt khỏi
mục tiêu xây dựng.*

Phân định chung không bảo đảm rằng mọi người sẽ hài lòng. Nhưng nó bảo đảm một điều rất quan trọng: con đường được chọn không phải là con đường của một nhóm nhỏ, mà là con đường đã được đi qua trong lắng nghe, cầu nguyện và trách nhiệm chung. Và chính điều đó giữ cho Giáo Hội tiếp tục bước đi—dù còn nhiều giới hạn—nhưng không đánh mất hướng đi.

Cùng nhau thi hành sứ mạng: Hiệp hành hướng ra thế giới

Hiệp hành không khép lại nơi lắng nghe và phân định. Nếu dừng ở đó, hiệp hành sẽ trở thành một tiến trình đẹp nhưng tự quy chiếu. Con đường hiệp hành chỉ thật sự có ý nghĩa khi nó dẫn ra ngoài, khi những gì cộng đoàn đã nghe và đã phân định được chuyển thành những bước đi cụ thể cho sứ mạng. Bởi vì

Giáo Hội không hiện hữu cho chính mình (x. *Evangelii Gaudium*).

Theo Chúa là bước theo một Đấng luôn hướng ra ngoài.

Đức Giêsu không ở lại với nhóm nhỏ của mình trong an toàn.

*Người đi về phía đám đông,
về phía người bị bỏ rơi,
về phía những vùng ngoại biên cả về địa lý lẫn tinh thần.*

Và Người mời gọi các môn đệ đi cùng Người, không phải như những cá nhân đơn lẻ, mà như một cộng đoàn được sai đi.

Hiệp hành nối kết trực tiếp với sứ mạng ở điểm này:

*không ai được sai đi một mình,
và cũng không ai mang trọn sứ mạng một mình.*

Sứ mạng được trao cho toàn thể Dân Chúa, với những ơn gọi và khả năng khác nhau, nhưng cùng chung một hướng.

Trong một thế giới đầy tổn thương và mệt mỏi, sứ mạng của Giáo Hội không bắt đầu bằng việc áp đặt câu trả lời. Nó bắt đầu bằng sự hiện diện.

Hiện diện để lắng nghe.

Hiện diện để chia sẻ gánh nặng.

Hiện diện để cùng bước với những người đang dò dẫm tìm đường.

Hiệp hành làm cho sứ mạng mang một khuôn mặt khác: không phải là “đi chinh phục”, mà là đi cùng; không phải là “nói cho người khác nghe”, mà là ở lại để cùng tìm kiếm.

Trong thời đại số, nhiều vùng ngoại biên không nằm ở ranh giới địa lý, mà nằm trong trạng thái nội tâm của con người:

*cô đơn,
mất phương hướng,*

nghiện ngập nội dung đòi truy,
bị bắt nạt trên mạng,
bị cuốn vào những dòng thông tin không ngừng nhưng thiếu
những mối quan hệ thật.

Hiệp hành mời gọi Giáo Hội hiện diện ngay trong những
không gian ấy, không phải như một tiếng nói ồn ào giữa đám
đông, mà như một sự hiện diện có khả năng làm dịu, làm chậm
và mở ra đối thoại. Sứ mạng hiệp hành trên mạng không nhằm
chiếm lĩnh không gian, nhưng nhằm tạo chỗ cho con người
được thở.

Cùng nhau thi hành sứ mạng cũng có nghĩa là cùng nhau
chịu trách nhiệm. Không ai có thể đứng ngoài và phê bình con
đường đang đi như thể mình không thuộc về nó.

Hiệp hành mời gọi mỗi người tự hỏi:

mình đang góp phần làm cho sứ vụ trở nên dễ hay khó hơn?

Một lời nói có thể mở ra hy vọng. Một thái độ có thể làm
người khác khép lại. Một chọn lựa nhỏ có thể giữ cho cánh cửa
vẫn còn mở. Sứ vụ hiệp hành được dệt nên từ chính những chọn
lựa như thế.

Hiệp hành cũng giúp Giáo Hội tránh được một cám dỗ rất
tinh vi: *cám dỗ hành động mà không còn đi cùng nhau.*

Có những việc làm rất đúng và rất cần thiết, nhưng nếu tách
khỏi hiệp thông và lắng nghe, chúng dễ trở thành gánh nặng,
thậm chí gây chia rẽ. Hiệp hành nhắc rằng cách ta làm điều tốt
quan trọng không kém điều ta làm.

Sứ vụ không chỉ được đánh giá bằng hiệu quả, mà bằng tinh
thần trong đó nó được thực hiện:

tinh thần hiệp thông,

tôn trọng,

và cùng nhau chịu trách nhiệm.

Sau cùng, hiệp hành hướng ra thế giới không phải vì Giáo Hội có sẵn mọi câu trả lời, mà vì Giáo Hội tin rằng Thiên Chúa vẫn đang hoạt động trong lịch sử và mời gọi con người cộng tác với Ngài. Cùng nhau bước ra trong sứ mạng là chấp nhận đi vào một tương lai chưa hoàn toàn rõ ràng, nhưng không đi trong sợ hãi, vì biết rằng mình đang đi cùng nhau.

Phúc thay người tiến bước trên con đường hiệp hành

Con đường hiệp hành không hứa hẹn sự chắc chắn. Nó không vẽ sẵn bản đồ chi tiết, và cũng không bảo đảm rằng mỗi bước đi đều rõ ràng. Nhưng con đường ấy trao cho người bước đi một điều rất căn bản và rất quý: họ không phải đi một mình.

Trong suốt hành trình đức tin, con người thường bị cám dỗ nghĩ rằng mình phải thấy rõ đích đến thì mới dám bước. Nhưng hiệp hành dạy một cách sống khác: *bước đi trong tin tưởng*.

Tin rằng ngay cả khi chưa thấy trọn con đường, Thiên Chúa vẫn đang đồng hành—và Ngài thường đồng hành qua chính những con người bên cạnh ta.

Có lúc người khác giúp ta nhìn rõ hơn.

Có lúc họ bước chậm lại để đợi ta.

Và cũng có lúc chính ta được mời gọi bước chậm vì người khác.

Hiệp hành làm cho đức tin trở nên nhân bản hơn, vì nó chấp nhận nhịp đi không đều, sự mệt mỏi, và cả những đoạn đường quanh co.

Trong một thế giới quen tôn vinh cá nhân mạnh mẽ và độc lập, hiệp hành là một chứng tá rất khác. Nó nói rằng con người không được cứu độ bằng cách tự mình vươn lên, mà bằng cách học lại nghệ thuật ở bên nhau.

Ở bên nhau khi đồng thuận.

Ở bên nhau khi bất đồng.

Ở bên nhau khi chưa hiểu rõ phải đi đâu tiếp.

Ở bên nhau không phải vì mọi thứ đã ổn, mà vì ở bên nhau là điều đúng đắn.

Con đường hiệp hành cũng không loại trừ những vết thương. Có những tổn thương được mang theo rất lâu. Có những hiểu lầm chưa được tháo gỡ. Và có những chia rẽ cần nhiều thời gian để được chữa lành.

Nhưng hiệp hành từ chối con đường dễ dãi của việc bỏ đi. Nó chọn ở lại, tin rằng việc ở lại, dù khó khăn, vẫn mở ra khả năng cho sự chữa lành mà ra đi trong giận dữ không bao giờ mang lại.

Trong thời đại số, nơi con người có thể rút lui chỉ bằng một cú nhấp chuột, hiệp hành càng trở nên cấp thiết. Nó mời gọi ta không rời khỏi con đường chung chỉ vì mệt mỏi hay bất mãn, nhưng học cách nói, nghe, phân định và bước tiếp cùng nhau—ngay cả khi điều đó đòi hỏi kiên nhẫn. Hiệp hành không đòi ta phải luôn mạnh mẽ. Nó chỉ đòi ta thành thật và trung thành với hành trình chung.

Sau cùng, hiệp hành là lời nhắc nhẹ nhàng nhưng kiên định rằng:

Giáo Hội không phải là nơi của những người hoàn hảo,

mà là một dân đang đi,

còn học hỏi,

còn hoán cải,

và còn cần đến lòng thương xót của Thiên Chúa mỗi ngày.

Phúc cho người không đi nhanh để bỏ lại người khác phía sau. Phúc cho người không rút lui khi con đường trở nên khó.

Phúc cho người dám ở lại, lắng nghe và bước tiếp dù chưa thấy hết tương lai.

*Phúc thay người tiến bước trên con đường hiệp hành—
vì họ biết rằng đi cùng nhau chính là cách Thiên Chúa dẫn
nhân loại về phía trước.*

Bản rút gọn

Phúc thay người tiến bước trên con đường hiệp hành, vì họ thuộc về Dân Thiên Chúa

Trong cái nhìn Kitô giáo, làm môn đệ Đức Kitô chưa bao giờ là chuyện đi một mình. Đức tin không phải là con đường cá nhân khép kín, mà là một hành trình được đi cùng nhau. Mỗi người mang nhịp bước và câu chuyện riêng, nhưng con đường đức tin luôn là con đường chung.

Tin Mừng cho thấy điều đó nơi hai môn đệ trên đường Emmau: họ buồn bã, hoang mang, nhưng không đi một mình. Họ đi cùng nhau, trò chuyện với nhau, và chính trên con đường ấy, Đức Kitô phục sinh đến gần, lắng nghe và đồng hành. Ngay cả khi đức tin chạm đáy, hành trình ấy vẫn là kinh nghiệm cộng đoàn.

Từ đó, Giáo Hội hiểu rằng không ai được mời gọi sống đức tin trong cô độc. Đức tin lớn lên nhờ lắng nghe nhau, học hỏi nhau và cùng nhau phân định. Con đường ấy được gọi là hiệp hành—*syn-hodos*, nghĩa là “cùng đi trên một con đường”.

Hiệp hành không đòi mọi người giống nhau. Nó chấp nhận khác biệt, nhưng từ chối để khác biệt trở thành lý do chia rẽ. Đó là chọn ở lại với nhau, ngay cả khi chưa hiểu nhau trọn vẹn. Nền tảng của hiệp hành là phép Rửa duy nhất: không ai đứng ngoài, không ai là khán giả, và cũng không ai sở hữu trọn sự thật. Giáo Hội là Dân Thiên Chúa đang lữ hành—còn học cách bước đi cùng nhau, với tất cả giới hạn và chậm chạp của mình.

Hiệp hành trong thời đại số: Vùng đi trong không gian mạng

Ngày nay, con đường chung của con người không chỉ đi qua đời sống trực tiếp, mà còn đi qua không gian số. Đây không chỉ là phương tiện kỹ thuật, mà là một môi trường nhân sinh, nơi các mối tương quan được hình thành và con người thực sự “ở với nhau”.

Sống hiệp hành trong thời đại số không phải là chuyện thích nghi kỹ thuật, mà là một chọn lựa thiêng liêng: mang tinh thần cùng đi của Tin Mừng vào cách ta hiện diện trực tuyến. Không gian mạng không tự động trở thành nơi hiệp thông; nó chỉ trở thành như thế khi con người quyết định sống hiệp hành trong đó.

Trong một môi trường khuyến khích phản ứng nhanh và cảm xúc mạnh, hiệp hành mời gọi ta đi chậm lại: đọc kỹ hơn, nghe sâu hơn, và phân định trước khi nói. Hiệp hành không phủ nhận khác biệt, nhưng từ chối logic loại trừ. Nó nhắc rằng phía sau mỗi tài khoản là một con người thật, với lịch sử, mong manh và giới hạn.

Sống hiệp hành trên mạng là nói như người đang đi cùng, chứ không như kẻ đứng ngoài phán xét. Đó cũng là biết dừng lại trước những vết thương: không hòa theo bạo lực ngôn từ, biết bảo vệ người yếu thế, và chọn làm cho màn hình trở thành nhịp cầu thay vì bức tường.

Lắng nghe: Bước khởi đầu của con đường hiệp hành

Không có hiệp hành nếu không có lắng nghe. Nhưng lắng nghe trong linh đạo Kitô giáo không chỉ là kỹ năng, mà là một thái

độ nội tâm: chấp nhận rằng mình không nắm trọn sự thật, và Thiên Chúa có thể nói với ta qua người khác.

Lắng nghe hiệp hành không phải là thu thập ý kiến để củng cố điều mình đã quyết. Nó là để cho thực tại chạm vào mình, để câu chuyện của người khác có thể làm mình xao động và thay đổi. Trong Tin Mừng, Đức Giêsu lắng nghe không chỉ lời nói, mà cả những điều chưa được nói ra. Người để cho con người nói hết câu chuyện của họ, rồi từ đó mới mở ra con đường.

Trong Giáo Hội, có những tiếng nói dễ bị bỏ qua: người trẻ hoang mang, người lớn tuổi bị quên lãng, hay những người ở bên lề. Hiệp hành đòi hỏi tạo chỗ cho những tiếng nói yếu ớt ấy được hiện diện và được lắng nghe. Khi không lắng nghe họ, con đường chung sẽ ngày càng hẹp lại.

Lắng nghe cũng là lắng nghe Chúa Thánh Thần—Đấng nói từ bên trong thực tại, qua niềm vui, nỗi lo và cả sự bối rối của Dân Chúa. Trong không gian số, lắng nghe đòi ta chống lại nhịp vội vàng: đọc lại trước khi trả lời, không phản ứng khi cảm xúc còn nóng, và chấp nhận im lặng khi chưa đủ hiểu để nói.

Phân định chung: Tìm đường giữa những khác biệt

Hiệp hành không dừng lại ở lắng nghe. Bước tiếp theo là phân định chung—không phải để tìm giải pháp thông minh nhất, mà để tìm điều dẫn đến sự sống. Phân định không phải là trưng cầu ý kiến hay thỏa hiệp dễ dãi, mà là ở lại đủ lâu với khác biệt để không vội loại trừ, cũng không phủ nhận sự thật.

Phân định hiệp hành đòi mỗi người buông bớt nhu cầu chiến thắng hay khẳng định mình, để cùng hướng về điều phục vụ tốt nhất cho sứ mạng và con người. Nó không thể tách rời khỏi cầu

nguyện, bởi chỉ trong cầu nguyện, ta mới được giải phóng khỏi những bám víu làm mình mù lòa.

Phân định chung hiếm khi mang lại câu trả lời nhanh. Nhưng ngay cả khi chưa có giải pháp hoàn hảo, nó vẫn giữ cho con đường không bị gãy và cánh cửa hiệp thông không bị đóng lại.

Trong thế giới số, phân định hiệp hành bắt đầu từ những lựa chọn nhỏ: không hòa theo phần nộ, không chia sẻ điều chưa hiểu rõ, và sẵn sàng dừng lại khi đối thoại không còn xây dựng.

Hiệp hành hướng ra sứ mạng

Hiệp hành không khép lại nơi lắng nghe và phân định. Nó dẫn ra sứ mạng. Giáo Hội không hiện hữu cho chính mình, mà được sai đi—không phải như những cá nhân đơn lẻ, mà như một cộng đoàn cùng bước.

Sứ mạng hiệp hành không bắt đầu bằng áp đặt câu trả lời, mà bằng sự hiện diện: hiện diện để lắng nghe, chia sẻ gánh nặng và cùng bước với những người đang tìm đường.

Trong thời đại số, nhiều vùng ngoại biên nằm trong sự cô đơn, lạc hướng và tổn thương nội tâm. Hiệp hành mời gọi Giáo Hội hiện diện ở đó—không ồn ào, nhưng đủ gần để con người không phải đi một mình.

Cùng nhau thi hành sứ mạng cũng là cùng nhau chịu trách nhiệm. Hiệp hành nhắc rằng cách ta làm điều tốt quan trọng không kém điều ta làm.

Sứ vụ không được đo chỉ bằng hiệu quả, mà bằng tinh thần hiệp thông, tôn trọng và cùng nhau chịu trách nhiệm.

Phúc thay người tiến bước trên con đường hiệp hành

Con đường hiệp hành không hứa hẹn sự chắc chắn. Nó không vẽ sẵn bản đồ chi tiết. Nhưng nó trao cho người bước đi một điều rất căn bản: họ không đi một mình.

Hiệp hành dạy ta bước đi trong tin tưởng—tin rằng Thiên Chúa đồng hành, và Ngài thường đồng hành qua chính những con người bên cạnh ta. Có lúc ta cần người khác để thấy rõ hơn. Có lúc ta phải bước chậm lại vì người khác. Và có lúc, chính việc ở lại đã là một hành vi đức tin.

Trong một thế giới đề cao cá nhân và rút lui dễ dàng, hiệp hành là một chứng tá khác: con người không được cứu độ bằng cách tự mình vươn lên, mà bằng cách học lại nghệ thuật ở bên nhau—khi đồng thuận, khi bất đồng, và khi chưa biết phải đi đâu tiếp.

Phúc thay người tiến bước trên con đường hiệp hành —
không phải vì họ đi nhanh,
mà vì họ không bỏ lại ai phía sau;
không phải vì họ thấy rõ mọi ngã rẽ,
mà vì họ dám ở lại, lắng nghe và bước tiếp cùng nhau.

Lời Kết

Hành trình của tám mối phúc thật trong tập sách này không khép lại bằng một câu trả lời dứt khoát, cũng không kết thúc bằng một danh sách những điều cần làm. Bởi vì đời sống đức tin—nhất là trong thế giới số—không phải là một bài toán có lời giải sẵn, mà là một con đường cần được bước đi mỗi ngày.

Mỗi chương trong sách chỉ là một trạm dừng nhỏ, nơi người đọc có thể dừng lại để nhìn lại chính mình:

cách mình nói,

cách mình lắng nghe,

cách mình hiện diện,

và cách mình đối xử với người khác trong những không gian tưởng chừng rất bình thường.

Nhưng chính những không gian ấy—các dòng trạng thái, phản bình luận, tin nhắn riêng, hay những cuộc tranh luận công khai—lại là nơi đức tin của chúng ta được thử thách và được biểu lộ rõ nhất.

Nếu có một sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ tập sách, thì đó là xác tín này: *đức tin không bị tách khỏi đời sống thường ngày, và mạng xã hội không nằm ngoài hành trình làm môn đệ Đức Kitô.*

Không có một đời sống thiêng liêng “ở bên ngoài” cách ta tương tác với người khác. Không có một Tin Mừng trừu tượng, không chạm đến những lời ta viết ra khi bức bối, khi sợ hãi, khi muốn bảo vệ cái tôi, hay khi tìm kiếm sự công nhận.

Chính trong những khoảnh khắc rất người ấy, câu hỏi Tin Mừng vang lên cách âm thầm nhưng dai dẳng:

Con đang hiện diện như thế nào?

Lời con nói đang dẫn đến sự sống hay làm tổn thương thêm?

Con đang đi một mình, hay đang bước đi cùng người khác?

Tám mối phúc thật được gọi lên trong tập sách này không nhằm tạo ra những Kitô hữu “hoàn hảo” trên mạng xã hội. Chúng mời gọi một điều khiêm tốn hơn, nhưng cũng khó hơn nhiều: trở thành những người trung thực với đức tin của mình—ngay cả khi không ai nhìn thấy, ngay cả khi không được khen ngợi, và ngay cả khi điều đó đòi ta phải đi chậm lại giữa một thế giới quen vội vàng.

Phúc cho người biết tìm hiểu trước khi chia sẻ.

Phúc cho người dám sống căn tính môn đệ giữa áp lực trình diễn.

Phúc cho người hiện diện thật, đối thoại thật, và nói lời sự thật với lòng xót thương.

Và phúc cho người chọn bước đi cùng người khác, thay vì tách mình ra trong an toàn.

Những mối phúc ấy không hứa hẹn thành công theo tiêu chuẩn của thế giới. Nhưng chúng hứa hẹn một cách sống nhân bản hơn, tự do hơn, trung tín hơn, và gần với Tin Mừng hơn.

Khi gấp lại tập sách này, người đọc vẫn sẽ trở lại với dòng chảy quen thuộc của mạng xã hội, với những tranh luận chưa dứt, những thông tin dồn dập, và cả những mệt mỏi rất thật. Nhưng ước mong rằng, đâu đó trong những tương tác thường ngày ấy, sẽ có những khoảnh khắc rất nhỏ nhưng rất thật:

một lần dừng lại trước khi phản ứng,

một lần chọn lắng nghe thay vì lên tiếng,

một lần hiện diện với lòng tôn trọng thay vì phán xét.

Chính những khoảnh khắc nhỏ bé ấy là nơi Tin Mừng được sống—không ồn ào, không phô trương, nhưng bền bỉ và có sức biến đổi.

Cuối cùng, con đường mà tập sách này gợi ra không phải là con đường của những cá nhân đơn lẻ, mà là con đường hiệp hành: con đường của những con người còn đang học cách đi cùng nhau, còn đang vấp ngã, còn đang hoán cải, nhưng không bỏ nhau lại phía sau.

Ước mong rằng, trong thế giới số đầy tiếng nói và hình ảnh, người Kitô hữu vẫn có thể trở thành những người gieo hy vọng—bằng chính cách mình hiện diện, tương tác và đồng hành.

Và ước mong rằng, ở bất cứ nơi đâu—kể cả trước một màn hình—con đường Tin Mừng vẫn được mở ra, từng bước một, cùng nhau.

Về Tác Giả

Lm. Anthony Lê Đức, SVD là học giả trong lĩnh vực nghiên cứu tôn giáo, thần học luân lý và truyền thông tôn giáo, với nền tảng đào tạo liên ngành và hoạt động học thuật quốc tế. Ngài có bằng Tiến sĩ Nghiên cứu Tôn giáo và hiện là Phó Giáo sư Thần học Luân lý tại Chung viện Quốc gia Lux Mundi, Thái Lan.

Lĩnh vực nghiên cứu chính của ngài tập trung vào giao điểm giữa tôn giáo và các vấn đề đương đại, đặc biệt là truyền thông xã hội, công nghệ kỹ thuật số, sinh thái học, di dân, đối thoại liên tôn và nhân văn tôn giáo. Các công trình của ngài đóng góp đáng kể cho việc phát triển các khung lý thuyết về truyền thông tôn giáo trong bối cảnh hậu sự thật (post-truth), sinh thái toàn diện, và đạo đức Kitô giáo trong thời đại kỹ thuật số.

Ngài hiện là Giám đốc Điều hành Trung tâm Nghiên cứu Á châu về Tôn giáo và Truyền thông Xã hội thuộc Đại học St John's, Thái Lan, đồng thời là Tổng biên tập tạp chí học thuật phản biện quốc tế *Religion and Social Communication*. Ngài cũng tham gia hội đồng biên tập và hội đồng khoa học của nhiều tạp chí học thuật quốc tế về tôn giáo, triết học, truyền thông và sinh thái học.

Với danh mục xuất bản phong phú gồm sách chuyên khảo, sách biên tập và nhiều bài nghiên cứu đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín, Lm. Anthony Lê Đức được biết đến như một tiếng nói học thuật có chiều sâu trong các cuộc đối thoại liên ngành và liên tôn, đặc biệt về vai trò của tôn giáo trong việc định hình lương tâm xã hội, văn hóa truyền thông và trách nhiệm sinh thái toàn cầu.

TÁM MỐI PHÚC

TRÊN MẠNG XÃ HỘI

Chúng ta đang sống trong một thời đại mà rất nhiều cuộc gặp gỡ diễn ra qua màn hình. Chính trong không gian số ấy, người Kitô hữu hôm nay cũng đang sống đức tin của mình – hoặc đang để đức tin ấy bị bào mòn – qua từng lời nói, từng chia sẻ và từng thái độ hiện diện.

Tám Mối Phúc Trên Mạng Xã Hội là một lời mời gọi dừng lại và phân định. Dựa trên các Mối Phúc trong Tin Mừng, cuốn sách không đưa ra những quy tắc sử dụng mạng xã hội, nhưng mở ra một lộ trình linh đạo giúp người đọc sống đức tin cách nhân bản, trung thực và đầy hy vọng trong thế giới số.

Mỗi chương được trình bày theo hai nhịp đọc – đầy đủ và rút gọn – để người đọc có thể đọc chậm khi có thời gian, và dừng lại lắng nghe khi nhịp sống không cho phép.

Cuốn sách dành cho người trẻ, cho người làm mục vụ, cho các gia đình và cộng đoàn, và cho bất cứ ai thao thức trước câu hỏi: *Làm thế nào để sống Tin Mừng giữa một thế giới luôn hối thúc phải nhanh?*